

NGUYỄN KHẮC THUẦN

VIỆT SỬ GIAI THOẠI

TẬP 4

**36 GIAI THOẠI THỜI HỒ
VÀ THỜI THUỘC MINH**



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

NGUYỄN KHẮC THUẦN

VIỆT SỬ GIAI THOẠI

TẬP 4

**36 GIAI THOẠI THỜI HỒ
VÀ THỜI THUỘC MINH**

(Tái bản lần thứ mười)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC

VIỆT SỬ GIAI THOẠI LÀ BỘ SÁCH GIỚI THIỆU NHỮNG MẪU CHUYỆN GIÀU CHẤT TRIẾT LÝ VÀ GIÁ TRỊ ĐẠO LÝ, CÓ NGUỒN GỐC TRỰC TIẾP TỪ CHÍNH SỬ XƯA CỦA TỔ TIÊN. NÓI CHUNG, SỬ THẦN XƯA THƯỜNG TỎ RA ÍT THIỆN CẢM VỚI TRIỀU HỒ VÀ ĐẶC BIỆT LÀ VỚI HỒ QUÝ LY. BỞI LÊ ĐÓ, **VIỆT SỬ GIAI THOẠI** SẼ KHÔNG SAO TRÁNH KHỎI SỰ THIẾU THỎA ĐÁNG. XIN BẠN ĐỌC HÃY RỘNG LÒNG MIỄN THỨ. CHÚNG TÔI KHÔNG HỀ LÀM CÔNG VIỆC ĐÁNH GIÁ TRIỀU HỒ MÀ CHỈ LÀM CÔNG VIỆC TRÍCH DỊCH MỘT SỐ ĐOẠN CỦA CHÍNH SỬ XƯA VỀ TRIỀU HỒ VÀ MẠO MUỘI VIẾT THÊM LỜI BÀN THEO CÁCH HIỂU RIÊNG CỦA MÌNH MÀ THÔI.

TÁC GIẢ

MẤY LỜI DẪN CHUYỆN VỀ TRIỀU HỒ

Sách **Đại Việt sử kí toàn thư** (bản kỉ, quyển 8, tờ 33-a) cho biết rằng, **Hồ Quý Ly**, tự là **Lý Nguyên**, người gốc ở **Chiết Giang (Trung Quốc)**. Vào thời **Ngũ Quý** (cũng gọi là thời **Ngũ Đại Thập Quốc**, 907 - 960), tiền tổ của **Hồ Quý Ly** là **Hồ Hưng Dật** được cử sang làm **Thái thú Diễn Châu** (Nghệ An ngày nay). **Hồ Hưng Dật** làm nhà ở thôn **Bào Đột**, về sau, con cháu **Hồ Hưng Dật** trở thành trại chủ của đất này. Thời **Lý** (1010 - 1225), họ **Hồ** đã có người lấy **Công chúa Nguyệt Đức**, sinh ra **Công chúa Nguyệt Đoan**, dẫu vậy, họ **Hồ** vẫn chưa phải là một cự tộc.

Đến đời thứ 12, một người của họ **Hồ** ở **Diễn Châu** là **Hồ Liêm** đã di cư ra vùng **Đại Lại (Thanh Hóa)**, làm con nuôi của quan **Tuyên úy Lê Huấn**, nên nhận là người họ **Lê**. Nếu coi **Lê Huấn** là tổ thì **Hồ Quý Ly** là cháu bốn đời của ông. Bởi mối quan hệ này, sử cũ vẫn gọi **Hồ Quý Ly** là **Lê Quý Ly**.

Thuở nhỏ, **Hồ Quý Ly** theo học võ nghệ với **Sư Tế**. **Sư Tế** người họ **Nguyễn**, có người con trai là **Nguyễn Đa Phương** cũng rất giỏi võ nghệ. **Hồ Quý Ly** kết nghĩa anh em với **Nguyễn Đa Phương**.

Về đường danh vọng, tuy là được xây đắp phần lớn bằng thủ đoạn và hãn nhiên là cả bằng xương máu của nhiều người nữa, song, quả là cổ kim hiếm có nhân vật lịch sử nào có thể sánh được với **Hồ Quý Ly**. Sách **Đại Việt sử kí toàn thư** viết:

"Đời **Trần Nghệ Tông** (1370 - 1372 - ND), từ chức **Chi hậu tứ cục chánh chuồng**, thăng lên **Khu mật viện đại sử**, lên **Tiểu tư không**, tiến phong **Đồng bình chương sự**, sau liên tiếp gia phong tới **Phụ chính thái sư nhiếp chính**, **Khâm Đức Hưng Liệt Đại vương**, **Quốc tổ chương hoàng** rồi thay nhà **Trần**, đặt quốc hiệu mới là **Đại Ngu**, trở lại họ **Hồ**, chưa đầy một năm thì truyền ngôi cho con là **Hán Thương**".

Triều Hồ chỉ tồn tại được vồn vẹn chưa đầy 7 năm (1400 - 1407) nhưng lại là triều đại có lắm chuyện đáng lưu tâm. Có những chuyện do chính bản thân triều Hồ tạo ra, nhưng cũng có không ít chuyện do người đời sau khác ý khi nhận định về triều Hồ mà có.

Với triều đại quá ngắn ngủi này, chúng tôi xét thấy không cần thiết phải lập thêm một bảng niên biểu riêng, chỉ xin kê ra đây mấy sự kiện lớn trước khi kể từng giai thoại riêng biệt.

1 - HỒ QUÝ LY

- Năm 1371 : được vua Trần Nghệ Tông phong tước Trung Tuyên quốc thượng hầu, chức Khu mật viện đại sứ.
- Năm 1375 : được Thượng hoàng Trần Nghệ Tông và vua Trần Duệ Tông thăng chức Tham mưu quân sự.
- Năm 1379 : được Thượng hoàng Trần Nghệ Tông và vua Trần Phế Đế thăng chức Tiểu tư không, kiêm Khu mật viện đại sứ.
- Năm 1380 : được Thượng hoàng Trần Nghệ Tông và vua Trần Phế Đế thăng chức Nguyên nhung, quản việc Hải Tây đồ thống chế.
- Năm 1387 : được Thượng hoàng Trần Nghệ Tông và vua Trần Phế Đế thăng chức Đồng bình chương sự (thành viên cơ quan tối cao của nhà nước).
- Năm 1395 : được vua Trần Thuận Tông thăng tước Tuyên Trung vệ quốc Đại vương.
- Năm 1397 : ép vua Trần Thuận Tông phải dời đô từ Thăng Long vào Thanh Hóa.
- Năm 1398 : ép vua Trần Thuận Tông phải nhường ngôi cho Trần Thiếu Đế (lúc ấy mới 3 tuổi).
- Năm 1399 : giết vua Trần Thuận Tông, sau lại giết thêm 370 người mà Hồ Quý Ly cho là thuộc phe đối nghịch với mình, rồi tự xưng là Quốc tổ chương hoàng.

- Năm 1400 : truất ngôi của vua Trần Thiếu Đế (cũng là cháu ngoại của Hồ Quý Ly), tự lập làm vua và đặt quốc hiệu mới là Đại Ngu. Quốc hiệu Đại Ngu chỉ có dưới thời Hồ (1400 - 1407).

2 - HỒ HÁN THƯƠNG : con của Hồ Quý Ly

- Năm 1399 : xưng là Nhiếp thái phó.
- Năm 1401 : được Hồ Quý Ly nhường ngôi (từ đó Hồ Quý Ly là Thái thượng hoàng).
- Năm 1407 : Nhà Minh xâm lược nước ta. Cuộc kháng chiến do nhà Hồ lãnh đạo bị thất bại. Thượng hoàng Hồ Quý Ly, vua Hồ Hán Thương và một loạt các đại thần của nhà Hồ bị nhà Minh bắt về Trung Quốc làm tù binh. Nước ta bị nhà Minh đô hộ trong vòng 20 năm (1407 - 1427).

Thời thuộc Minh là một trong những thời bi thương nhất của lịch sử dân tộc ta. Quân Minh đô hộ đã tìm đủ mọi phương sách để đàn áp và bóc lột nhân dân ta đến tận cùng của sự tàn bạo và thậm tệ, đúng như Nguyễn Trãi đã tổng kết :

... "Nướng dân đen trên ngọn lửa hung tàn,
Vùi con đỏ xuống dưới hầm tai vạ.
Dối trời, lừa người, mưu gian đủ muôn ngàn kế,
Cây binh gây hấn, tội ác chứa ngót hai mươi năm".

(Bình Ngô đại cáo)

Song, thời thuộc Minh cũng là thời nhân dân ta liên tiếp vùng dậy chiến đấu ngoan cường. Hàng loạt anh hùng hào kiệt đã anh dũng dựng cờ xuống nghĩa đánh giặc cứu nước. Hai mươi năm chiến đấu gian lao cũng là hai mươi năm có biết bao mẫu chuyện đáng nhớ đã xảy ra. Chúng tôi quả là có phần lúng túng khi chọn kết cấu thích hợp cho tập sách nhỏ này. Sau nhiều lần cân nhắc, chúng tôi quyết định vẫn giữ nguyên tên gọi là giai thoại về thời Hồ và thời thuộc Minh, nhưng tất cả những giai thoại gắn liền với Lam Sơn,

với cuộc đời và sự nghiệp của Lê Lợi, chúng tôi đều chuyển sang tập sau, mặc dầu nhiều chuyện thực sự xảy ra trong thời thuộc Minh.

Cuối cùng, xin chân thành cảm ơn Nhà xuất bản Giáo dục đã giúp chúng tôi nối nhip cầu giao lưu với bạn đọc gần xa, những người thành kính ngưỡng mộ tổ tiên mình, và cũng xin tất cả bạn đọc hãy nhận ở đây chút lòng thành của tôi.

Thành phố Hồ Chí Minh

9 - 1992

NGUYỄN KHẮC THUẦN

1 - HỒ QUÝ LY VỚI ĐỘT CÔNG PHÁ ĐẦU TIÊN VÀO TRIỀU TRẦN

Bởi có hai bà cô ruột cùng lấy vua Trần Minh Tông (1314 - 1329) một bà là Hoàng phi Minh Từ, người sinh ra vua Trần Hiến Tông (1329 - 1341), một bà là Hoàng phi Đôn Từ, người sinh ra vua Trần Duệ Tông (1372 - 1377), nên Hồ Quý Ly rất được triều Trần biệt đãi. Đã thế, con gái của Hồ Quý Ly là Hoàng hậu của vua Trần Thuận Tông (1388 - 1398), rồi bản thân Hồ Quý Ly cũng lấy Công chúa Huy Ninh là con của vua Trần Nghệ Tông (1370 - 1372) và em gái họ của Hồ Quý Ly lại lấy vua Trần Duệ Tông (người sinh ra vua Trần Phế Đế)... cho nên, quan lại triều Trần thời Nghệ Tông hầu như không ai không kiêng sợ Hồ Quý Ly.

Được Thượng hoàng Trần Nghệ Tông che chở và tin cậy, Hồ Quý Ly không còn coi ai ra gì nữa. Trong suốt thời gian Nghệ Tông làm Thượng hoàng (từ năm 1372 đến năm 1394), Hồ Quý Ly đã gần như thao túng được toàn bộ các hoạt động của triều đình, đồng thời dùng mọi cách để lần lượt thủ tiêu những kẻ đối nghịch. Cuộc công phá có quy mô lớn đầu tiên của Hồ Quý Ly vào triều Trần là việc lật nhào ngôi vị của vua Trần Phế Đế (1377 - 1388). Sự kiện này diễn ra vào tháng 8 năm Mậu Thìn (1388) và được sách *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản kỉ, quyển 8, tờ 10-b và tờ 11-a) chép lại như sau :

"Vua (đây chỉ Trần Phế Đế - ND) bàn mưu với Thái úy Ngạc (tức Trang Định Vương Trần Ngạc - ND) rằng :

- Thượng hoàng tin yêu ngoại thích là Quý Ly, cho hẳn mặc sức làm gì thì làm, nếu không lo trước đi thì sau sẽ rất khó chế ngự.

Con của Vương Nhữ Chu là (Vương) Nhữ Mai lúc ấy đang hầu Vua học, nhân đó biết mà tiết lộ mưu này nên Hồ Quý Ly biết được. Đa Phương (con Sư Tề, em kết nghĩa của Hồ Quý Ly - ND)

khuyên Hồ Quý Ly tránh ra núi Đại Lại (tức núi Kim Ân, thuộc Vĩnh Lộc, Thanh Hóa – ND) để chờ xem biến động thế nào. Phạm Cự Luận nói :

– Không được. Một khi đã ra ngoài (kinh thành) thì khó mà lo nổi chuyện sống còn.

Quý Ly nói :

– Nếu không còn phương sách gì thì ta đành tự tử, không để tay kẻ khác giết mình.

Cự Luận nói :

– Thượng hoàng trong lòng vẫn căm Vua về việc giết Quan Phục Đại vương (một trong những người con của Nghệ Tông – ND), và Vua cũng chẳng vui gì về chuyện này. Nay quyền bính trong thiên hạ đều ở đại nhân cả mà Vua lại mưu hại đại nhân thì ắt Thượng hoàng càng lấy làm ngờ lắm. Đại nhân nên hãy liêu vào lạy Thượng hoàng, bày tỏ lợi hại thì nhất định Thượng hoàng sẽ nghe theo, chuyển họa thành phúc dễ như trở bàn tay vậy. Thượng hoàng có nhiều con đích, đại nhân cứ tâu rằng, thần nghe ngạn ngữ nói : "Chưa ai dám bán con để nuôi cháu, chỉ thấy bán cháu để nuôi con" (ý muốn chỉ việc Nghệ Tông cho lập cháu nội là Trần Phế Đế, con của Trần Duệ Tông, làm vua mà không lập con mình lên ngôi vua – ND). (Nghe thế), may ra Thượng hoàng sẽ tỉnh ngộ mà đổi lập Chiêu Định Vương (tức Trần Ngung, con út của Nghệ Tông – ND) lên ngôi. Nếu đến lúc ấy mà Thượng hoàng vẫn không nghe thì chết cũng chưa muộn.

Quý Ly nghe theo, bí mật tâu với Thượng hoàng như lời Cự Luận bàn. Thượng hoàng cho là phải".

Lời bàn : Nhờ có tài, lại nhờ mối quan hệ hôn nhân chẳng chặt, Hồ Quý Ly đã tạo được thân thế cho riêng mình. Đã vậy, bên cạnh Quý Ly còn có võ tướng khét tiếng là Nguyễn Đa Phương, mưu sĩ trí xảo là Phạm Cự Luận, triều Trần đổ nát thật khó lòng mà quản chế nổi. Đến cả nhà vua mà còn bị gièm pha để rồi bị truất phế và bị giết một cách thê thảm, thì thử hỏi còn ai đủ sức qua mặt Hồ Quý Ly ?

Hồ Quý Ly là người thế nào, khỏi bàn cũng đã rõ, chỉ tiếc là cái gốc của sự điên loạn lại nằm ngay trong phép dùng người của triều Trần.

Với Nghệ Tông, Trần Phế Đế là cháu nội, Trần Thuận Tông là con đẻ. Với Hồ Quý Ly, Trần Thuận Tông vừa là cháu họ lại vừa là con rể. Máu mủn trực hệ mà Nghệ Tông còn không thương tình, bảo Quý Ly phải thương xót con rể làm sao được ? Sau, Quý Ly giết chết vua Trần Thuận Tông, cách nghĩ cách làm tuy có khác, nhưng mạch đức hạnh thì cũng chung nhau đó thôi.

2 - HỒ QUÝ LY MUỐN TAY THƯỢNG HOÀNG NGHỆ TÔNG ĐỂ GIẾT VUA PHẾ ĐẾ

Ngày 6 tháng 12 năm Mậu Thìn (1388), nghĩa là bốn tháng sau khi nghe lời mật tấu đầy ác ý gièm pha của quan Đồng bình chương sự (Hồ Quý Ly - ND), cũng là thông gia của mình, thượng hoàng Trần Nghệ Tông quyết định phế bỏ vua Trần Phế Đế. Đây là một trong những cuộc phế lập rất thương tâm, được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 8 từ 11 a-b) chép lại như sau :

"Tháng 12, ngày mồng 6, sáng sớm, Thượng hoàng vờ ngự về An Sinh sai Điện hậu hộ vệ, rồi sai Chỉ huy hậu nội nhân gọi Vua tới bàn việc nước. Vua chưa kịp ăn, vội đi ngay, chỉ có hai người theo hầu mà thôi. Đến nơi, Thượng hoàng bảo Vua :

- Đại vương lại đây !

Nói rồi, lập tức cho người đem Vua ra giam ở chùa Tư Phúc, tuyên đọc nội chiếu rằng : "Trước đây, Duệ Tông đi tuần phương Nam không trở về, lấy con đích (của Duệ Tông) để nối ngôi, đó là đạo xưa. Nhưng, từ khi quan gia lên ngôi đến nay, lòng dạ trẻ con, giữ đức không thường, gần gũi bọn tiểu nhân, nghe lời Lê Á Phu, Lê Dữ Nghi gièm pha vu hãm công thần, làm lung lay xã tắc, nay phải giáng làm Linh Đức Đại vương. Song, quốc gia không thể không có chủ, ngôi báu không thể bỏ trống lâu, nên truyền đón Chiêu Định (tức Trần Ngung, con út của Nghệ Tông - ND) vào nối ngôi đại thống. Bá cáo trong ngoài để mọi người đều biết".

Việc truất phế bất ngờ này đã gây nên một làn sóng phản kháng khá mạnh mẽ của quan quân và tướng sĩ. Cũng sách trên đã chép tiếp rằng :

"Nhiều tướng chỉ huy của các phủ quân cũ như tướng chỉ huy quân Thiết Liêm là Nguyễn Khoái, Nguyễn Văn Nhi, tướng chỉ huy quân (thiếu tên đơn vị - ND) là Nguyễn Kha, Lê Lặc, tướng chỉ huy quân Thiết Sang là Nguyễn Bát Sách... định đem quân vào cướp lấy Vua đem ra. Vua viết hai chữ *giải giáp* đưa cho các tướng và răn bảo họ không được làm trái ý Thượng hoàng nên các tướng mới thôi. Lát sau, Thượng hoàng (sai người) điều Vua xuống phủ Thái Dương thất cổ cho chết".

Lời bàn : Muốn cướp ngôi, trước phải làm cho thời loạn thêm loạn. Muốn làm cho thời loạn thêm loạn, trước phải làm cho hoàng tộc sát hại nhau. Lúc ấy, trong cuộc hoàng tộc giết hại nhau, không gì kinh khủng bằng việc Thượng hoàng giết vua. Nhà đã dột từ nóc tất phải gỡ đi mà làm lại. Quý Ly mượn được cả tay Thượng hoàng để giết vua, góm thay ! Mỗi hay, người cầm quyền binh mà tai thích nghe lời xu nịnh gièm pha thì không có chuyện gì lại không thể xảy ra.

Nghệ Tông xuống chiếu kết tội Phế Đế nhưng hậu thế lại kết tội chính Nghệ Tông. Sinh thời cậy quyền cậy thế để tác oai tác quái, có biết đâu khi đã chết, dẫu ngàn năm vẫn chưa hết lời hậu thế chê bai.

Còn như Phế Đế lúc ấy, thế đã vậy thì đành phải vậy. Đáng để trách chàng là ở chỗ, nhà vua ở ngôi lúc tuổi trẻ dồi dào sức lực và trí tuệ, song lại không làm được điều gì cho xứng với ngôi vị của mình. Làm vua như vậy, dễ thay !

3 - CUỘC SÁT HẠI CÓ QUY MÔ LỚN CỦA HỒ QUÝ LY

7Trong những ngày trị vì cuối đời của Trần Phế Đế, không ít quý tộc và quan lại của triều đình tỏ ra căm ghét Hồ Quý Ly. Họ muốn trừ khử Hồ Quý Ly nhưng lại không biết chung lưng sát cánh để bàn mưu tính kế với nhau, bởi vậy, tất cả đều bị Hồ Quý Ly lần lượt thủ tiêu. Trước khi chính thức mượn tay Thượng hoàng

Trần Nghệ Tông để giết Trần Phế Đế, Hồ Quý Ly đã tìm đủ mọi cơ hội để chặt bớt vây cánh của nhà vua. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 8, tờ 12-a) chép rằng :

"Trước đó, theo lệ cũ ở các đài, sảnh, chỉ các quan từ chức Đồng bình chương sự trở lên mới được ngồi ghế sơn đen có tựa. Bấy giờ, Trang Định Đại vương (Trần) Ngạc làm Thái úy, Lê Quý Ly làm Đồng bình chương sự. Quan trị thẩm hình viện là Lê Á Phu nói với Ngạc bỏ ghế của Quý Ly đi, không cho ngồi cùng nữa. (Ông) lại bí mật tâu vua giết Quý Ly. Cơ mưu bị lộ mà thất bại, bọn (Lê) Á Phu, (Nguyễn) Khoái, (Nguyễn) Vân Nhi, (Nguyễn) Kha, (Nguyễn) Bát Sách, (Lê) Lặc, và người học sinh được tin yêu là Lưu Thường đều (lần lượt) bị giết cả. Trước khi bị hành hình, Lưu Thường có làm bài thơ rằng :

Phiên âm : Tàn niên tứ thập hựu dư tam,
Trung ái phùng chu tử chính cam,
Bảo nghĩa sinh tiền ưng bất ngộ,
Bộc thi nguyên thượng cánh hà tâm.

Dịch thơ : Đời tàn vào tuổi bốn ba,
Chết vì trung ái cũng là đáng thôi.
Hết lòng giữ nghĩa một đời,
Dẫu cho đồng nội thân phôi sá gì."

Trong số những người chống đối, chỉ có Lê Dữ Nghi là được Hồ Quý Ly tạm cho tha chết, bắt phải tội đi đày, sau cũng vờ cho phục chức, nhưng rồi lại bị Hồ Quý Ly khép vào tội kết bè kết cánh mà giết đi. Nguyễn Bát Sách thì hoảng sợ mà bỏ trốn, Hồ Quý Ly không thêm đuổi mà cho người bắt giam mẹ của ông. Vì thương mẹ già bị tù tội mà Nguyễn Bát Sách phải ra hàng, rồi cuộc cũng bị Hồ Quý Ly giết nốt.

Sau khi Trần Phế Đế cùng những người thuộc vây cánh của nhà vua bị giết, Hồ Quý Ly còn cho cả Thượng hoàng Trần Nghệ Tông lẫn triều đình mắc lõm. Trong hoàng tộc lúc ấy, chỉ có Trang Định Đại vương Trần Ngạc (con của Thượng hoàng Nghệ Tông) là người tỏ vẻ căm ghét Hồ Quý Ly ra mặt. Trước đó, chính Trang

Định Đại vương đã mật bàn với nhà vua về việc giết Hồ Quý Ly, nhưng Hồ Quý Ly không bị giết, ngược lại nhà vua bị Thượng hoàng giết chết. Đã bày mưu sát hại nhà vua là cháu nội của Thượng hoàng, nay nếu lại bày mưu giết ngay Trang Định Đại vương là con của Thượng hoàng nữa, Hồ Quý Ly sẽ khó mà tiếp tục lợi dụng được Thượng hoàng. Nghĩ vậy, Hồ Quý Ly bèn cho người nói phao lên rằng, Trang Định Đại vương Trần Ngạc sắp được đưa lên ngôi vua. Thấy phe đảng chẳng còn ai, Trang Định Đại vương Trần Ngạc sợ hãi mà vội đính chính tin đồn đó. Hồ Quý Ly chỉ chờ có vậy để đưa con út của Thượng hoàng Nghệ Tông (cũng là con rể của Hồ Quý Ly) lên ngôi vua, đó là vua Trần Thuận Tông (1388 - 1398). Trang Định Đại vương Trần Ngạc chỉ được tạm yên thân một thời gian ngắn. Đến tháng 6 năm Tân Mùi (1391) ông cũng bị Hồ Quý Ly lập mưu giết chết.

Lời bàn : Trần Nghệ Tông danh nghĩa là Thượng hoàng nhưng thực ra chỉ là con cờ trong tay Hồ Quý Ly vậy. Các bậc tôn thất đại thần và văn quan võ tướng nhà Trần căm ghét Hồ Quý Ly thì có thừa mà sao chẳng có lấy được một chút cơ mưu nào đáng kể, khiến Hồ Quý Ly có thể giết hại dễ như trở bàn tay. Cắt cái ghế tựa sơn đen ở dài sảnh của Hồ Quý Ly thì có khác gì tự mình đưa đầu cho Hồ Quý Ly chém ?

Than ôi ! thời loạn mọi sự đều loạn. Lấy lẽ thường để xét đoán thời-loạn là không thể được vậy. Hồi chuông cáo chung của nhà Trần bắt đầu điểm những tiếng đầu tiên.

4 - CÁI CHẾT CỦA NGUYỄN ĐA PHƯƠNG

Nguyễn Đa Phương người Thanh Hóa, con của Sư Tề. Thuở còn hàn vi, Hồ Quý Ly từng theo học võ nghệ với Sư Tề, nhân đó, kết nghĩa anh em với Nguyễn Đa Phương. Là con dòng cháu giống, Nguyễn Đa Phương sớm có tài, từng là võ tướng khét tiếng của nhà Trần thời Trần Phế Đế (1377 - 1388). Cùng với Phạm Cự Luận là người túc trí đa mưu, bộ ba Hồ Quý Ly, Nguyễn Đa Phương và Phạm Cự Luận đã khiến cho cả triều đình phải khiếp

sợ. Đến đời Trần Thuận Tông (1388 - 1398), quyền bính hầu như nằm hết trong tay bộ ba nguy hiểm này.

Tháng 10 năm Kỷ Tị (1389), quân Chiêm Thành tiến ra đánh phá vùng Thanh Hóa, Thượng hoàng Trần Nghệ Tông sai Hồ Quý Ly đem quân đi đánh giặc. Cùng đi với Hồ Quý Ly còn có một số tướng lĩnh cao cấp khác như Nguyễn Đa Phương, Phạm Khả Vĩnh v.v... Lần ấy, Hồ Quý Ly bị thất bại, tướng chỉ huy quân Thánh Dực là Nguyễn Chí (cũng có sách chép là Trần Đình Quý) bị giặc bắt, 70 tướng khác bị tử trận. Hồ Quý Ly trốn về xin Thượng hoàng cho thêm quân cứu viện nhưng Thượng hoàng không chấp thuận, nhân cơ đó, Hồ Quý Ly xin thôi, không cầm quân đi đánh nữa. Thượng hoàng phải cử tướng Trần Khát Chân đi thay. Tình thế quân đội triều Trần lúc ấy rất nguy, may nhờ Nguyễn Đa Phương dùng kế nghi binh mới thoát được.

Khi về triều, Nguyễn Đa Phương cậy mình có chút công lao, hay chê bai Hồ Quý Ly bất tài. Hồ Quý Ly cũng gièm pha lại rằng : bởi Hồ Quý Ly nghe lời của Nguyễn Đa Phương nên mới bại trận. Nói rồi, Hồ Quý Ly xúi Thượng hoàng xuống chiếu thu lại hết toàn bộ số quân do Nguyễn Đa Phương chỉ huy. Dầu ở thế cô, Nguyễn Đa Phương vẫn chưa hết kiêu ngạo. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 8, tờ 16-b) chép rằng :

"Thượng hoàng nói :

- Nèn trị tội nhẹ để cảnh cáo hần.

Quý Ly tâu rằng :

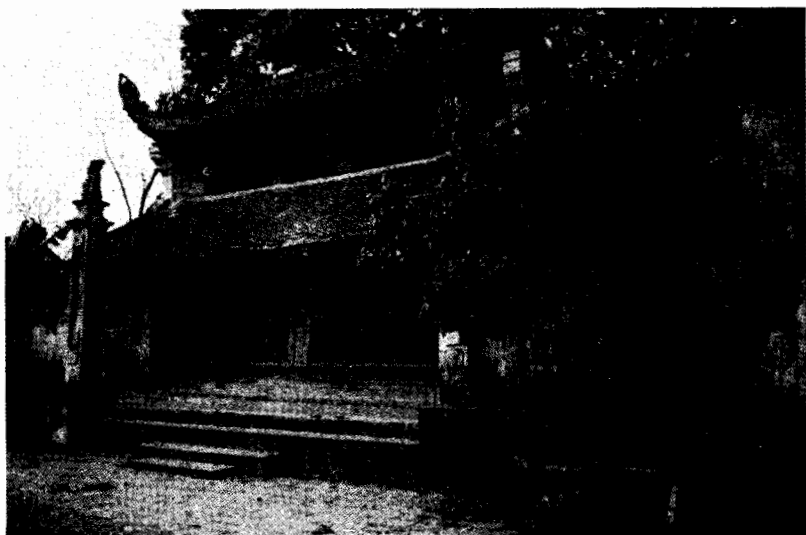
- Đa Phương rất gan góc và tráng kiện, thần sợ hần sẽ trốn sang nước Minh ở phương Bắc hay nước Chiêm Thành ở phương Nam, tức là thả cọng để lại mối họa về sau, chi bằng giết đi là hơn.

Rồi sau (Thượng hoàng) bắt Đa Phương phải tự tử. Đa Phương than rằng :

- Ta vì có tài nên được giàu sang, lại cũng vì có tài mà đến nỗi chết, chỉ hận là không được chết ở nơi chiến trận mà thôi".

Lời bàn : Hồ Quý Ly kết nghĩa anh em với Nguyễn Đa Phương, mượn tình nghĩa tử mà moi cho bằng hết những bí quyết nhà nghề của thầy là Sư Tể, sau cũng để có thêm Nguyễn Đa Phương tăng thêm vây cánh, chứ đâu phải là để nghe lời chỉ bảo hay gièm pha của Nguyễn Đa Phương.

Nguyễn Đa Phương nhận mình là người có tài, e chưa được phải lắm. Nói cho ngay, Nguyễn Đa Phương chỉ mới có biệt tài cầm quân, còn như tài xét đoán người và xét đoán sự đời thì ông chưa có. Sống giữa thời loạn mà không có tài xét đoán sự đời thì chết dễ như chơi. Về mặt này, Nguyễn Đa Phương làm sao mà sánh được với Phạm Cự Luận, cũng là người cùng phe cánh với ông.



Chùa Mía (Hà Tây)

5 - SỐ PHẬN CỦA TRẦN NGUYÊN DIỆU

Trần Nguyên Diệu là con của vua Trần Duệ Tông (1372 - 1377), em ruột của vua Trần Phế Đế (1377 - 1388) và là anh ruột của Chương Tĩnh Vương Trần Nguyên Hy. Năm 1388, Thượng hoàng Trần Nghệ Tông vì nghe lời gièm pha của Hồ Quý Ly mà truất phế rồi giết chết vua Trần Phế Đế, Nguyên Diệu lấy đó làm mối thâm thù. Đến tháng 11 năm Kỷ Tị (1389), nhân thấy vua Chiêm Thành lúc ấy là Chế Bồng Nga đem quân sang đánh nước ta, Nguyên Diệu đầu hàng giặc và cam lòng làm tay sai cho giặc. Đầu năm Canh Ngọ (1390), Nguyên Diệu dẫn đường cho quân Chiêm tiến vào đánh phá hầu khắp vùng Bắc Bộ ngày nay, tình thế trở nên rất nguy cấp. Nhưng chẳng dè, trong trận đánh ngày 23 tháng 1 năm Canh Ngọ, tướng Trần Khát Chân đã đánh bại quân Chiêm, giết chết Chế Bồng Nga tại trận, Nguyên Diệu lâm vào một tình thế vô cùng khốn quẫn. Để mong cứu được mạng sống, Nguyên Diệu đã làm gì ? Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 8, tờ 17-b) chép rằng :

"Khi ấy, Bồng Nga cùng với Nguyên Diệu dẫn hơn 100 thuyền chiến đến quan sát tình thế của quan quân. Các thuyền giặc còn chưa kịp tập hợp lại thì có tên tiểu thần của Bồng Nga là Ba Lậu Kê nhân bị Bồng Nga trách phạt, sợ bị giết, liền chạy sang doanh trại quân ta, chỉ vào chiến thuyền sơn màu xanh mà bảo rằng đó là thuyền của quốc vương hần. (Trần) Khát Chân liền ra lệnh cho các tay súng đều nhất tề nhắm đạn, bắn trúng Bồng Nga, xuyên thủng cả ván thuyền. Bồng Nga chết, người trong thuyền ồn ào kêu khóc. Nguyên Diệu vội cắt lấy đầu Bồng Nga rồi chạy về với quan quân. Đại đội phó của Thượng đô quân Long Tiệp là Phạm Nhữ Lặc và Đầu ngũ là Dương Ngang liền giết Nguyên Diệu, lấy luôn cả đầu của Bồng Nga. Quân giặc tan vỡ. (Trần) Khát Chân sai Giám quân là Lê Khắc Khiêm bỏ đầu giặc vào hòm, đi thuyền về báo tin thắng trận ở hành tại Bình Than. Bấy giờ đồng hồ đã điểm canh ba, Thượng hoàng đang ngủ say, giật mình vì tưởng giặc đánh vào ngự doanh. Đến khi nghe tin thắng trận, lại biết là đã lấy được đầu

Bồng Nga thì mừng lắm, gọi các quan tới xem cho kĩ. Các quan mặc triều phục, hô "muôn năm". Thượng hoàng nói :

- Ta với Bồng Nga cầm cự nhau đã lâu, ngày nay mới được gặp nhau, có khác gì Hán Cao Tổ thấy đầu Hạng Vũ. Thiên hạ nay được yên rồi".

Lời bàn : Nguyên Diệu thâm thù Thượng hoàng Nghệ Tông (cho dù Thượng hoàng Nghệ Tông cũng chính là ông nội của Nguyên Diệu), thì sự đời trớ trêu ấy cũng cứ tạm cho là hợp lẽ. Song, vì mối thâm thù riêng mà cam lòng phản quốc, Nguyên Diệu dẫu có mắt cũng kể như mù hơn cả người mù.

Nhưng, có phải thực lòng Nguyên Diệu vì muốn trả thù riêng mà đánh theo giặc hay không ? Nếu quả có vậy, chắc Nguyên Diệu đã chẳng cắt đầu của kẻ đã chết là Chế Bồng Nga đem về dâng nộp. Phạm Nhữ Lặc, Dương Ngang giết chết Nguyên Diệu, âu cũng là để trừ khử ngay kẻ cơ hội đó thôi.

Phạm đã là người đứng giữa cỏi trời đất thì không thể xử thế theo cách của loài dơi trong trận giao tranh giữa chim và chuột, để rồi hễ chuột thắng thì dơi nhận mình đích thị là chuột, hễ chim thắng thì dơi nhận mình chính tông là chim.

Chỉ thời loạn mới có kẻ loạn thần tặc tử như Nguyên Diệu, song, có lẽ cũng cần nói thêm là chỉ thời loạn mới có lời điên loạn như lời của Thượng hoàng Nghệ Tông. Ôi, kẻ nhát gan đại hạng mà dám ví mình với Hán Cao Tổ, xấu hổ thay !

6 - HỒ QUÝ LY VỚI NHỮNG ĐỐI THỦ CHÍNH TRỊ CUỐI CÙNG

Sau vụ mượn tay Thượng hoàng Trần Nghệ Tông để bức hại vua Trần Phế Đế và một loạt văn thần võ tướng thân tín khác của nhà vua, Hồ Quý Ly tuy bề ngoài thì vờ như không dả động gì đến, nhưng trong lòng thì vô cùng căm ghét kẻ đã dám bàn mưu trừ khử mình là Trang Định Vương Trần Ngạc. Ngày ngày, Hồ Quý Ly tìm cách cô lập Trang Định Vương, đồng thời dùng mọi thủ đoạn để dồn Trang Định Vương vào thế quần bách. Đến năm Tân Mùi (1391), cơ hội rất thuận tiện để Hồ Quý Ly ra tay đã đến. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 8, tờ 20-b) chép rằng:

"Tháng 6, Trang Định Vương (Trần) Ngạc trốn ra trang Nam Định. Người ở trong trang ấy lấy thuyền đưa Ngạc ra trại Vạn Ninh (nay là vùng Quảng Ninh - ND). Nhưng, người trong trại ấy là Dương Độ không nhận. Thượng hoàng sai viên tướng coi quán Ninh Vệ là Nguyễn Nhân Liệt đuổi bắt về. Quý Ly ngầm sai Liệt giết (Ngạc) đi. Nhân Liệt đánh chết Ngạc rồi về tâu là Ngạc bạo ngược nên đã bị giết".

Chẳng bao lâu sau khi Trang Định Vương chết, Thượng hoàng chợt tỉnh ngộ, hỏi ai là người đi bắt Trang Định Vương. Lúc ấy, Nguyễn Nhân Liệt sợ quá mà thất cổ tự tử. Thế là Trần Ngạc và Nhân Liệt thì mất mạng, triều đình thì mất một thân vương và một võ tướng, Thượng hoàng thì mất một người con, chỉ có Hồ Quý Ly là chẳng mất gì cả, lại còn được thêm uy quyền.

Bấy giờ, các tướng giữ đất Hóa Châu (vùng Bình Trị Thiên cũ) như Phan Mạnh, Chu Bình Khuê ... đều buồn chán mà đàm tiếu đủ chuyện, đều bị Hồ Quý Ly bắt giết cả. Trong khi Hồ Quý Ly lộng quyền như thế thì người có trách nhiệm can gián và hặc tội là quan Ngự sử Đỗ Tử Trừng lại không dám nói gì. Hồ Quý Ly bèn làm thơ nhạo báng Đỗ Tử Trừng. Thơ ấy có câu rằng :

Phiên âm

Tá vấn Tử Trừng nọa trung úy,
Thư sinh hà nhĩn phụ bình sinh.

Nghĩa là

Dám hỏi Tử Trừng trung úy nhất,
Thư sinh sao nỡ phụ bình sinh ?

Đến đó, chừng như Hồ Quý Ly vẫn chưa thật sự an tâm, bởi vậy, vào tháng 4 năm Nhâm Thân (1392) nhân vì trời hạn hán, Hồ Quý Ly xin Thượng hoàng và nhà vua xuống chiếu cầu lời nói thẳng. Có một người tên là Bùi Mộng Hoa cả tin, vội dâng lời của mình. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 8, tờ 21-b) chép :

"Bùi Mộng Hoa dâng thư, đại ý nói : "Thần nghe trẻ con có câu hát rằng, thâm hiểm thay Thái sư họ Lê. Xem thế cũng đủ

biết Quý Ly nhất định có ý dòm ngó ngôi báu". Thượng hoàng xem xong tờ tâu thì đưa cho Quý Ly. Sau, Quý Ly chuyên chính, Mộng Hoa ẩn lánh không ra nữa".

Từ đây, chuyện Hồ Quý Ly cướp ngôi chẳng qua chỉ còn là việc chọn thời điểm nào cho thích hợp nữa mà thôi.

Lời bàn : Loạn thần gieo mầm loạn đã đành, nhưng, những người quyết chỉ chống loạn thần, cũng như cũng đã vô tình gieo thêm mầm loạn. Trang Định Vương bỏ trốn, tương thế là được yên, rồi cuộc chẳng thoát lưới bạo tàn. Phan Mạnh và Chu Bình Khuê dám tiến khen chê, cứ tưởng mình là bậc trí giả, nào hay đứt đầu vẫn chưa kịp nhận ra mình đại khờ. Bui Mộng Hoa mượn lời trẻ con để nói ý mình, quả là trẻ con còn hơn cả con trẻ. Nói Hồ Quý Ly có tài (dù là tài xảo quyệt) cũng được, mà nói là triều Trần lúc ấy có quá nhiều kẻ bất tài cũng được.

Nói cho công bằng thì, nếu chẳng có một Thượng hoàng Trần Nghệ Tông mê muội, sẽ chẳng bao giờ có nổi một Hồ Quý Ly lộng quyền. Mỗi hay, giặc ngoài vào chưa hẳn đã tàn phá giang sơn bằng kẻ cầm quyền bính trong nước mà kém cỏi cả tài năng lẫn đức hạnh. Nếu cứ trách riêng Hồ Quý Ly, ắt có chỗ chẳng công bằng.

7 - CUỘC SONG HÀNH GIỮA QUYỀN LỰC VÀ HỌC THUẬT CỦA HỒ QUÝ LY

Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 8, tờ 22 a-b và tờ 23-a) có chép lại một mẫu chuyện khá độc đáo về nhân vật Hồ Quý Ly như sau :

"Quý Ly soạn sách *Minh đạo* gồm 14 thiên rồi dâng lên (Thượng hoàng). Sách ấy đại lược cho rằng Chu Công (tức Chu Công Đán, con của Chu Văn Vương, người định ra quan chế, lễ nhạc cho Trung Quốc xưa - ND) là tiên thánh, Khổng Tử là tiên sư. (Bởi vậy), trong Văn Miếu, tượng của Chu Công phải được đặt ở chính giữa, mặt nhìn về hướng Nam (hướng nhìn tượng trưng cho thiên tử - ND), còn tượng của Khổng Tử thì chỉ đặt ở một bên, mặt nhìn hướng Tây. (Quý Ly) cũng cho sách *Luận ngữ* (một trong *Tứ thư* - ND) có bốn chỗ đáng ngờ. Đó là :

- Khổng Tử ra mắt nàng Nam Tử (vợ của Vệ Linh Công, rất đẹp nhưng cũng rất đậm dặt - ND).

- Khổng Tử bị hết lương ở nước Trần.

- Công Sơn (tức Công Sơn Phát Nhiêu) và Phất Hất cho gọi, Khổng Tử muốn tới giúp cả hai.

- (Chỗ đáng ngờ thứ tư, không thấy chép, chắc bỏ sót - ND).

Quý Ly cũng cho Hàn Dũ (danh Nho đời Đường - ND) là kẻ "đạo Nho" (nghĩa là kẻ ngoài miệng thì nói đạo nghĩa thánh hiền mà việc làm thì chẳng khác kẻ trộm cắp - ND), cho bọn Chu Mậu Thúc (tức Chu Đôn Di, ông tổ của phái *Lý học* ở Trung Quốc, người đời Tống - ND), Trình Di, Trình Hạo (hai anh em, cũng là hai bậc danh Nho Trung Quốc đời Tống - ND), Dương Thi, La Trọng Tổ, Lý Diên Bình, Chu Tử (Chu Tử tức Chu Hy, Chu Hy là học trò của Lý Diên Bình, Lý Diên Bình là học trò của La Trọng Tổ, La Trọng Tổ là học trò của Dương Thi, Dương Thi là học trò của Trình Di và Trình Hạo, còn Trình Di và Trình Hạo cũng đều là học trò của Chu Đôn Di, ... tất cả đều là những danh Nho Trung Quốc đời Tống - ND) tuy học rộng nhưng ít tài, không sát với sự việc, chỉ thạo cốp nhặt (văn ý của người xưa). Thượng hoàng (xem xong) ban chiếu dụ khen.

Quốc tử trợ giáo là Đoàn Xuân Lôi dâng thư nói rằng, như thế là không phải, bị dày đi châu gần. Xuân Lôi người Ba Lỗ, huyện Tân Phúc (nay thuộc ngoại thành Hà Nội - ND), là người thông minh, nhanh trí, hiểu biết nhiều, có kinh nghiệm, sau làm quan đến chức Trung thư hoàng môn thị lang kiêm tri Ái Châu thông phán, chết trong khi tại chức. (Khi bị dày đi châu), Xuân Lôi khai là Đào Sư Tích có xem thư ấy, nên Sư Tích (người đỗ Trạng nguyên khoa Giáp Dần, 1374 - ND) bị giáng làm Trung thị lang đồng tri thẩm hình viện sự.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Đạo của tiên thánh, nếu không có Khổng Tử thì không ai phát huy được. Hậu thánh sinh ra, nếu không có Khổng Tử thì không còn ai làm khuôn phép nữa. Từ thuở có sinh dân đến nay, chưa có ai nổi tiếng hơn Khổng Tử,

thế mà Quý Ly lại dám khinh suất bàn về ngài thì thực là không biết tự lượng sức mình vậy".

Lời bàn : Vị trí của Khổng Tử trong Nho học ra sao; Ngổ Sĩ Liên và các bậc đại khoa tức Nho đã nói, kẻ hậu sinh không dám lạm bàn nữa, chỉ xin có đôi lời về cuộc song hành giữa quyền lực và học thuật của Hồ Quý Ly.

Ở đời, phẩm kẻ có thực tài bao giờ cũng thuyết phục thiên hạ một cách rất tự nhiên bằng chính cái thực tài của mình, chẳng cần sự phụ giúp của bất cứ một phương tiện nào, kể cả quyền lực. Cũng có những bậc chân tài xuất chúng, thông minh mẫn tuệ đến tột bậc, người đồng thời chưa dễ hiểu được cao kiến của họ, nhưng thường thì họ thà cam chịu sự cô đơn bất hạnh chứ quyết không bao giờ tìm cách thuyết phục mọi người bằng bất cứ thứ gì ngoài sở học của mình. Và, họ luôn được đến bù thỏa đáng bởi sự kính trọng và ngưỡng mộ của hậu thế.

Ai đó còn muốn dùng uy quyền để áp đặt tư duy thiên hạ, có lẽ cũng nên đọc chuyện này.

8 - LỜI THỀ CỦA HỒ QUÝ LY

Phải đến phút chót của cuộc đời, Thượng hoàng Trần Nghệ Tông mới bắt đầu có chút thoáng nghĩ về sự thâm hiểm khó lường của Hồ Quý Ly. Song, chút thoáng nghĩ ấy cũng chỉ chợt đến rồi chợt đi, Thượng hoàng Trần Nghệ Tông cũng chẳng còn sống thêm để mà nghĩ tiếp. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 8, tờ 23-b và tờ 24-a) chép rằng :

"Tháng ba (năm Giáp Tuất, 1394 – ND) Thượng hoàng chiêm bao thấy Duệ Tông đem quân đến và đọc bài thơ (phiên âm) như sau : -

*Trung gian duy hữu xích chủy hầu,
Ân cần tiếm thượng Bạch Kê lâu,
Khẩu vương dĩ định hưng vong sự,
Bất tại tiền đầu, tại hậu đầu.*

(Nghĩa là : ở giữa chỉ có kẻ đỏ mõm ; Lăm le tiếm lẫn lâu Bạch Kê ; Khẩu vương đã định sự hưng vong ; Không phải là ở trước mà là ở sau).

Thượng hoàng tự mình chiết tự mà đoán rằng, *xích chủy* (kẻ đỏ mồm) là Quý Ly, *lầu Bạch Kê* là Thượng hoàng, vì Thượng hoàng tuổi Dậu (Trần Nghệ Tông sinh năm Tân Dậu, 1321 – ND), *Khẩu vương* là chữ *quốc* (nghĩa là nước, ở ngoài có chữ *khẩu*, trong chữ *khẩu* là chữ *ương* – ND), (câu cuối cùng) ý nói việc nước còn mất thế nào, đến sau mới rõ được.

Thượng hoàng suy nghĩ về giấc chiêm bao này nhiều lắm, nhưng thế không thể làm gì hơn được nữa.

Mùa hạ, tháng 4, sau hội thể (chỉ hội thể đền thờ thần núi Đồng Cổ vào ngày 4-4 hàng năm – ND), Thượng hoàng gọi Quý Ly vào cung rồi ung dung bảo rằng :

– Bình chương (chỉ Hồ Quý Ly vì Hồ Quý Ly lúc ấy là Đồng bình chương sự – ND) là họ thân thích nhà vua, mọi việc nước nhà đều trao cho khanh cả. Nay thế nước suy yếu, trăm thì già nua. Sau khi trăm chết, nếu giúp được quan gia thì giúp, còn nếu như quan gia hèn kém ngu muội quá thì khanh cứ nhận lấy ngôi vua.

Quý Ly bỏ mũ, rạp đầu khóc lóc từ tạ, chỉ trời vạch đất thề rằng :

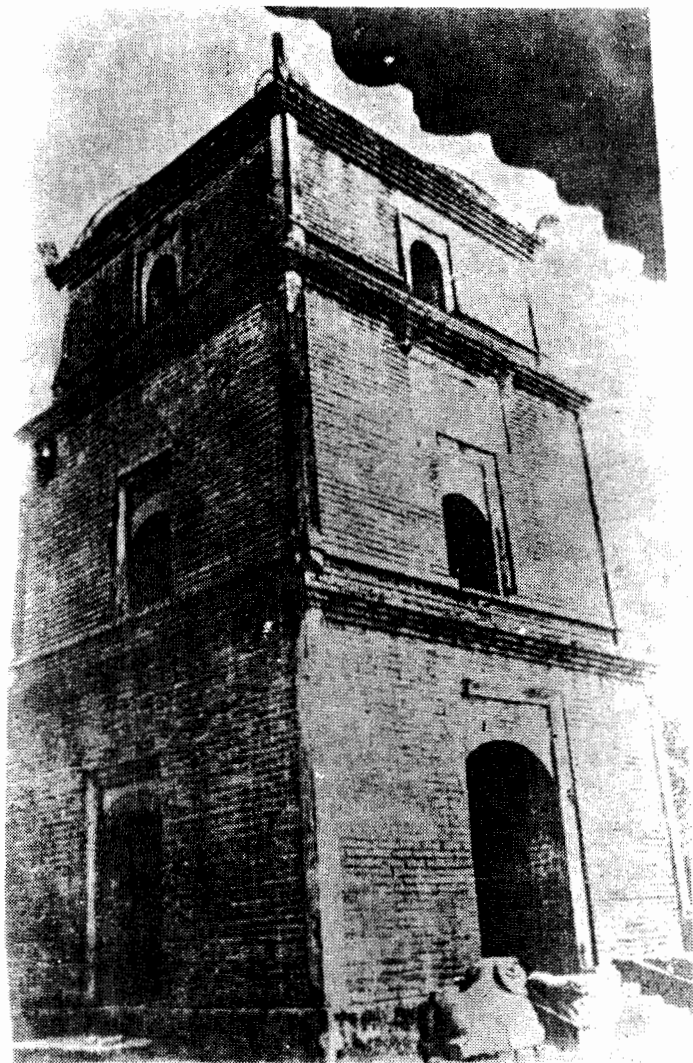
– Nếu thần không biết dốc lòng trung, hết sức giúp quan gia để truyền đến con cháu về sau thì trời sẽ ghét bỏ thần.

Quý Ly lại nói :

– Lúc Linh Đức Vương (chỉ vua Trần Phế Đế, vì Trần Phế Đế bị giáng làm Linh Đức Vương trước khi bị giết – ND) làm điều thất đức, nếu không nhờ oai linh bệ hạ thì thần đã ngậm cười dưới đất rồi, còn đâu được tới ngày nay ! Thần dù tan xương nát thịt vẫn chưa thể báo đáp được một trong muôn phần ân đức đó, dám đâu lại có lòng khác ?”.

Đến ngày 15 tháng 12 năm Giáp Tuất (1394), Thượng hoàng Trần Nghệ Tông mất, hưởng thọ 73 tuổi. Cũng sách trên (tờ 24-b) có ghi lại lời bàn của sử gia Ngô Sĩ Liên như sau :

”Nghệ Tông tính trời hòa nhã, giữ lòng kính cẩn, lo sợ. Nhưng, uy vũ không đủ để đánh lui giặc ngoài (chỉ việc đánh quân Chiêm



Tháp Hòa Phong

Thành - ND), sáng suốt không đủ để phân biệt lời gièm pha, có một (Trần) Nguyên Đán mà không biết dùng, lại giao việc nước cho kẻ họ ngoại (chỉ Hồ Quý Ly - ND), khiến xã tắc nhà Trần đi đến sụp đổ, thực là "tiền hữu sàm như bất kiến, hậu hữu tặc nhi bất tri" (nghĩa là : phía trước có kẻ siểm nịnh mà không thấy, đằng sau có bọn giặc mà không hay - lời của Đồng Trọng Thư trong sách *Hán thư* - ND)".

Lời bàn : Mấy câu cuối đời của Thượng hoàng Nghệ Tông là sấm ngôn chứ không phải thơ, câu nói lòng vòng chứ không phải là câu nói thẳng. Bình sinh, cũng đã có lần Nghệ Tông xuống chiếu cầu lời nói thẳng, nhưng, hễ có kẻ nào cả tin mà dâng lời nói thẳng thì đều bị ông ban thông gia là Hồ Quý Ly bức hại. Nghệ Tông khôn hồn mượn màu sấm ngôn để úp mở cõng lòng chẳng ? Nếu đúng vậy thì có lẽ đó là sự thông thái đột xuất đáng kể nhất trong cuộc đời của Nghệ Tông.

Hồ Quý Ly thể thốt là chuyện của Hồ Quý Ly, ai tin vào lời thể thốt đó là lỗi của họ. Đã mấy khi Hồ Quý Ly công khai nhúng tay trực tiếp vào tội ác đầu.

9 - HỒ QUÝ LY VỚI VIỆC DỜI ĐÔ

Năm Đinh Sửu (1397), Hồ Quý Ly quyết định dời đô vào động An Tôn, phủ Thanh Hóa (nay là vùng thuộc huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa). Trước quyết định hệ trọng này, một số quan lại đã tỏ ra băn khoăn lo ngại và mạnh dạn phát biểu ý kiến riêng của mình. Nhưng, tất cả đều bị Hồ Quý Ly gạt bỏ. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản in, quyển 8, tờ 28-b và 29-a) có chép lại sự kiện này, kèm thêm lời bàn của Phan Phu Tiên như sau :

"Mùa xuân, tháng giêng (năm 1397 - ND), sai Lại bộ thượng thư kiêm Thái sử lệnh là Đỗ Tĩnh (cũng có sách chép là Đỗ Mẫn) đi xem đất và đo đạc động An Tôn, phủ Thanh Hóa, đắp thành, đào hào, lập nhà tông miếu, dựng đàn xã tắc, mở đường phố có ý muốn dời đô đến đó. Tháng ba thì công việc hoàn tất.

Trước đó, triều đình bàn bạc chưa xong, quan Hành khiển là Phạm Cự Luận khuyên nên thôi. Quý Ly nói :

- Ý ta đã quyết từ trước rồi, người còn nói gì nữa.

Đến đây thì thực hiện. Lúc ấy có quan Khu mật chủ sự là Nguyễn Nhữ Thuyết dâng thư can, đại ý nói rằng :

- Ngày xưa, nhà Chu, nhà Ngụy dời kinh đô đều gặp điều chẳng lành. Nay đất Long Đỗ (một trong những tên gọi của kinh đô Thăng Long - ND) có núi Tản Viên, có sông Lô Nhị (tức sông Hồng - ND), núi cao sông sâu, đất bằng phẳng rộng rãi. Từ xưa, các bậc đế vương mở nền dựng nước, không ai không lấy đất ấy làm nơi rễ sâu gốc vững. (Nay, xin) hãy noi theo việc trước, như quân Nguyên bị giết, như giặc Chiêm phải nạp đầu... nghỉ lại để làm thế vững vàng cho nước nhà. Động An Tôn đất đai chật hẹp, hẻo lánh, ở nơi đầu non cuối nước, hợp với thời loạn mà không hợp với thời thịnh trị. Còn như nếu nói để dựa vào thế hiểm trở, thì người xưa đã có câu "tại đức bất tại hiểm" (cốt ở đức chứ không phải cốt ở chỗ hiểm).

Quý Ly không nghe. Về sau, đến kì xét công (để thăng thưởng), Quý Ly thấy có tên của Nhữ Thuyết, bèn nói : "người này từng nói cốt ở đức, không cốt ở chỗ hiểm", rồi bỏ, không dùng.

Phan Phu Tiên nói : Tào Tháo dời kinh đô về đất Hứa, nắm lấy thiên tử để sai khiến chư hầu, cơ nghiệp nhà Hán chìm đắm thực là bắt đầu từ đó. Quý Ly dời kinh đô đến An Tôn, giết Vua và diệt họ Vua, cơ nghiệp nhà Trần tan nát, chẳng lẽ lại không phải là bởi tại đó ? Tuy nhiên, bọn loạn thần tặc tử đời nào mà chẳng có. (Cho nên) trước phải cốt ở người làm vua biết cương quyết xử đoán, sáng suốt mà tra xét để sao cho không còn mối lo về sau".

Lời bàn : Hồ Quý Ly không dùng Nguyễn Nhữ Thuyết chỉ vì câu nói "cốt ở đức, không cốt ở chỗ hiểm", tức là đã tự lột tả hết cái tâm của mình rồi.

Dời đô về Thanh Hóa, ấy là Hồ Quý Ly muốn lợi dụng đất dựng nghiệp của mình, ngược lại, nhà vua vào đó có khác gì bị đi đày. Trần Thuận Tông vừa vào đến nơi đã bị giết, Trần Thiếu Đế chỉ được lập lên cho có vì được hai năm thì bị truất ngôi. Hồi chuông cáo chung của nhà Trần đến đó là dứt. Thuận Tông nào biết, sau việc dời đô là việc dời cơ nghiệp đế vương từ tay họ Trần sang tay họ Hồ.

10 - HỒ QUÝ LY ĐÃ THỰC HIỆN LỜI THỀ VỚI THƯỢNG HOÀNG TRẦN NGHỆ TÔNG NHƯ THẾ NÀO ?

Sách Đại Việt sử kí toàn thư (bản kỉ, quyển 8, tờ 31-b và tờ 32 a-b) chép rằng :

"Mùa xuân (năm Mậu Dần, 1398 - ND) tháng ba, ngày 15, Lê Quý Ly bức Vua phải nhường ngôi cho Hoàng tử An. Quý Ly vốn có ý cướp ngôi, nhưng vì đã trót thề với Nghệ hoàng, nên sợ trái lời, bèn ngầm sai một người đạo sĩ (tên là) Nguyễn Khánh ra vào trong cung, thuyết phục Vua rằng :

- Cõi tiên thanh nhã thơm tho, khác hẳn phàm trần. Liệt thánh triều ta chỉ thờ đạo Phật, chưa có ai đi theo chân tiên (ý nói là chưa tu theo Đạo giáo - ND). Bệ hạ được tôn ở ngôi cửu ngũ (tức ngôi vua - ND) nhưng (ở ngôi ấy thì) muôn việc khó nhọc, chỉ bằng hãy truyền ngôi cho Đông cung (tức Thái tử - ND) để giữ khí hư hòa.

Vua nghe lời. Khánh làm lễ tâu ghi vào sổ phụng đạo đến cõi tiên. Quý Ly làm cung Bảo Thanh ở phía tây nam núi Đại Lại (tên một quả núi ở Thanh Hóa, gần Tây Đô - ND) rồi mời Vua tới ở đó. Vua bèn nhường ngôi cho Hoàng thái tử. Tờ chiếu nhường ngôi đại khái nói rằng : "Trẫm sớm mộ huyền phong (từ của Đạo gia, chỉ sự thanh tao của phong cách - ND), không có bụng muốn ngự xe hoàng ốc (xe riêng của thiên tử - ND). (Trẫm) đức kém mà lạm giữ ngôi cao, thực khó lòng kham nổi. Huống chi, tâm bệnh (của trẫm) thường hay phát ra, việc tông miếu và chính sự do đấy đều bị trở ngại. Trước có lời thề, trời đất quỷ thần đều đã nghe, nay phải nhường ngôi để giữ mãi cơ đồ to lớn. Hoàng thái tử An hãy lên ngôi Hoàng đế. Phụ chính thái sư Quý Ly hãy lấy danh nghĩa Quốc tổ (Quý Ly là ông ngoại của Thái tử An nên mới được gọi như thế - ND) mà giữ quyền nhiếp chính. Trẫm tự làm Thái thượng nguyên quân Hoàng đế, tu dưỡng ở cung Bảo Thanh để thỏa ý nguyện từ trước".

Hoàng thái tử An lên ngôi ở cung Bảo Thanh, đổi niên hiệu là Kiến Tân năm thứ nhất, đại xá thiên hạ. (Vua) tôn Khâm Thánh Hoàng hậu làm Hoàng thái hậu.

Khi ấy, Thái tử mới lên ba tuổi (tính theo tuổi ta, thực ra chỉ mới hai tuổi - ND), nhận truyền ngôi không biết lạy. Quý Ly sai Thái hậu lạy trước cho Thái tử lạy theo. Quý Ly tự xưng là Khâm Đức Hưng Liệt Đại vương, bản văn thì đề là Trung thư, Thượng thư Sảnh phụng nhiếp chính, Cai giáo Hoàng đế thánh chỉ v.v...

Ngày hôm ấy, (Vua) lên ngự điện ở kinh đô mới. Lễ mừng xong, ban yến tiệc cho các quan từ ngũ phẩm trở lên, cho phép con trai, con gái dạo xem ở cửa nam thành cả ngày lẫn đêm".

Lời bàn : Mùa hè năm Giáp Tuất (1394) Hồ Quý Ly có thể với Thượng hoàng Trần Nghệ Tông là sẽ giúp họ Trần truyền ngôi đến con cháu. Năm ấy, vua Trần là Trần Thuận Tông mới 16 tuổi, chưa có con nối dõi. Nếu bắt phải chờ cho đến hết đời Trần Thuận Tông rồi lại chờ tiếp cho đến hết đời con của Trần Thuận Tông để cho đủ gọi là... truyền đến con cháu họ Trần, thì Hồ Quý Ly chẳng thể làm được, bởi lẽ, lúc ấy, Hồ Quý Ly đã già, mà chẳng già thì chờ đợi lâu năm, đối với Hồ Quý Ly cũng là sự vô lý không thể chấp nhận được. Thôi thì trước hấy làm cho con cháu họ Trần rời ngôi vị sớm, sau sẽ làm cho con cháu họ Trần mãn kiếp sớm hơn. Hồ Quý Ly nhân nhượng để cho vua Trần Thuận Tông (cũng là con rể của Quý Ly) ở ngôi 10 năm (1388 - 1398), lại để cho vua Trần Thiếu Đế (tức Thái tử An trước kia, cũng là cháu ngoại của Quý Ly) ở ngôi 2 năm (1398 - 1400), thế cũng đã là đúng nghĩa... truyền đến con cháu rồi. Ai dám bảo là Hồ Quý Ly sai lời thể ước với Thượng hoàng Trần Nghệ Tông ? Ồi, cái đúng này mới chua chát và cay độc làm sao.

Nên chăng, hậu thế hãy nói : "Giữ đúng lời thể như Hồ Quý Ly" !

11 - THƠ HỒ QUÝ LY TẶNG VUA TRẦN THUẬN TÔNG

Ngày 15 tháng 3 năm Mậu Dần (1398), Hồ Quý Ly bức vua Trần Thuận Tông phải nhường ngôi cho con là Thái tử An, để rồi ngay sau đó đã tạm bố thí cho Thuận Tông một tước hiệu thật hài hước là Thái thượng nguyên quân Hoàng đế ! Song, để tiện

trong giao tiếp thường ngày, Quý Ly cứ gọi tắt là Nguyên Quân. Năm ấy, Trần Thuận Tông mới 20 tuổi. Đến tháng 4 năm sau (Kỉ Mão, 1399), Hồ Quý Ly lại cưỡng bức Thuận Tông phải rời kinh thành Tây Đô mà ra tận Quảng Ninh để tu luyện phép thuật của Đạo giáo. Chuyến đi Quảng Ninh năm ấy cũng là chuyến đi vào cỏi vịnh hằng của vị vua trẻ tuổi này. Hành trang mang theo đáng kể nhất của Thuận Tông, chỉ có bài thơ của Hồ Quý Ly. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 8, tờ 33-b) viết:

"Mùa hạ, tháng 4, Quý Ly cưỡng bức Vua phải xuất gia thờ Đạo giáo, ra ở quán Ngọc Thanh thuộc thôn Đạm Thủy (nay thuộc Đông Triều, Quảng Ninh - ND), (lại còn) mật sai Nội tẩm học sinh là Nguyễn Cẩn đi theo để trông coi. Vua hỏi rằng : "Người theo hầu ta là muốn làm gì chẳng ?". Cẩn không nỡ trả lời. Quý Ly làm bài thơ báo Cẩn rằng : "Nguyên Quân (chỉ Nhà vua - ND) không chết thì nhà ngươi phải chết". (Quý Ly) lại làm bài thơ đưa cho Nguyên Quân như sau :

Phiên âm

Tiền hữu dung ám quân,
Hôn Đức cập Linh Đức,
Hà bất tảo an bài,
Đồ sử lao nhân lực.

Dịch nghĩa

Trước có vua tâm thường, ngu tối,
Như Hôn Đức (tức Dương Nhật Lễ) và Linh Đức
(tức vua Trần Phế Đế),
Sao không sớm sắp đặt đi,
Để cho người nhọc sức.

(Nguyễn) Cẩn bèn dâng thuốc độc. Vua không chết. Lại dâng nước dừa và không cho ăn mà Vua vẫn không chết. Đến đây, sai Xa kỵ vệ thượng tướng quân là Phạm Khả Vĩnh thất cổ cho chết".

Lời bàn : Nguyễn Cẩn dâng thuốc độc cho Vua, lại bắt Vua nhịn đói, nhưng, đó chẳng qua là sự chẳng dặng dưng. Hồ Quý Ly đã có lời đe dọa trước rồi, Nguyễn

Cần không nghe cũng chẳng được. Song, thuốc độc của Nguyễn Cần xem ra cũng chẳng độc bằng bài thơ của Hồ Quý Ly. Cổ nhân dạy rằng, văn dĩ tải đạo. Có đọc bài thơ này mới hiểu được đại đạo của Hồ Quý Ly. Lần này, cũng là ném đá giấu tay, nhưng bàn tay tội lỗi của Hồ Quý Ly lớn quá, không thể nào giấu hết nổi. Phần bàn tay thấy được ấy mới đáng sợ làm sao.

12 - VỤ TRU DI LỚN NHẤT THẾ KỈ XIV

7rần Thuận Tông bị giết rồi, triều thần chán nản, ai cũng căm ghét Hồ Quý Ly, kể cả những người từng có mối quan hệ chỉ thiết với Hồ Quý Ly. Bởi sự căm ghét đó, họ đã cùng nhau bàn mưu tính kế để giết Hồ Quý Ly. Tiếc thay, mưu lớn không thành, để đến nỗi tất cả đều phải chết một cách thê thảm trong vụ tru di diễn ra vào năm Kỉ Mão (1399). Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 8, tờ 34 a-b) đã ghi lại sự kiện này cùng với lời bàn của sử thần Ngô Sĩ Liên như sau :

"Bọn Thái bảo Trần Hãng, Thượng tướng quân Trần Khát Chân mưu giết Quý Ly không thành, lại bị giết hại.

Hôm ấy, Quý Ly họp thê ở Đốn Sơn (một ngọn núi ở xã Cao Mật, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Đây là hội thê đền núi Đồng Cổ nhưng lại được tổ chức ở kinh đô mới - ND). Bọn Khát Chân đã có ý giết Quý Ly. Quý Ly ngồi trên lầu nhà Khát Chân để xem (hội thê), cứ y như lệ thiên tử ngự đến các miếu, chùa. Cháu của (Phạm) Khả Vĩnh là Phạm Tổ Thu và thích khách là Phạm Ngưu Tất cầm gươm định lên. Khát Chân trừng mắt ngăn lại nên việc không xong. Quý Ly chợt dạ đứng dậy, vệ sĩ hộ vệ (đưa Quý Ly) xuống lầu. Ngưu Tất vắt gươm xuống đất, nói rằng :

- Chết uống cả lũ thôi.

Sự việc bị phát giác. Bọn tôn thất (Trần) Hãng, Trụ quốc Nhật Đôn, tướng quân Trần Khát Chân, Phạm Khả Vĩnh, Hành khiển Hà Đức Lân, Lương Nguyên Bưu, Phạm Ông Thiện, Phạm Ngưu Tất... và các liêu thuộc, thân thích, gồm hơn 370 người đều

bị giết và tịch thu tài sản. (Con cái họ), gái bị bắt làm nô tì, trai từ một tuổi trở lên thì hoặc bị chôn sống, hoặc bị chìm nước. (Quý Ly) sai lòng bắt dư đảng liên mấy năm không ngớt. Người quen biết nhau chỉ đưa mắt ra hiệu chứ không dám nói chuyện với nhau. Nhà dân không được chứa người đi đường xin ngủ trọ, hề có người ngủ trọ thì phải báo nhà láng giềng để cùng nhau xét hỏi giấy tờ, hành lí và lí do đi qua để làm chứng cứ bảo lãnh. Các xã đều đặt điểm tuần canh, ngày đêm tuần tra canh giữ. Lễ minh thệ từ đó không cử hành nữa.

Khát Chân người Hà Lãng, huyện Vĩnh Ninh (nay thuộc Vĩnh Lộc, Thanh Hóa - ND), ba đời làm tướng quân. Người đời truyền rằng, Khát Chân khi sắp bị hành hình, lên núi Đốn Sơn gào thét ba tiếng, chết qua ba ngày mà sắc mặt vẫn như khi sống, ruồi nhặng không dám bâu. Sau, nếu có hạn hán, cầu mưa là được ứng nghiệm ngay.



Dấu cũ Lam Kinh (Thanh Hoá)

Nguyên Bưu người Tuyên Quang, tiên tổ là Thế Sung, từng làm Toát Thông Vương, kiêm Phụ đạo dưới thời Lý. Các con (của Thế Sung) là Văn, Hiến và Quế đều được phong Hầu. (Thời Trần), con của Quế là Hiếu Bảo vì có công đánh (tướng giặc Nguyên) là Toa-đô, được phong tước Quan Phục hầu. Hiếu Bảo sinh ra Thế Tắc, được phong là Lạc Thuận Hầu. Thế Tắc sinh ra Cúc Tôn, làm Quan sát sứ. Cúc Tôn sinh ra Nguyên Bưu.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Đến đây, tội ác của Quý Ly đã chất đầy rồi. Trần Hãng đã đi lại, trước đã hẹn ước với các tướng văn võ, nếu biết thừa cơ quyết đoán, vạch rõ tội giết vua của Quý Ly, hiệp sức với Khả Vĩnh mà giết nó, thì chẳng những danh chính ngôn thuận mà việc cũng xong rồi. Đáng tiếc lại do dự sợ sệt, đến nỗi chuốc lấy bại vong.

13 - HỒ HÁN THƯƠNG LÊN NGÔI THÁI TỬ

Thái tử hay *Thế tử* nguyên nghĩa là con trai đích trưởng của nhà vua, nhưng cũng còn là tên của một tước vị, dành để chỉ người sẽ được chính thức nối ngôi, nên *Thái tử* hay *Thế tử* là những từ không phải lúc nào cũng dùng để chỉ con trai đích trưởng của nhà vua. Xin nêu vài thí dụ :

- Có khi Thái tử là con gái, thậm chí là con gái thứ, như trường hợp Lý Chiêu Thánh (tức vua Lý Chiêu Hoàng), là con gái của vua Lý Huệ Tông.

- Có khi Thái tử không phải là con vua mà là em vua, như trường hợp của Trần Kính (tức vua Trần Duệ Tông) là em của vua Trần Nghệ Tông.

- Có khi Thái tử lại là cháu vua, như trường hợp của Trần Hiện (tức vua Trần Phế Đế), là cháu của vua Trần Nghệ Tông.

- ...v.v.

Riêng trường hợp của Hồ Hán Thương thì chẳng giống ai cả. Hồ Hán Thương được lập làm Thái tử vào tháng 1 năm Canh Thìn (1400) lúc ấy, cha của Hồ Hán Thương chưa phải là vua. Người có hư vị Hoàng đế lúc ấy là Trần Thiệu Đế thì mới được 4 tuổi và là vai cháu của Hồ Hán Thương. Hồ Hán Thương là người khác họ đã đành, lại còn là con thứ nữa. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản in, quyển 8, tờ 36-b) chép về việc Hồ Hán Thương được lập làm Thái tử như sau :

"Mùa xuân, tháng giêng, Lê Quý Ly lập con là Hán Thương làm Thái tử. Trước đó, Quý Ly đã định lập Hán Thương, nhưng ý còn chưa quyết, bèn mượn cái nghiên bằng đá mà ra câu đối rằng:

- Thử nhất quyển kì thạch, hữu thì vi vân vi vũ dĩ nhuận sinh dân. (Nghĩa là : Hòn đá lạ bằng nắm tay này, có lúc làm mây làm mưa để nhuận thấm sinh dân).

Xong, sai con trưởng là (Hồ Nguyên) Trừng đối lại để qua đó mà biết xem ý hướng thế nào. (Hồ Nguyên) Trừng đối lại rằng :

- Giá tam thốn tiểu tùng, tha nhật tác đồng tác lương dĩ phù xã tắc. (Nghĩa là : Cây thông nhỏ chỉ ba tấc kia, ngày khác làm rừng làm cột để chống nâng xã tắc).

Bấy giờ (thấy Nguyên Trừng chỉ có chí làm rừng cột, tức làm quan chứ không phải làm vua nên Hồ Quý Ly) ý mới quyết định.

Tháng 2, ngày 28, Quý Ly bức vua (đây chỉ Trần Thiệu Đế - ND) phải nhường ngôi và buộc tôn thất cùng các quan phải ba lần dâng biểu khuyên (Hồ Quý Ly) lên ngôi. Quý Ly giả vờ cố tình từ chối, nói rằng :

- Ta sắp xuống lỗ đến nơi rồi, còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế ở dưới đất nữa.

Rồi (Quý Ly) tự lập làm vua, đặt niên hiệu là Thánh Nguyên, quốc hiệu là Đại Ngu và đổi (từ họ Lê) thành họ Hồ".

Lời bàn : Hiển nhiên, triều Trần tàn tạ đã đến lúc cần phải được loại bỏ khỏi vũ đài chính trị của nước nhà, song, cướp ngôi thế nào cho xứng kẻ cướp ngôi, chuyện ấy cũng chưa dễ mấy ai làm được. Hán Thương không đối câu đối của cha nên chẳng

rõ chỉ hướng Hán Thương thế nào, chỉ biết lúc ấy, im lặng đúng là vàng, ngôi Thế tử về tay mà chẳng nhọc công suy tìm chữ nghĩa.

Quý Ly nhận mình là người "sắp xuống lỗ" cũng phải lắm. Song le, chẳng phải Quý Ly sắp xuống lỗ vì năm ấy Quý Ly đã 64 tuổi mà vì ngai vàng của họ Hồ sau đó chẳng bao lâu thì bị quân xâm lược nhà Minh đập nát tan tành. Cái "lỗ" mà Hồ Quý Ly cùng Hồ Hán Thương phải chui xuống lại ở trên đất Trung Quốc. Thôi thì âu cũng là giúp cha con Hồ Quý Ly khỏi phải xấu hổ vì "còn mặt mũi nào trông thấy tiên đế (của họ Trần) ở dưới đất (Đại Việt) nữa !" Kể thì họ Hồ đến chết vẫn còn gặp may.

14 - HỒ QUÝ LY VỚI LỜI PHÊ VÀO THƯ CỦA NGUYỄN CẢNH CHÂN

Cuối năm Canh Thìn (1400), nghĩa là chỉ mới được mấy tháng sau khi cướp ngôi họ Trần, Hồ Quý Ly nhường ngôi cho con thứ là Hồ Hán Thương để lên làm Thượng hoàng. Bấy giờ, mối lo hàng đầu của cha con Hồ Quý Ly là làm sao để đè bẹp được Chiêm Thành và mở rộng được biên cương vào phía Nam. Các tướng như Đỗ Mãn, Trần Vãn, Trần Tùng (tức Hồ Tùng), Đỗ Nguyên Thác, Nguyễn Vị, Nguyễn Bằng Cử, Đinh Đại Trung... đều được sai cầm quân đi đánh Chiêm Thành. Tháng 7 năm Nhâm Ngọ (1402), quân đội nhà Hồ đã giành được đại thắng, chiếm hết đất Chiêm Động và Cổ Lũy của Chiêm Thành, rồi chia đất ấy làm bốn châu là Thăng, Hoa, Tư, Nghĩa (nay là vùng Quảng Nam, Quảng Ngãi), giao cho an phủ sứ lộ Thăng Hoa trực tiếp trông coi.

An phủ sứ đầu tiên của lộ Thăng Hoa là Nguyễn Cảnh Chân. Trước đó, ông là An phủ sứ lộ Thuận Hóa, có tiếng là người giàu kinh nghiệm phủ dụ dân ở biên ải phía Nam. Nhận chức, ông liền dâng thư về triều, trình bày phép trị dân mà ông tiếp nhận được từ sử sách của Trung Quốc, nay định áp dụng ở lộ Thăng Hoa. Thư ấy được Thượng hoàng Hồ Quý Ly xem và hạ bút phê những lời rất khinh mạn. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 8, tờ 41-a) chép rằng :

"Hán Thương điều An phủ sứ lộ Thuận Hóa là Nguyễn Cảnh Chân vào làm An phủ sứ lộ Thăng Hoa. Cảnh Chân dâng thư nói rằng, xin hãy theo việc cũ của nhà Hán, nhà Đường mà mộ người nộp thóc để (tích trữ mà lo) việc phòng bị biên cương cho đầy đủ. Ai nộp thóc thì ban tước cho họ hoặc miễn tội tùy theo mức độ khác nhau. Quý Ly phê (vào thư) rằng : "Biết được mấy chữ mà dám nói việc Hán, Đường ? Thực là thằng ngọng hay nói, chỉ chúc lấy tiếng cười mà thôi".

Lời bàn : Lời thư của Nguyễn Cảnh Chân hay dở thế nào, xin để tùy người đời phán xét, chỉ biết đó là lời thành thật, mà ở đời, lời hay đã ít mà lời thành thật lại càng ít hơn. Trong số rất ít ỏi những lời thành thật ấy, may mắn lắm mới có một lời bay vào hoàng cung, vì vào thời suy vi, ở hoàng cung luôn chật ních những lời xu nịnh, lời thành thật chen vào không nổi.

Tiếp nhận lời thành thật ấy. Hồ Quý Ly chẳng biết đó là cơ may lại còn phỉ báng một cách trịch thượng. Hồ Quý Ly nói là Nguyễn Cảnh Chân "chỉ chúc lấy tiếng cười", nào có biết đâu, hậu thế lại cười Hồ Quý Ly. Mới hay, nghe bằng tai là chỉ mới nghe được âm thanh phát ra từ đầu đó, nghe bằng tất cả tấm lòng trân trọng người nói thì mới có thể nghe được những gì chứa trong mỗi tiếng phát ra.

15 - CHUYỆN NGUYỄN BẨM VÀ TRẦN ĐỨC HUY BỊ HÀNH QUYẾT

Năm Nhâm Ngọ (1402) là năm có hai vụ hành quyết rất thảm khốc. Vụ thứ nhất là vụ Nguyễn Bẩm. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 8, tờ 42 a-b) chép rằng :

"Sĩ nhân là Nguyễn Bẩm, dâng thư nói rằng, tiền Hồ (tức Hồ Quý Ly - ND) nên nhường ngôi (Thượng hoàng) để lui về Kim Âu (tức là núi Đại Lại ở Vinh Lộc, Thanh Hóa - ND), hậu Hồ (chỉ Hồ Hán Thương - ND) thì nên tôn là Thượng hoàng, Thái tử Nhuế nên lên ngôi quan gia (tức lên ngôi vua - ND). Quý Ly giận lắm, cho là (Nguyễn) Bẩm chỉ trích nhà vua, sự tình nghiêm trọng, sai đem chém".

Vụ thứ hai là vụ Trần Đức Huy. Cũng sách trên (tờ 43-a) chép như sau : "Hán Thương sai giết người phương thuật là Trần Đức Huy. Đức Huy hồi trẻ miệng rộng dút vừa nắm tay, tay dài quá gối, có người (thấy vậy) bảo rằng (Đức Huy) ngày sau tất quý hiển. Đến khi lớn lên (Đức Huy) học nghề phương thuật, thường ban đêm đánh mõ làm phép kì binh, như có muôn nghìn người đang reo hò đánh nhau. (Đức Huy) lại đi khắp các xã, lấy trộm tên những người đi tuần rồi kê biên vào sổ quân (của Đức Huy). Việc bị phát giác, (triều đình) thu được một quyển sách phương thuật, một con dấu giả, một thanh gươm nhỏ, một chiếc mõ đồng. (Đức Huy) bị xử tội lăng trì, sổ quân thì ném xuống nước hoặc đốt đi, không hỏi đến".

Lời bàn : Trước, An phủ sứ Nguyễn Cảnh Chân có dâng thư tâu bày về phép trị dân ở biên ải nhưng bị Hồ Quý Ly chê là "thẳng ngọng". Ấy có lẽ cũng vì Hồ Quý Ly còn chút nể mặt quan lớn của triều đình nên chỉ phê lời phê trích thượng chứ chưa đem ra hành hình. Nguyễn Bẩm chỉ là sĩ nhân mà dám thấp đèn soi đường cho mặt trời mọc, Hồ Quý Ly nể gì mà chẳng phanh thây ? Ôi, miệt mài soi kinh nấu sữ mãi để được coi là kẻ sĩ đã khó, mà sau làm sao để đem được sở học của kẻ sĩ dâng hiến trọn vẹn cho đời lại còn khó hơn.

Còn như Trần Đức Huy mà bị xử lăng trì thì quá lắm. Phép thuật của ông không cứu nổi mạng ông, làm sao mà dám bảo cứu được xã tắc đang hồi nghiêng ngửa. Trần Đức Huy chết, âm phủ thêm một hồn ma oan khuất, dương gian thêm một tội ác sát nhân của họ Hồ, còn dân tình khốn khổ trước sau vẫn hoàn toàn khốn khổ. Thương thay !

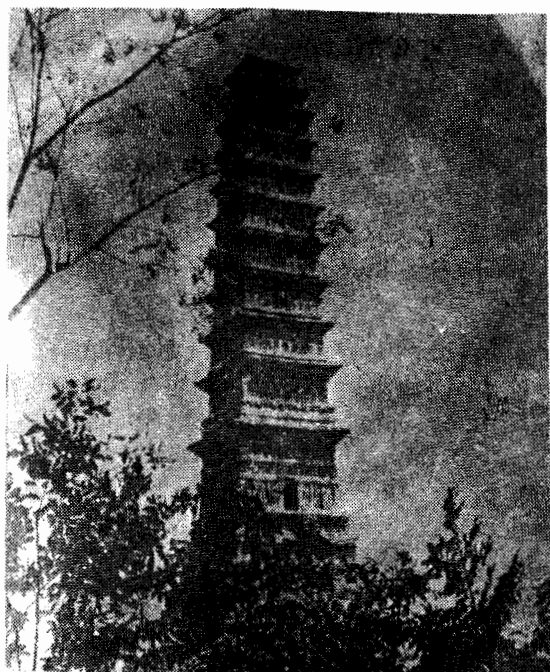
16 - VỤ THAM SÁT THÂN THUỘC CỦA NHỮNG HOẠN QUAN

Sách Đại Việt sử kí toàn thư (bản kỉ, quyển 8, tờ 45-a) chép :

"Mùa đông, tháng 10, Hán Thương giết thân thuộc của bọn Nguyễn Toán là Nội quan ở Bắc (tức nhà Minh, Trung Quốc - ND). Trước đây, Minh Thái Tổ từng đòi người bị thiên, tăng nhân và đàn

bà làm xoa bóp, ta đều chiều ý đưa cho. Được vài năm, tha các tăng nhân và tú nữ về nước, chỉ giữ bọn bị thiên, sung làm nội quan. Đến khi (Minh) Thái Tông lên ngôi, có ý muốn xâm lược phương Nam (chỉ nước ta - ND) bèn sai bọn Nguyễn Toán, Từ Cá, Nguyễn Tông Đạo, Ngô Tín đi sứ sang nước ta, nhân đó, đi thăm hỏi thân thuộc và bí mật dặn rằng, sau, nếu có quân phương Bắc tới thì cứ dựng cờ vàng, ghi là thân thuộc của viên nội quan tên họ là ... tất sẽ không bị giết hại. Việc ấy bị phát giác, (triều đình cho) bắt hết thân thuộc của những tên ấy đem giết đi".

Lời bàn : Nhà Hồ ở trong thì lo dân nổi dậy, ở ngoài thì lo giặc ngoại xâm tràn vào, quả là chưa một ngày được yên vui hưởng lạc. Bởi lòng dạ bất an mà phản ứng thiếu cân nhắc, sự ấy, cổ kim đông tây chẳng thiếu gì. Song, không trị được kẻ phản quốc là bọn người đã bị thiên mà giết hết thân thuộc của họ, cách ấy nào có khác gì xây thêm bức tường ngăn cách giữa nhà nước với nhà dân. Quân xâm lược nhà Minh cũng chỉ mong được như vậy mà thôi.



Tháp Bình Sơn (Phú Thọ)

Ở đời, nhân vô thập toàn, cứ hễ được cái này thì mất cái nọ. Song, bọn người bị thiên ở đây nào phải chỉ mất có một chút thịt da, chúng đã mất tất cả, chỉ còn lại trần trụi một tấm thân vong bản đáng khinh. Vậy, xin có thơ tặng rằng :

*Nào về vang gì chức nội quan,
Bị thiên mà sao vẫn to gan,
Phản quốc, tấm thân đời khinh rẻ,
Vong bản, họ hàng bị giết oan.
Da thịt đã đành cắt bỏ bớt,
Đạo nghĩa lẽ đâu cũng thiên tran.
Trên mồ, hậu thế neho mắt hỏi,
Nào về vang gì chức nội quan.*

17 - VINH VÀ NHỤC CỦA HỒ TÙNG

Hồ Tùng tức Trần Tùng, vì trước đó, ông từng một lòng một dạ lo giúp rập Hồ Quý Ly, lại từng lập được nhiều công lao trong các cuộc giao tranh với Chiêm Thành nên ông được mang quốc tính, đổi làm họ Hồ. Ở thời ông, như thế cũng có thể gọi là vinh. Bạn đồng liêu với ông, chưa dễ mấy ai có được.

Tiếc thay, vinh chẳng lớn bằng nhục. Người ban quốc tính cho ông là Hồ Quý Ly mà người ra lệnh giải chức rồi bắt giết ông cũng là Hồ Quý Ly. Đành Quý Ly vốn tính tàn bạo, nhưng xem ra trong việc cụ thể này, Quý Ly cũng có cái lí cần được ghi nhận của Quý Ly. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 8, tờ 46-b) chép rằng:

"Quý Ly giết viên tướng quân cũ là Hồ Tùng. Trước đó, Tùng đã bị giải chức, bèn xin bán các đồ khí giới của nhà mình (nhưng Hồ Quý Ly) không cho, vì có ý muốn dùng lại. Sau, Tùng lén thông dâm với vợ của cố Hành khiến Lương Nguyên Bưu (một trong số hơn 370 người bị Hồ Quý Ly giết hại vào năm Kỉ Mão, 1399 - ND) là con gái của Trần Quý. Quý Ly tức giận nói : "Bọn tài giỏi đều từ cửa nhà Tùng mà ra".

Tùng cùng với người Chiêm đã đầu hàng là Chế-sơn-nô âm mưu làm phản, ngầm liên kết với người Chiêm Thành để trao đổi tin tức cho nhau. Việc bị lộ, Tùng và con gái Quý đều bị xử tử".

Lời bàn : Xin bán đồ khí giới của nhà mình, chừng như Hồ Tùng muốn tỏ sự giận hờn của kẻ vô biên bị thất thế nhiều hơn là sự khẳng khái của đáng trọng phụ gặp lúc thất sủng.

Thông dâm với vợ của cố Hành khiển Lương Nguyên Bưu, Hồ Tùng đã tự cho thấy ông chẳng còn muốn giữ gìn nhân cách làm gì nữa. Quý Ly tức giận, ấy cũng là sự thường, song, câu nói lúc tức giận này của Hồ Quý Ly sao mà chẳng ăn nhập gì với lỗi lầm của Hồ Tùng cả. Chừng như Hồ Quý Ly nói lời ganh tị với tài trí của tướng quân Hồ Tùng chứ không phải nói lời khiển trách sự sa đọa của Hồ Tùng.

Với Hồ Tùng, mọi điều đều có thể được bỏ qua, duy âm mưu phản quốc thì không sao tha thứ được. Hồ Tùng bị giết cũng là đáng đời. Chỗ này mà trách Hồ Quý Ly tàn bạo, kể cũng bất công với Hồ Quý Ly.

18 - CHẾT CHÙM VÌ NGỒI LÊ ĐÔI MÁCH

Có bao nhiêu người thì có bấy nhiêu cái chết khác nhau. Tùng nghe nói chết đói, chết bệnh, chết già, chết trận... nhưng quả là gần như chưa từng nghe nói chết vì ngồi lê đôi mách. Vậy mà chuyện ấy đã xảy ra.

Vào đầu năm Ất Dậu (1405), đời vua Hồ Hán Thương, niên hiệu Khai Đại năm thứ ba, có một vụ án xử tội những kẻ ngồi lê đôi mách, hành hình trước sau đến mấy mạng liền. Đầu đuôi vụ án này được sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 8, tờ 47 a-b) ghi lại như sau :

"Mùa xuân, tháng 2, (Hồ) Quý Ly giết kẻ sĩ là Nguyễn Ông Kiều và Lê Dịch. Trước đó, Quý Ly có làm bài thơ răn dạy Hán Thương và Nguyễn Trùng, đại khái nói :

*Thiên dã phú, địa dã tái,
Huynh đệ nhị nhân, như hà bất tương ái ?
Ô hô ! Ai tai hề ca khẳng khái.
(Trời thì che, đất thì chở,
Anh em hai người, sao chẳng thương nhau ?
Ôi, thương sao (chữ) lời ca khẳng khái.)*

Vợ (Nguyễn) Ông Kiều thường vào ra trong cung, bèn đem thơ ấy nói với Ông Kiều, Ông Kiều lại đem thơ ấy mà truyền tụng

ở cầu Hoa Cái. (Có người) học sinh trong phủ của (Hồ Nguyên) Trùng là Nguyễn Cẩm và Nguyễn Nhữ Minh đem chuyện ấy báo hết với (Hồ Nguyên) Trùng. Trùng tâu lại với Quý Ly. Quý Ly mật sai quan Trung đô doãn là Đỗ Tử Triệt bắt Kiều. (Đỗ) Tử Triệt làm cỗ mời Ông Kiều rồi bắt (Ông Kiều) giam vào ngục. Ông Kiều thất thế, bèn cung xưng luôn cả bọn Lê Dịch và Đỗ Loát. (Đỗ) Loát chạy trốn thoát được. Ông Kiều và Lê Dịch đều bị giết, bọn Hà Nhật Tuyên bị tội đầy viễn châu. Bọn Nguyễn Nhữ Minh vì nghe đọc bài thơ ấy mà bị tội đồ, đầy ra châu Cửu Chân. Vài tháng sau, (Đỗ) Tử Triệt bỗng mắc bạo bệnh, đòi lấy bút viết rằng "Ta kiện nhau với mày", lát sau thì chết. Sau, (Hà) Nhật Tuyên cũng bị giết chết vì tội lập phe cánh bè đảng".

Lời bàn : Có vợ thường ra vào trong cung cấm, Nguyễn Ông Kiều chẳng lấy đó làm mối lo, lại thích thú với những điều lạ tai do vợ cóp nhặt hoặc nghe lỏm được. Ca dao có câu :

*Thứ nhất vợ đại trong nhà
Thứ nhì trâu chậm, thứ ba rựa cùn.*

Có người nói rằng, không ưa tí tẹo chuyện này chuyện nọ thì chưa chắc đã là đàn bà. Câu ấy đúng sai ra sao, đây không dám bàn, chỉ biết là Nguyễn Ông Kiều có lẽ còn lắm điều hơn người vợ lắm điều của ông ta một bậc.

Thấy nào, đệ tử ấy. Nguyễn Cẩm và Nguyễn Nhữ Minh mật báo những điều họ nghe được ở Nguyễn Ông Kiều cho Hồ Nguyên Trùng, trong chỗ ưa lắm điều và thiếu cân nhắc, họ đã mang tội phản bội và hại thầy, rồi cuộc, chẳng được công trạng gì mà còn bị xử tội đồ, oan thì cũng có phần oan mà đáng thì kẻ cũng có phần đáng.

Hồ Quý Ly giết và phạt tội một loạt người vì không muốn thiên hạ nghe chuyện cung đình hay vì chẳng muốn ai biết những câu có vần ngữ nghệ và nhạt nhẽo của Hồ Quý Ly ? Cho dầu lí do nào thì cũng đều là không được. Nhưng thôi, điều đáng nói ở đây không phải là sự tàn bạo của Hồ Quý Ly mà là những gì rút ra được từ chuyện Nguyễn Ông Kiều. Mới hay là ở đời cái gì cũng có giá của nó, tí như chuyện ngổn lê đòi sách nội sự triều đình, cũng phải mất mấy mạng người, đầy ải mấy mạng người, thiên hạ may ra mới có được một bài học. Ghê thay !

19 - CHUYỆN HOÀNG HỐI KHANH

Hoàng Hối Khanh sinh năm nào không rõ, chỉ biết ông được sử sách nhắc tới lần đầu tiên vào năm Tân Mùi (1391). Tiếc thay, đó cũng là lần Hoàng Hối Khanh được nhắc tới bởi những hành vi chẳng lấy gì làm tốt đẹp. Bấy giờ, Hồ Quý Ly ngày càng chuyên quyền, giết hại không biết bao nhiêu là tôn thất và quan lại. Các tướng ở Hóa Châu là Phan Mãnh và Chu Bình Khuê cũng vì không đồng tình nên có trách bóng trách gió Hồ Quý Ly mấy câu, liền bị Hoàng Hối Khanh mật tâu với Hồ Quý Ly rằng họ có ý làm phản. Hai tướng Phan Mãnh và Chu Bình Khuê bị giết, còn Hoàng Hối Khanh thì nhờ đó mà bỗng chốc được đưa lên hàng đại phu, chức Chính hình viện.

Lần thứ hai Hoàng Hối Khanh được nhắc đến cũng là lần chẳng có gì đáng lên án hơn. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 11, tờ 39 và tờ 40) viết :

"Trước đây (trước năm Tân Tị, 1401 – ND) Quý Ly bàn mưu với bảy tôi rằng, làm sao để có được một trăm vạn quân để đối địch với giặc phương Bắc. Quan Đồng tri Khu mật sứ là Hoàng Hối Khanh nhân đó xin gộp nhân số lại làm thành sổ sách, từ hai tuổi trở lên thì ghi tên vào...". "Khi sổ làm xong, kiểm điểm người từ 15 đến 60 tuổi được gấp bội hơn số trước, từ đấy, tuyển quân lính được nhiều hơn".

"Lúc ấy, bọn Hoàng Hối Khanh, Nguyễn Hy Chu và Đồng Thức cứ lựa theo ý họ Hồ, thường khuyên Hán Thương giết hại con cháu nhà Trần, giảm bớt số điền nô để dè nén thế lực họ Trần".

Lần thứ ba là năm Ất Dậu (1405), cũng sách trên (tờ 7, quyển 12) viết :

"Trước đây, thổ quan châu Tư Minh (Trung Quốc – ND) là Hoàng Quảng Thành có tâu với vua Minh rằng Lộc Châu nguyên là đất cũ của châu Tư Minh. Vua nhà Minh sai người sang nước ta dụ bảo trả lại đất ấy cho châu Tư Minh nhưng Quý Ly không nghe. Nay lại cho sứ sang đòi lần nữa, Quý Ly cử Hối Khanh làm

Cát địa sứ (quan coi việc cắt đất – ND). Hối Khanh đem 59 thôn ở Cổ Lâu trả cho nhà Minh. Sau, Quý Ly quả trách Hối Khanh về tội trả đất quá nhiều, những thổ quan do nhà Minh đặt ra để giữ đất mới trả lại ấy đều bị Quý Ly ngầm sai người địa phương đánh thuốc độc cho chết”.

Sau, sử sách cũng còn nhắc đến Hoàng Hối Khanh thêm vài lần nữa, nhưng chỉ là nhắc thoáng qua, không có gì đáng để ý. Lần cuối cùng Hoàng Hối Khanh được nhắc tới là vào năm Đinh Hợi (1407). Năm ấy, Hoàng Hối Khanh quản chỉ mà thất cổ tự tử ở Cửa Hội (Hà Tĩnh). Bấy giờ, quân Minh xâm lược nước ta, Hoàng Hối Khanh tuy chẳng hề cầm quân đánh giặc, nhưng sau khi ông chết, tướng giặc là Trương Phụ cũng cắt đầu ông đem về bêu ở chợ Đông Đô (Hà Nội).

Lời bàn : Đạp lên xác đồng liêu để tìm công danh, tội ấy, rõ là không thể dung tha được. Trong bống lộc Hoàng Hối Khanh ăn lúc sinh thời, có máu của bằng hữu, khiếp thay !

Bởi muốn làm vừa lòng cha con họ Hồ mà Hoàng Hối Khanh đã bày mưu bắt tất cả những ai có thể bắt để đẩy họ vào lính, đồng thời, giết lẫn giết mòn tôn thất họ Trần, khiến cho dân tình khốn khổ, thế nước ngày một suy, đấy cũng là tội không thể dung tha được.

Được cử làm cát địa sứ nghĩa là Hoàng Hối Khanh chẳng qua chỉ là kẻ thừa hành. Song, nếu nhà Hồ hèn nhát không giữ nổi đất thì Hoàng Hối Khanh còn hèn hơn một bậc nữa. Cả gan cắt một lúc 59 thôn dâng cho giặc, Hoàng Hối Khanh lại phạm thêm một tội không thể dung tha.

Ai nói chết là hết, Hoàng Hối Khanh chết rồi mà tội lớn đã hết được đâu ?

20 - LỜI HỒ NGUYÊN TRỪNG

7ừ năm Giáp Thân (1404) trở đi, mối quan hệ bang giao giữa nước ta với nhà Minh ngày càng căng thẳng. Năm ấy, sứ giả nhà Minh đã không hề che giấu ý đồ gây hấn với nước ta. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản in, quyển 8, tờ 46-b) chép :

"Nhà Minh sai chức Hành quân là Lý Kỳ sang nước ta. Kỳ tự quyền tác oai tác quái, đánh đập các quan lo đón rước, bắt phải đi nhanh không kể độ đường. Trước đây, sứ giả đi từ Đông Đô (tức Hà Nội - ND) đến Tây Kinh (tức Tây Đô, Thanh Hóa - ND) phải mất mười hai ngày, Kỳ chỉ đi có tám ngày. Đến nhà công quán, (hắn) quan sát khắp mọi hình thế. Khi Kỳ trở về, Quý Ly sợ tiết lộ sự tình, bèn sai Phạm Lục Tài đuổi theo để giết đi. Nhưng, (khi Lục Tài) đến Lạng Sơn thì Kỳ đã ra khỏi cửa ải rồi. Kỳ hạch tấu (với vua nhà Minh) là họ Hồ đã xưng đế và làm thơ có những lời lăng mạ".

Sang năm Ất Dậu (1405), nhà Minh bắt đầu xâm lấn vùng phía Bắc nước ta. Triều Hồ đã phải cử quan Hành khiển là Hoàng Hối Khanh làm Cát địa sứ và Hoàng Hối Khanh đã vì yếu bóng vía mà cam tâm cắt một lúc 59 thôn dâng cho giặc.

Nhà Hồ càng nhân nhượng thì nhà Minh càng lấn tới. Hai bên chuẩn bị bước vào một cuộc đọ sức quyết liệt với nhau. Cuối năm Ất Dậu (1405), triều Hồ đã triệu tập một cuộc hội nghị có tầm quan trọng rất đặc biệt. Cũng sách trên (tờ 49-b) chép rằng :

"Hán Thương xuống chiếu truyền gọi các quan An phủ sứ ở các lộ về triều để cùng với quan ở kinh họp bàn kế nên đánh hay nên hòa. Có người khuyên nên đánh vì sợ để mối lo về sau. Quan Trấn thủ Bắc Giang là Nguyễn Quân cho rằng nên tạm hòa, chiều theo những điều chúng muốn để hoãn binh thì hơn. Tả tướng quốc (Hồ Nguyên) Trùng nói : "Thần không sợ đánh, chỉ sợ lòng dân không theo". Quý Ly (nghe thế) liền ban thưởng cho (Hồ Nguyên) Trùng) cái hộp trầu bằng vàng.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : "Mệnh trời là ở lòng dân. Câu nói của Trùng hiểu được điều cốt yếu đó. Không thể vì cơ họ Hồ mà bỏ câu nói của Trùng được".

Lời bàn : Hồ Nguyên Trùng là con cả của Hồ Quý Ly. Đầu năm Canh Thìn (1400), Hồ Quý Ly xét lời ứng đối của Hồ Nguyên Trùng, cho rằng ông chỉ có chí làm rường cột cho xã tắc chứ không có chí làm vua. Ngồi chí tôn vì thế mà về tay em ông là Hồ Hán Thương.

Địa vị tuy có thấp hơn em nhưng lời ngắn gọn trên đây của Hồ Nguyên Trừng thì quả là vô cùng sâu sắc, em ông chẳng thể nào sánh kịp.

Xưa nay, sức mạnh của quân đội trước hết là ở sức chở che đùm bọc của nhân dân. Không được lòng dân, dẫu có bao nhiêu binh hùng tướng mạnh thì rốt cục vẫn đại bại.

Ngô Sĩ Liên nói : "Không thể vì cơ họ Hồ mà bỏ qua câu nói của Trừng được". Tiếp cách suy nghĩ ấy, chúng ta cũng có thể nói rằng, không thể vì cơ đầu hàng của Trừng sau này mà quên mất câu chí lí này được. Hồ Quý Ly thưởng ngay cho Trừng cái hộp trầu bằng vàng là phải lắm.

Bấy giờ, lòng dân lí tán, ai mà chẳng rõ ? Khác nhau chẳng chỉ là ở chỗ dám hay không dám nói lên sự thật chưa xót này mà thôi.



Tác giả đọc bìa đá ở Thanh Hu Động (Hải Dương)

21 - SỐ PHẬN CỦA TRẦN THIÊM BÌNH

Trần Thiêm Bình tên thật là Nguyễn Khang (cũng có sách chép là Trần Khang) vốn chỉ là một gia nô. Vào năm Canh Ngọ (1390) quân Chiêm Thành tràn ra đánh phá nước ta. Một số tôn thất họ Trần, trong đó có Trần Tôn, đã ngầm thông mưu với quân Chiêm. Đến khi tan giặc, triều đình nghiêm xử những kẻ phản quốc. Trần Tôn sợ quá, nhảy xuống nước tự tử. Nguyễn Khang vì cùng phe đảng với Trần Tôn nên cũng hoảng sợ mà chạy sang đất Lão Qua (thuộc đất Lào ngày nay). Từ Lão Qua, Nguyễn Khang men theo đường Vân Nam mà tìm đến Yên Kinh (Trung Quốc). Nguyễn Khang tự đổi họ tên là Trần Thiêm Bình (nhưng sử của nhà Minh lại chép là Trần Thiên Bình), tự nhận là con cháu của họ Trần và nhân danh họ Trần để tố cáo việc tiếm quyền bạo ngược của họ Hồ. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 12, tờ 10) chép :

"Thiên Bình nói dối vua Minh rằng, dòng dõi họ Trần chỉ còn một mình tôi, tôi cùng giặc họ Hồ không thể đội trời chung, dám xin thiên tử cho sáu quân (ý nói số quân đông mà chỉ thiên tử mới có được - ND) đi đánh kẻ có tội để tỏ rõ oai trời.

Sau khi Lý Kỳ trở về Trung Quốc (Lý Kỳ sang sứ nước ta năm Giáp Thân, 1404 - ND), Hán Thương liền sai Nguyễn Cảnh Chân dâng tờ biểu tạ tội và vờ xin đón Thiêm Bình về tôn làm chúa. Vua Minh sai chức Hành nhân là Niếp Thông đem tờ sắc dụ cho Hán Thương, nói rằng : "Nếu quả đón Thiêm Bình về tôn làm chúa thì sẽ ban cho khanh tước thượng công và phong cho một quận lớn". Hán Thương lại sai Cảnh Chân theo Niếp Thông sang báo cáo về việc đón Thiêm Bình. Đến đây, vua Minh sai bọn Hàn Quan đem 5000 quân hộ tống Thiêm Bình về nước."

Nói là đi hộ tống Thiêm Bình, nhưng vừa đến biên giới nước ta, quân Minh đã bất ngờ tấn công. Hai tướng của nhà Hồ là Phạm Nguyên Côi và Chu Bình Trung bị tử trận. Song, sau phút hốt hoảng vì bị bất ngờ, quân đội nhà Hồ đã lấy lại được bình tĩnh. Các tướng Hồ Xá và Trần Đình đã vây chặt đội quân trực tiếp hộ vệ Trần

Thiên Bình do bộ tướng của Hàm Quan là Hoàng Trung chỉ huy. Bí thế, Hoàng Trung liền chọn cách thí bỏ Trần Thiên Bình để cứu lấy mạng sống của mình. Cũng sách trên (tờ 11) chép :

"Hoàng Trung sai người thầy thuốc trong quân ngũ là Cao Cảnh Chiêu đưa thư và giải Thiên Bình sang cho quân nhà Hồ. Trong thư, (Hoàng Trung) nói :

- Theo lời Thiên Bình, hấn chính là con của vua An Nam (Trần Thiên Bình mạo nhận là con của Trần Nghệ Tông - ND). Nếu đúng thì khi đưa hấn về nước, dân khắp nước ở đâu mà chẳng hưởng ứng. Thế nhưng từ khi đưa hấn về nước đến nay, trong nước không một người nào theo cả, như thế cũng đủ rõ là gian dối. Nay đưa Thiên Bình trả lại và xin để cho quân lính (nhà Minh) được ra khỏi quan ải.

Hồ Xá nhận lời, giải nộp Thiên Bình để tâu công chiến thắng. Hán Thương sai chém Thiên Bình, cho người có công đều được thưởng tước ba tư (tư là thứ bậc cao thấp trong cùng một phẩm tước - ND). Hồ Xá vì cơ không bắt được Hoàng Trung nên chỉ được thưởng tước hai tư".

Lời bàn : Trần Thiên Bình thực lòng vì họ Trần chăng ? Quyết không phải, bởi vì nếu có chút lòng vì họ Trần, trước đó hấn đã chẳng cam lòng về phe với Trần Tôn để ngầm thông mưu với Chiêm Thành. Con người trá trở ấy, chẳng có cách gọi nào khác hơn là tên phản quốc có hệ thống.

Hấn đã bị lưỡi gươm của phép nước thời Hồ chặt đầu, lại còn bị búa rìu của dư luận đời sau vằm xẻ, nhục thay !

22 - CUỘC THẨM BẠI CỦA NHÀ HỒ

Dầu đã để mất con bài chính trị lợi hại là Trần Thiên Bình, cuối năm Bính Tuất (1406), nhà Minh vẫn xua quân sang xâm lược nước ta. Lúc đầu, Tổng chỉ huy quân xâm lăng là Chu Năng. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 8, tờ 53-a) cho biết rõ :

"Trước đó, nhà Minh sai Thái tử Thái phó, tước Thành quốc công là Chu Năng làm Tổng binh, đeo ấn Chinh di tướng quân, đem quân đi xâm lược phương Nam. (Chu) Năng đến phủ Thái Bình ở Quảng Tây thì chết (vì bệnh)".

Khi dùng chân ở Quảng Tây, Chu Năng yết bảng kể tội họ Hồ và rêu rao việc tìm người họ Trần để cho khôi phục lại vương tước. Khi được thay Chu Năng chỉ huy quân xâm lăng tướng giặc là Trương Phụ và Mộc Thạnh đã lấy lời văn trong các bảng yết ấy viết vào nhiều mảnh gỗ khác nhau rồi thả xuống sông cho trôi vào nước ta. Cũng sách trên (tờ 53-a) chép tiếp :

"Các quân (của nhà Hồ) người nào trông thấy (những bảng văn ấy) cũng đều cho là đúng, hơn nữa, họ lại chán nản chính sự hà khắc của họ Hồ nên không còn bụng dạ nào chiến đấu nữa".

Bên cạnh những người chán nản là không ít những kẻ đầu hàng, cam tâm làm tay sai cho giặc. Trong số đó có Mạc Dịch, Mạc Thúy, Mạc Viễn, Nguyễn Huân v.v... Đầu tháng 12 năm Bính Tuất (1406), quân Minh đã chiếm được Việt Trì. Cũng sách trên (tờ 53-b và 54-a) chép :

"Đêm ngày mồng 9 (tháng chạp năm Bính Tuất - ND), quân Minh đánh úp quân họ Hồ ở bãi Mộc Hoàn. Tướng chỉ huy quân Tả Thần Dục là Nguyễn Công Khôi đang vui chơi nữ sắc, không hề phòng bị, thuyền bị (giặc) đốt cháy gần hết, 'toàn quân bị tiêu diệt (chẳng ai kịp phản kháng, tất cả) lặng im như không có tiếng động của chiến trận. Thủy quân (của nhà Hồ) ở phía trên và phía dưới không đến ứng cứu, chỉ đứng ở xa xin Tả tướng quốc (Hồ Nguyên) Trừng xem ai có thể thay giữ chỗ đó. Quân Minh liền vượt sông bằng cách làm cầu phao. Sáng ngày 12 (chỉ huy) quân Minh là Trương Phụ dẫn Đô đốc Hoàng Trung, Đô chỉ huy Thái Phúc tiến công phía tây bắc thành Đa Bang. Mộc Thạnh dẫn bọn Đề đốc Trần Tuấn tấn công phía đông nam thành. Xác (giặc) chất cao ngang với thành mà giặc vẫn tiến đánh, không tên nào dám ngừng lại. Bọn Nguyễn Tông Đồ (là) tướng chỉ huy quân Thiên Trường đào thành cho voi ra. Người Minh dùng hỏa tiễn bắn voi. Voi lui lại, nhân đó người Minh theo voi đánh vào. Thành liền bị hạ. Các quân ở dọc

sông đều tan vỡ. (Họ Hồ) cho quân lui giữ Hoàng Giang. Người Minh vào Đông Đô, bắt cướp con gái, ngọc lụa, thống kê lương thảo, chia quan làm việc và chiêu tập dân xiêu tán, tính kế ở lâu dài. (Chúng) thiến nhiều con trai nhỏ tuổi và thu tiền đồng ở các xứ, cho chạy trạm đưa về Kim Lăng (Trung Quốc)".

Lời bàn : Trần Hưng Đạo nói : "Quân quý hồ tinh, bất quý hồ đa", (quân lính cốt ở tinh nhuệ chứ không phải ở số đông). Quân đội nhà Hồ rất đông, vũ khí và trang bị tốt, nhưng lại thiếu tất cả những yếu tố căn bản nhất để có thể gọi là đội quân tinh nhuệ.

Không có tinh thần phụ tử chi binh (quân đội trên dưới như cha con một nhà), ấy là cái thiếu thứ nhất. Không gắn bó với nhà Hồ vì chán ghét chính sự hà khắc nên không có tinh thần và lý tưởng chiến đấu, ấy là cái thiếu thứ hai. Không được nhân dân ủng hộ, ấy là cái thiếu thứ ba. Không có một nhà chiến lược đủ uy tín và tài năng để chỉ huy quân dân cả nước, ấy là cái thiếu thứ tư. Thiếu cả bốn cái không thể thiếu ấy, thậm bại là điều không thể tránh khỏi.

Sau trận thảm bại này, đất nước bị quân Minh đô hộ hơn 20 năm. Đau xót và nhục nhã thay !

23 - CÁI CHẾT CỦA NGUY THỨC, KIỀU BIỂU VÀ VỢ CHỒNG NGÔ MIỄN

Sau trận thảm bại vào tháng chạp năm Bính Tuất (1406), sức đề kháng của nhà Hồ chẳng còn gì đáng kể nữa. Cha con Hồ Quý Ly đem tàn quân chạy vào Thanh Hóa. Ngày 23 tháng 4 năm Đinh Hợi (1407), quân Minh đánh vào Lôi Giang (Thanh Hóa) và sáu ngày sau (29-4), chúng lại đánh vào cửa Diễn Canh (nay thuộc Tĩnh Gia, Thanh Hóa). Ở cả hai trận đánh này, tàn quân nhà Hồ đều tự tan vỡ ngay khi chưa lâm trận. Sách *Dại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 9, tờ 3-a) chép rằng :

"Hai (cha con) họ Hồ định chạy đến Thâm Giang (tức sông Ngàn Sâu, Hà Tĩnh - ND), nhưng không sao đi được. Nguyễn Thức xin hai cha con họ Hồ tự thiêu. Ông nói :

- Nước đã sắp mất, bậc vương giả không chết bởi tay kẻ khác.
Quý Ly nghe vậy giận lắm, chém chết ông".

Ngày 5 tháng 5 năm Đinh Hợi (1407), Hồ Quý Ly bị giặc bắt ở bãi Chỉ Chỉ (nay thuộc Vĩnh Lộc, Thanh Hóa). Sáu ngày sau (ngày 11-5), giặc lại bắt được Hồ Nguyên Trừng ở Kỳ La (Kỳ Anh, Hà Tĩnh). Ngày hôm sau (12-5), Hồ Hán Thương và con là Thái tử Nhuế bị bắt ở Cao Vọng (cũng thuộc Kỳ Anh, Hà Tĩnh). Cuộc kháng chiến của triều Hồ đến đó là hoàn toàn bị dập tắt. Không ít quan lại của triều Hồ đã đầu hàng quân Minh. Tuy nhiên, cũng có những người thà chết để giữ sạch tiết tháo chứ quyết không chịu cúi đầu quy phục. Trong số đó, nổi bật hơn cả có lẽ là Kiều Biểu và Ngô Miễn. Cũng sách trên (tờ 3-b) chép rằng :

"Duy có Hành khiển hữu tham tri chính sự là Ngô Miễn và chức Trục trưởng là Kiều Biểu đã nhảy xuống nước tự tử. Khi Miễn chết, vợ là Nguyễn Thị ngửa mặt lên trời mà than rằng :

- Chồng ta thờ Chúa, một đời ăn lộc, nay giữ tiết nghĩa mà tự tử, thế là chết rất xứng đáng, còn oán hận gì nữa ? Nếu thiếp muốn sống cho qua ngày, chẳng lẽ lại không được hay sao ? Nhưng, đạo vợ chồng, nghĩa vua tôi, trong chốc lát mà phụ bạc thì thiếp không nỡ nào. Chi bằng, xin được theo nhau.

Nói xong, cũng nhảy xuống nước mà tự tử.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Vợ Ngô Miễn' là Nguyễn Thị không chỉ chết vì nghĩa mà thôi. Câu nói của bà cũng đủ làm lời khuyên cho đời. Vậy nên chép ra đây để nêu gương".

Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 12, tờ 18) còn chép thêm về tình cảnh của cha con Hồ Hán Thương khi chạy đến Kỳ La (Hà Tĩnh) như sau :

"Lúc hai cha con nhà Hồ (đây chỉ Hồ Hán Thương và con là Thái tử Nhuế - ND) chạy đến Kỳ La, có phụ lão ra bái yết, nói rằng :

- Chỗ này tên gọi là Kì Lê (nói trại chữ Kỳ La, mang nghĩa khác là trời người họ Lê, tức họ Hồ vì sử vẫn chép Hồ Quý Ly là Lê Quý Ly - ND), ở trên kia có núi *Thiên Cẩm* (nguyên nghĩa là

đàn trời, song ở đây, chữ *cầm* được dùng với nghĩa là bắt, *thiên cầm* là trời bắt - ND), đây là điềm không tốt, xin chớ lưu lại ở đây.

Hai (cha con) họ Hồ nổi giận, chém chết người phụ lão ấy. Đến giờ, quả nhiên cha con họ Hồ bị bắt ở nơi đó".

Lời bàn : Chém Ngụy Thúc ở Điển Canh rồi lại chém cụ phụ lão ở Kì La, cha con Hồ Quý Ly chỉ bộc lộ cho trọn vẹn thêm bản chất tàn bạo của mình mà thôi. Mối hay, cha con họ Hồ chẳng thể sánh với Ngô Miễn và Kiều Biểu, càng không thể sánh với vợ Ngô Miễn là người phụ nữ mà đến bây giờ, sử cũng chỉ mới biết họ, chưa biết được tên.

Ý của cụ phụ lão ở Kì La cũng có thể coi là ý dân vậy. Dân đã không chịu chấp lại còn dùng thuật chơi chữ để dọa mà đuổi đi, ấy cũng bởi như Nguyễn Trãi sau này nói :

"Vừa rồi, vì họ Hồ chính sự phiền hà,

Để khắp nước lòng dân oán giận".

Dè dàu, dẫu chấm hết triều Hồ cũng là dẫu than, buồn thay !

24 - THƯƠNG HẠI THAY ! BÙI BÁ KỲ

Sau khi Hồ Quý Ly phế bỏ (1398) rồi giết chết vua Trần Thuận Tông (1399), một loạt tôn thất và quan lại triều Trần bàn mưu tính kế để diệt Hồ Quý Ly. Nhưng, 'cơ mưu bị lộ, việc lớn không thành. Hồ Quý Ly điên cuồng trả thù, sát hại một lúc trên 370 người, trong đó có Thượng tướng Trần Khát Chân là người đã có công giết chết vua Chế Bồng Nga của Chiêm Thành trong trận đánh năm 1390. Một thuộc hạ của Trần Khát Chân là Bùi Bá Kỳ vì căm giận Hồ Quý Ly mà bỏ trốn rồi tìm đường sang tận kinh đô nhà Minh để cầu cứu, xin vua Minh đem quân sang tiêu diệt họ Hồ và lập lại họ Trần. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 12, tờ 24) viết rằng :

"Trước đây, tì tướng của Trần Khát Chân là Bùi Bá Kỳ, tự xưng là bề tôi trung nghĩa của nước Nam, chạy trốn sang nhà Minh để báo cáo nạn nước. Bá Kỳ nói :

- Tổ phụ tôi trước đều là đại thần trong triều Trần. Mẹ tôi là người thân thích với họ Trần. Lúc bé, tôi vào châu quốc vương, (sau lớn lên) làm quan đến Ngũ phẩm. Nay vì cha con Hồ Quý Ly giết vua cướp nước nên tôi phải bỏ chức quan mà đi trốn, nương náu chốn núi non hang cùng, lòng vẫn mong tìm đến thiên đình để giải bày gan ruột tan nát bấy lâu nay, song, giờ mới được trông thấy mặt trời. Tôi trộm nghĩ, cha con Hồ Quý Ly làm việc cướp nước bạo nghịch, coi khinh thiên triều, xin thiên tử cử đạo quân "điều dân phạt tội", trừ bọn gian tà, lập lại họ Trần, sao để tôn cái nghĩa làm cho đời đã mất được nối lại. Được như thế thì tôi dầu chết cũng không tan xương. Nay, tôi xin noi theo lòng trung nghĩa của Bao Tư (người nước Sở của Trung Quốc thời Xuân Thu, tự đi cầu cứu nước Tần khi nước Sở bị nước Ngô diệt. Bao Tư đã dựa vào tường khóc suốt 7 ngày liền. Nhà Tần cảm động, cất quân đi đánh nước Ngô - ND), thương khóc kêu gào dưới cửa khuyết, xin thiên tử rủ lòng thương mà soi xét cho.

Vua Minh nhận được lời tâu ấy, lấy làm cảm động, sai quan chu cấp cơm áo cho (Bùi Bá Kỳ). Gặp lúc ấy, Trần Thiêm Bình cũng từ Lão Qua sang. Nhà Minh hỏi Bá Kỳ có biết người này không. Bá Kỳ trả lời là không biết. Đến khi nhà Minh đưa Thiêm Bình về nước ta, hỏi Thiêm Bình nên dùng bao nhiêu người hộ tống, Thiêm Bình nói :

- Chỉ xin độ vài ngàn người là đủ, vì hễ về đến nơi là người ta tự khắc nghe theo.

Bá Kỳ nói :

- Không nên.

Vua Minh giận, sai đem an trí Bá Kỳ ở Cam Túc. Đến khi Thiêm Bình bị hại, vua Minh cho triệu Bá Kỳ về, dụ dỗ là sẽ lập con cháu họ Trần và cho Bá Kỳ làm bề tôi phụ tá. Khi Trương Phụ đem quân sang nước ta, (vua Minh) cho Bá Kỳ đi theo trong quân ngũ, do đấy, trao cho chức Tham nghị. Bá Kỳ nhận chức nhưng không cùng bạn đồng liêu bàn tính công việc gì, chỉ ở nhà riêng và thu nạp những quan viên cũ của triều Trần bị sa cơ lỡ bước. Nay (Trần) Nguyệt Hồ khởi binh, quân Minh ngờ là Bá Kỳ đem lòng phản lại, liền bắt Bá Kỳ đưa sang Kim Lăng (Trung Quốc - ND).

Lời bàn : Bá Kỳ chạy sang Trung Quốc, trong chỗ căm ghét họ Hồ bởi sự thoán nghịch, còn có sự căm ghét bởi chủ cũ của Bá Kỳ là Trần Khát Chân bị Hồ Quý Ly giết hại. Ấy là lẽ có thể cảm thông. Song, cầu cứu quân Minh thì có gì khác việc rước voi về giày mà tổ ? Ông không hề có tham vọng ích kỉ và bẩn thỉu như Trần Thiêm Bình, nhưng, sự mơ hồ của ông rồi cuộc cũng dẫn đến hậu quả nghiêm trọng không kém. Mới hay, sự phản bội có chủ đích với lòng trung ngậy thơ và mù quáng, đôi khi cũng dễ trộn lẫn vào nhau.

Sử cũ viết rằng Bùi Bá Kỳ bị quân Minh nghi ngờ nên bắt đem về Kim Lăng. Có lẽ phải nói ngược lại mới phải. Chính quân thù tin rằng, hễ tỉnh ngộ, thế nào Bùi Bá Kỳ cũng chống lại quân Minh xâm lược, cho nên, cứ hãy bắt Bùi Bá Kỳ về Kim Lăng ngay khi ông chưa kịp tỉnh ngộ là tốt hơn cả. Dẫu sao thì giấc vẫn chưa muốn vội vất bỏ ngay con người còn có thể lợi dụng này. Thương hại thay, Bùi Bá Kỳ !



Thanh Hư Động (Côn Sơn - Chí Linh - Hải Dương)

25 - CHUYỆN TRẦN NGŨI VỚI ĐẶNG DUNG VÀ NGUYỄN CẢNH CHÂN

Trần Ngỗi là con thứ của Trần Nghệ Tông, từng được Nghệ Tông phong là Giản Định Vương. Khi nhà Hồ cướp được ngôi, Trần Ngỗi bị đối làm Nhật Nam Quận vương (cũng là tước vương nhưng thấp hơn tước vương cũ một bậc). Đến lúc quân Minh xâm lược nước ta, Trần Ngỗi lần tránh đến đất Ninh Bình. Ngày 2 tháng 10 năm Đinh Hợi (1407), được sự giúp sức của Trần Triệu Cơ, Trần Ngỗi lên ngôi Hoàng đế ở Yên Mô (Ninh Bình), xưng là Giản Định Đế và chính thức dựng cờ khởi nghĩa chống quân Minh.

Sau khi Trần Ngỗi lên ngôi, viên Đại tri châu ở Hóa Châu là Đặng Tất đã giết bọn quan lại nhà Minh ở châu này rồi đem hết lực lượng về theo Trần Ngỗi. Ông cũng còn dâng cả con gái của mình cho Trần Ngỗi nữa. Đáp lại, Giản Định Đế Trần Ngỗi đã phong cho Đặng Tất tước Quốc công. Hai bên thề cùng nhau giết giặc để giải phóng nước nhà và khôi phục lại họ Trần.

Sau Đặng Tất không bao lâu, quan An phủ sứ lộ Thăng Hoa của nhà Hồ cũ là Nguyễn Cảnh Chân cũng theo về. Thế lực của Trần Ngỗi nhờ đó mà ngày càng mạnh.

Đặng Tất có con trai là Đặng Dung, còn Nguyễn Cảnh Chân thì có con trai là Nguyễn Cảnh Dị. Quả đúng là "hổ phụ sinh hổ tử", cha con Đặng Tất và cha con Nguyễn Cảnh Chân đều là những bậc tướng tài, thanh thế của Trần Ngỗi gần như đều do họ tạo ra cả. Đến cuối năm Mậu Tý (1408), quân của Giản Định Đế Trần Ngỗi đã giải phóng được gần hết vùng đất từ Thanh Hóa trở vào, đồng thời, thắng một trận lớn ở Bô Cô (Ý Yên, Nam Định), chút nữa thì giết được cả Tổng binh giặc là Kiểm quốc công Mộc Thạnh. Song, cũng từ sau trận Bô Cô, nội bộ các lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa này mất đoàn kết nghiêm trọng. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 9, từ tờ 10-b đến tờ 12-a) chép rằng :

"Bấy giờ, nhà Minh sai Tổng binh Mộc Thạnh mang tước Kiểm quốc công, đeo ấn Chinh di tướng quân, đem 5 vạn quân từ

Vân Nam đến Bô Cô. Vừa lúc đó, Vua (chỉ Trần Ngỗi - ND) cũng từ Nghệ An tới, quân dung nghiêm chỉnh, lại gặp lúc nước triều lên gấp, gió thổi mạnh, (Vua) sai các quân đóng cọc giữ (thuyền) và lên bờ đắp lũy. (Mộc) Thạnh cũng chia quân thủy bộ cầm cự. Vua cầm dùi đánh trống, hạ lệnh các quân thừa cơ xông ra đánh, từ giờ tị đến giờ thân (từ 9 giờ sáng đến 17 giờ chiều - ND), quân Minh thua chạy. (Quân Vua) chém được Binh bộ thượng thư Lưu Tuấn, Đô ti Lữ Nghị cùng các quân mới, cũ đến hơn 10 vạn tên. (Trận ấy), chỉ một mình Mộc Thạnh chạy thoát về thành Cổ Lộng (tức thành Cách, cũng thuộc Ý Yên, Nam Định - ND). Vua bảo các quân :

- Hãy thừa thế chẻ tre mà đánh cuốn chiếu thẳng một mạch, như sét đánh không kịp bịt tai, tiến đánh thành Đông Quan (tức thành Hà Nội - ND) thì chắc chắn phá được chúng.

(Đặng) Tất tâu rằng :

- Hãy bắt hết bọn giặc còn sống sót, không nên để mỗi lo về sau.

(Vua) do dự mãi không quyết định được. Quân (giặc) giữ thành Đông Quan đến cứu viện, đón Mộc Thạnh về. (Đặng) Tất chia quân vây đánh các thành, gửi hịch cho các lộ hành quân đánh giặc.

Phan Phu Tiên nói : Đặng Tất chỉ biết hành quân là gấp mà không biết là cứu Đông Đô còn gấp hơn. Hình thế Đông Đô có tầm cả nước, chiếm được Đông Đô thì các lộ không đâu không hưởng ứng, hơn nữa, hào kiệt trung châu đều ở đó cả. Bỏ nơi ấy mà không lo đánh chiếm, lại chia quân phân tán đi các xứ, vì thế hiệu lệnh không thống nhất, rốt cuộc đi đến sụp đổ là đáng lắm.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Đường Thái Tông dùng binh, phần nhiều nhân thế chẻ tre mà giành được thắng lợi, ấy cũng bởi (nhà vua ấy) có tư chất anh hùng mà tướng sĩ cũng vốn đã được rèn sẵn. Vua (Giản Định) tính kế quyết thắng nhưng (Đặng) Tất không theo, cố nhiên là đáng tiếc. Song, cũng có lẽ bởi (Đặng) Tất liệu vua mình không phải là bậc anh hùng như (Đường) Thái Tông, mà quân thì mới từ xa đến, lương thực e không tiếp tế được, còn

như quân ở kinh lộ thì chưa tập hợp xong, chẳng thà theo phép "thập tắc vì chi, ngũ tắc công chi" (hơn địch gấp mười lần thì bao vây mà tiêu diệt, hơn địch gấp năm lần thì đánh). Nếu không thế thì thành Cổ Lộng chỉ cách Bồ Cô không quá nửa ngày đường, sao lại không thừa thế chẻ tre mà đánh, còn nói gì đến thành Đông Quan (ở xa xôi). Kế ấy (của Đặng Tất) cũng chưa lấy gì làm hổng lăm, chỉ vì vua tin lời gièm pha mà vội giết (Đặng) Tất đó thôi. Than ôi, Đặng Tất sau khi phá được giặc mạnh, trở tài mới trong khoảng một tuần một tháng, công việc mới làm được một nửa mà đã chết oan, đó là cái họa sụp đổ (của nghĩa quân Trần Ngỗi) chứ đâu phải là tội của (Đặng) Tất".

Cũng sách trên (tờ 12-b và tờ 13-a) đã chép tiếp về kết cục sự bất đồng ý kiến giữa Giản Định Đế Trần Ngỗi với Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân như sau :

"Mùa xuân, tháng 2 (năm Kỷ Sửu, 1409 - ND), giết Quốc công Đặng Tất và Đồng tri khu mật viện tham mưu quân sự Nguyễn Cảnh Chân. Khi ấy, Vua đóng ở Hoàng Giang, nội nhân là Nguyễn Quỳ, học sinh là Nguyễn Mộng Trang mật tâu rằng Nguyễn Cảnh Chân và Đặng Tất chuyên quyền bỏ quan và cách chức (quan lại), nếu không sớm tính đi thì sau này sẽ khó mà kiềm chế. Vua cho gọi hai người đến, bóp cổ giết Tất. Chân chạy lên bờ, bị lực sĩ đuổi theo chém chết.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Vua may mà thoát khỏi vòng vây hãm nguy hiểm, (xuống chiếu) cầu người cứu giúp nạn nước, được cha con Đặng Tất có tài làm tướng, cha con (Nguyễn) Cảnh Chân giỏi bày mưu lược, đủ để lập công khôi phục, dựng nghiệp trung hưng. Thắng trận Bồ Cô, thế nước lại mạnh, vậy mà nghe lời gièm pha li gián của bọn hoạn quan, một lúc giết hại hai người bề tôi phò tá, tự mình chặt bỏ chân tay vây cánh của mình, thì hỏi làm sao nên việc được ? Cho nên, đức của người làm vua, quý ở chỗ kiên quyết và sáng suốt. Kiên quyết thì có thể xét đoán được, sáng suốt thì có thể thấy rõ được. Ôi, nếu lúc đó, Vua gọi hai đại thần đến, dẫn hai đứa (hoạn quan) ấy kể rõ tội gièm pha vu hãm đại thần rồi chém ngay chúng đi, khiến cho uy lệnh được

thì hành mà bọn Tất càng thêm lòng cảm kích. Giá thử họ có manh tâm chuyên quyền thì chả lẽ lại không sợ uy mà phải tự hối cải, lo gì việc khó kiểm chế ? Không làm được như vậy thì chỉ có long đong rồi chết chìm hết mà thôi".

26 - ĐẶNG DUNG VỚI BÀI "THUẬT HOÀI"

Tháng 2 năm Kỷ Sửu (1409) vì bất đồng ý kiến với Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân, Giản Định Đế Trần Ngỗi đã giết chết cả hai vị hổ tướng nanh vuốt này. Sai lầm nghiêm trọng đó đã làm cho lực lượng Trần Ngỗi phải gánh chịu một tổn thất không gì bù đắp nổi. Bấy giờ, mặc dầu rất căm giận Trần Ngỗi, nhưng con của Đặng Tất là Đặng Dung và con của Nguyễn Cảnh Chân là Nguyễn Cảnh Dị vẫn không từ bỏ cuộc chiến đấu chống quân Minh xâm lược. Hai ông đem một bộ phận nghĩa quân về Thanh Hóa, đón một tôn thất khác của họ Trần là Trần Quý Khoáng vào Nghệ An rồi tôn Trần Quý Khoáng lên làm vua. Quý Khoáng là con của Mẫn Vương Ngạc, cháu nội của Trần Nghệ Tông và là cháu gọi Trần Ngỗi bằng chú ruột. Khi lên ngôi, Quý Khoáng lấy niên hiệu là Trùng Quang nên sử vẫn quen gọi ông là Trùng Quang Đế.

Như vậy là, một cuộc khởi nghĩa, cùng chống chung một kẻ thù, nhưng lại có đến hai vị hoàng đế họ Trần lãnh đạo, đó là biểu hiện của sự chia rẽ, của nguy cơ thất bại. Quân Minh đã triệt để lợi dụng chỗ yếu này để từng bước dập tắt hoàn toàn cuộc khởi nghĩa.

Cuối tháng 11 năm Quý Tị (1413) Đặng Dung bị giặc bắt giải về Trung Quốc, nhưng dọc đường, Ông đã nhảy xuống sông tự tử. Sinh thời, Đặng Dung là người tài kiêm văn võ. Ông là tác giả của bài *Thuật hoài*, một trong những áng hùng thi kiệt xuất của văn học dân tộc. Nay, xin theo nguyên bản chép trong *Toàn Việt thi lục* mà phiên âm, dịch nghĩa và mạo muội dịch thơ như sau :

Phiên âm :

Thế sự du du nại lão hà,
Vô cùng thiên địa nhập hàm ca.
Thời lai đồ diếu thành công dị,
Vận khứ anh hùng ẩm hận đa.
Trí chủ hữu hoài phò địa trực,
Tẩy binh vô lộ văn thiên hà.
Quốc thù vị báo đầu tiên bạch,
Kỉ độ Long Tuyền đới nguyệt ma.

Dịch nghĩa :

Việc đời dằng dặc mà tiếc thay tuổi đã già,
Trời đất rộng lớn cùng nhập vào cuộc say ca.
Thời cơ đến, bọn hàng thịt (ngoài chợ), bọn đi câu
(ngoài sông) vẫn có thể thành công dễ dàng,
Lỡ vận, người anh hùng cũng phải uống nhiều
tủi hận.

Phò vua, có lòng nâng đỡ trực đất,
Rửa binh khí, tiếc là không có lối kéo sông Ngân
Hà xuống.

Nợ nước chưa đền mà đầu đã sớm bạc,
Bao phen, thanh gươm Long Tuyền đem mài dưới
ánh trăng.

Dịch thơ :

Sự đời bề bộn, tiếc mình già,
Trời đất quay cuồng cuộc say ca.
Gặp thời, đồ diếu thành công dễ,
Lỡ vận anh hùng ngậm xót xa.
Phò chúa dốc lòng ghi địa trực,
Rửa gươm chẳng lối kéo Ngân Hà.
Nợ nước chưa đền, đầu đã bạc,
Gươm mài bao bận dưới trăng ngà.

Về bài thơ này, Lý Tử Tấn đã có một lời bình, ngắn gọn mà vẫn đầy đủ và sâu sắc : "Phi hào kiệt chi sĩ, bất năng" (nếu không phải là kẻ sĩ hào kiệt thì không thể làm nổi bài thơ này). Lời ấy có lẽ cũng đủ để thay cho mọi lời bình khác.

27 - ĐỨC ĐỘ CỦA GIẢN ĐỊNH ĐẾ

*N*gày 2 tháng 10 năm Đinh Hợi (1407), nhờ được sự trợ giúp đắc lực của Trần Triệu Cơ, Giản Định Vương Trần Ngỗi lên ngôi Hoàng đế ở Mô Độ, châu Trường Yên (nay thuộc xã Yên Mô, huyện Yên Mô, tỉnh Ninh Bình), đặt niên hiệu là Hưng Khánh. Sử bắt đầu gọi Giản Định Vương là Giản Định Đế kể từ đó.

Lên ngôi vừa được hai tháng, Trần Ngỗi đã giết hại một lúc đến hơn 500 người, gồm cả tôn thất họ Trần lẫn nhiều người khác. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 9, tờ 9 a-b) chép rằng :

"Giết bọn ngụy quan Trần Thúc Dao và thuộc hạ hơn 500 người. Trước đây, người Minh lấy tôn thất họ Trần là Trần Thúc Dao con của Trần Nguyên Đán) giữ đất Diễn Châu (Nghệ An - ND) và lấy cựu tướng quân là Trần Nhật Chiêu giữ đất Nghệ An. Đến đây, vua lên ngôi mà họ không đón rước nên bị giết.

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Thiên hạ đại loạn, nhân dân ở Nghệ (An) và Diễn Châu nào biết ai là chân chúa ? Thúc Dao là con nhà tôn thất, Nhật Chiêu là tướng quân cũ, cùng nhận quan tước của nhà Minh để giữ đất và trị dân, thử hỏi, dân không theo liệu có được không ? Giết Thúc Dao và Nhật Chiêu là phải, còn thuộc hạ nên vỗ về mà dùng, chúng dám dẫu lại không cảm kích ơn đức đó. Giết đến nhiều như vậy thì làm sao mà gọi là đạo quân nhân nghĩa được ?"

Có thể coi sự kiện này là lần đại thất đức thứ nhất của Trần Ngỗi. Ông dựng cờ xưng nghĩa chống xâm lăng, nhưng chưa giết được tên giặc nào thì đã giết quá nhiều dân.

Một năm sau, vào tháng 10 năm Mậu Tí (1408), Trần Ngỗi lại có thêm sự phò tá của cha con Đặng Tất, Đặng Dung và cha con Nguyễn Cảnh Chân, Nguyễn Cảnh Dị. Họ đều là những bậc danh tướng tài kiêm văn võ, cho nên, thanh thế của Giản Định Đế lên rất nhanh. Hai tháng sau, (vào ngày 14 tháng 12), Đặng Tất đại phá quân Minh ở Bô Cô (Ý Yên, Nam Định), chút xíu nữa là giết được Tổng binh giặc. Tiếc thay, sau trận đại thắng này, Trần Ngỗi

bất đồng ý kiến với Đặng Tất và Nguyễn Cảnh Chân. Để giải quyết sự bất đồng, Trần Ngỗi đã giết chết cả hai vị hổ tướng. Việc làm ngu muội ấy thật không khác gì Trần Ngỗi tự chặt đứt hai cánh tay của chính mình, và đó là lần đại thất đức thứ hai.

Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Dị vì căm giận Trần Ngỗi giết hại cha mình, bèn bỏ Trần Ngỗi chạy về Thanh Hóa, lập một tôn thất khác là Trần Quý Khoáng lên ngôi để tiếp tục cuộc kháng chiến chống quân Minh. Trần Quý Khoáng là con của Mẫn Vương Ngạc, cháu nội của Trần Nghệ Tông và cũng là cháu gọi Trần Ngỗi bằng chú ruột. Thời Hồ, Trần Quý Khoáng được phong là Nhập nội trị trung, đến đây lên ngôi, lấy hiệu là Trùng Quang, sử nhân đó gọi Ông là Trùng Quang Đế.

Một lực lượng, cùng chống một kẻ thù chung là quân Minh, nhưng lại có đến hai Hoàng đế họ Trần lãnh đạo, đó là điều chẳng hay. Để khắc phục tình trạng này, ngày 17 tháng 3 năm Kỉ Sửu (1409), các tướng của Trùng Quang Đế như Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Dị, Nguyễn Súly, Nguyễn Chương... đã tổ chức đánh úp và bắt Giản Định Đế Trần Ngỗi về. Tuy nhiên, bắt về không phải để giết mà là để hợp nhất lực lượng. Cách làm tuy có thô bạo nhưng mục đích thì quả là rất cần thiết. Tiếc thay, Giản Định Đế Trần Ngỗi lại không thấy được hết sự cần thiết này. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 9, tờ 13-b) chép :

"Mùa hạ, tháng 4, ngày mồng bảy (năm Kỉ Sửu, 1409 - ND), Hưng Khánh Thái hậu (mẹ của Trần Ngỗi - ND) cùng với Hành khiển là Lê Tiết, Lê Nguyên Đĩnh ngầm khởi binh ở Hát Giang, mưu đánh úp Trùng Quang Đế. Người Nghệ An là Nguyễn Trạo tiết lộ việc ấy. Trùng Quang Đế giết bọn Tiết và Nguyên Đĩnh, còn những người khác thì đều tha cả".

Với sự kiện này, chúng ta có thể biết được gốc mạch của sự đại thất đức ở Trần Ngỗi bắt đầu từ đâu. Mẹ nào con nấy, cổ nhân nói chẳng sai chút nào. Cũng may mà Trùng Quang Đế xử thế có phần khác hơn. Cũng sách trên viết tiếp :

"Ngày 20 (tháng 4 năm Kỉ Sửu - ND) bọn Nguyễn Súly dẫn Hưng Khánh (đây chỉ Trần Ngỗi - ND) đến sông Tam Chế (tức

sông Lam – ND) ở Nghệ An. Trùng Quang đổi mặc áo thường xuống thuyền đón rước. Khi ấy, trời đất đang tối sầm bồng có mây vàng rực rỡ, mọi người đều kinh ngạc. (Trùng Quang Đế) bèn tôn Hưng Khánh làm Thượng hoàng, cùng chung sức đánh giặc”.

Lời bàn : Trong mọi công đức, cứu nước là đại công đức. Ngọn cờ cứu nước của Giản Định Đế Trần Ngỗi lúc ấy đúng là ngọn cờ đại công đức. Song, cứu nước mà không cứu dân thì cứu nước để làm gì ? Tiếc thay cho Trần Ngỗi, người đã làm những điều đại thất đức ngay trên đường giương cờ đại công đức.

28 - QUAN CHÁNH SỨ HỒ NGẠN THẦN

Hồ Ngạn Thần (sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* viết là Hồ Nghiện Thần) đỗ Cử nhân năm Ất Dậu (1405) đời vua Hồ Hán Thương, sau được sung làm Thái học sinh lí hành (tương đương với Thái học sinh, tức Tiến sĩ, nhưng chưa chính thức đỗ đạt gì). Ngày 17 tháng 3 năm Kỷ Sửu (1409) Trần Quý Khoáng được các tướng như Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Dị, Nguyễn Súy, Nguyễn Chương... tôn lên ngôi Hoàng đế, lấy niên hiệu là Trùng Quang. Hồ Ngạn Thần nghe tin liền theo về ứng nghĩa, được Trùng Quang Đế thăng đến chức Hành khiển.

Tháng 9 năm Tân Mão (1411) Trùng Quang Đế sai quan Hành khiển Hồ Ngạn Thần cầm đầu sứ bộ sang nhà Minh để xin cầu phong ! Đó là một việc làm gây thơ đến độ đại dột và khó hiểu của Trùng Quang Đế. Các sử gia triều Nguyễn, tác giả của bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục*, sau khi chép lại sự kiện này (ở chính biên, quyển 12, tờ 34) đã hạ bút phê rằng :

“Sự thể đã đến thế mà còn thỉnh cầu gàn rồ mãi, thật là mù quáng về thời cơ, không còn hiểu gì cả”.

Nhưng, vua nào bẽ tội ấy, Chánh sứ Hồ Ngạn Thần cũng xử sự gây thơ đến độ đại dột và khó hiểu không kém gì Trùng Quang Đế. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 9, tờ 17a-b) chép :

"Sai Hành khiến Hồ Ngạn Thần làm sứ giả đi cầu phong, cho quan Thẩm hình là Bùi Nột Ngôn làm phó, mang biểu văn, phương vật và hai tượng người bằng vàng và bằng bạc thay thân mình (sang nhà Minh). Trước đó, vua đã sai Hành khiến Nguyễn Nhật Tư và Thẩm hình Lê Ngân sang cầu phong. Vua Minh nổi giận, bắt giam rồi giết cả. Đến nay lại sai Ngạn Thần đi. (Khi bọn Ngạn Thần) đến Yên Kinh, vua Minh sai Hồ (Nguyên) Trùng giả vờ lấy ân tình-cũ để hỏi thăm sức khỏe của Vua và tình hình trong nước thế nào. (Hồ) Ngạn Thần nói hết cả với Trùng. Nột Ngôn thì không chịu khuất phục. Nhà Minh giả cách cho Vua làm Giao Chỉ Bố chính sứ, Ngạn Thần làm Tri phủ Nghệ An. Đến khi sứ bộ về nước, Nột Ngôn tâu hết việc Ngạn Thần tiết lộ việc nước và nhận lệnh của giặc. (Vua sai) bắt Ngạn Thần giam vào ngục rồi giết đi".



Rồng châu trắng (chạm gỗ)

Lời bàn : Trần Quý Khoáng lên ngôi để quy tụ lòng người mà đánh giặc, sự nghiệp chỉ mới bắt đầu, đại sự chưa lo lại lo tìm hư danh hão, đó là sự sai lầm. Cúi đầu xin cầu phong ở Hoàng đế của nước đang đem quân đi xâm lược nước mình, hỏi có khác gì tự đưa tay vào miệng cộp dũ đang đói mà xin sự an bình ? Cái chết của Nguyễn Nhật Tư và Lê Ngân cũng chưa đủ để thức tỉnh Trùng Quang Đế hay sao ? Cho nên, trong sự sai lầm lại còn có sự sai lầm nữa. Các tác giả sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* nghiêm phê như trên là phải lắm.

Triều Hồ sụp đổ bởi quân Minh, cha và em rồi thân tộc đều bị giết cả, Hồ Nguyên Trừng nguyên là Tướng quốc của triều Hồ mà được nhờ sống phú quý trên đất nhà Minh, chừng ấy cũng đủ biết là người như thế nào. Hồ Ngạn Thần thực sự không biết gì về hành trạng của Hồ Nguyên Trừng hay là biết mà cũng lờ đi như không biết ? Vì sao cũng mặc, đã tiết lộ việc nước cho kẻ đầu hàng thì phải chịu tội. Sứ giả mà mơ hồ về chính trị, tác hại gây ra thật khó lường.

29 - LÊ CẢNH TUÂN VỚI BỨC "VẠN NGÔN THƯ"

Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 9, tờ 18-b và tờ 19 a-b) chép rằng :

"Trước đây, Cảnh Tuân là hạ trai học sinh của nhà Hồ. (Từ thời Trần trở đi, học sinh được chia làm ba hạng là thượng trai, trung trai và hạ trai - ND). Năm Hưng Khánh thứ nhất (tức năm Đinh Hợi, 1407 - ND), (Cảnh Tuân) có viết bức "vạn ngôn thư" (bức thư dài đến một vạn chữ - ND), rồi dâng cho Tham nghị Bùi Bá Kỳ. (Thư ấy) nêu ba phương sách là thượng, trung và hạ, đại lược nói rằng :

Nhà Minh đã ban cho các hạ (chỉ Bùi Bá Kỳ - ND) được theo quân tiến đánh, đợi khi bắt được họ Hồ thì chọn con cháu họ Trần mà lập làm vua, gia tước cho các hạ được làm phụ tá. Nay thấy thiết lập ti Bốc chính, phong tước cao cho các hạ mà chỉ cấp người quét dọn đền miếu nhà Trần (chứ không thấy lo lập lại họ Trần). Nếu các hạ có thể tâu lại, phân tích lời khai của các quan (cũ) và kì lão (các nơi), nói rõ là con cháu họ Trần vẫn còn, xin ban chiếu sắc riêng để phong lại cho họ Trần thì đó là thượng

sách. Nếu các hạ không làm được như thế thì hãy xin thôi chức vị hiện nay, tình nguyện làm quan coi nhà thờ họ Trần, đó là trung sách. Nếu các hạ còn tiếc quan to, tham bổng lộc nhiều, thì đó là hạ sách.

Nếu làm theo thượng sách, tôi xin là nhân sâm, cam thảo, chỉ xác, trần bì... bổ sung vào ô thuốc của các hạ để các hạ tùy nghi sử dụng. Nếu làm theo trung sách, tôi xin được bưng khay chén hầu hạ và cũng xin tùy các hạ sai khiến. Nếu làm theo hạ sách, tôi sẽ là kẻ ẩn dật, sống cho hết tuổi thừa mà thôi.

Đến khi (Bùi Bá Kỳ bị tình nghi, bị quân Minh) tịch biên nhà cửa, (giặc) bắt được bức thư ấy và tâu lên, (vua Minh) sai bắt Cảnh Tuân để xét hỏi, nhưng lúc ấy loạn lạc, không biết (Cảnh Tuân) đi đâu.

Đến đây (năm Tân Mão, 1411 - ND) đặt học hiệu ở Giao Châu (Cảnh Tuân ra làm Giáo thụ), giặc bắt được Cảnh Tuân đưa về Kim Lăng và giam xuống ngục của vệ Cẩm Y. Cảnh Tuân ở trong ngục 5 năm, cùng con là Thái Điền đều bị ốm mà chết".

Sử thần Ngô Sĩ Liên nói : Ba phương sách của Cảnh Tuân mang khí khái của bậc trượng phu. Ông nhận chức Giáo thụ của nhà Minh chắc có lẽ cũng vì muốn ẩn dật mà không được".

Lời bàn : Súc học mới ở hạ trai mà viết nổi "vạn ngôn thư" đã là khó, viết "vạn ngôn thư" để giải bày tâm huyết của một người giàu lòng trung quân ái quốc và phân tích lẽ thiệt hơn cho kẻ lắm đường, khiến mạng sống của người viết bị đe dọa, thì lại càng khó hơn.

Bùi Bá Kỳ nhận "vạn ngôn thư" rồi bỏ đấy, không dám bày tỏ chút lòng ưu ái đối với Lê Cảnh Tuân, ấy là lỗi, nhưng có thế thì Bùi Bá Kỳ mới là Bùi Bá Kỳ.

Ai bảo bút sa gà chết, còn đây, bút sa... người chết. Song, chết mà để lại được một "vạn ngôn thư", khiến cho muôn đời đều hiểu được nỗi ưu thời mẫn thế của mình, để đã mấy ai trường thọ mà đã làm được. Kính thay !

30 - KHÍ PHÁCH NGUYỄN BIỂU

Nguyễn Biểu sinh năm nào không rõ, chỉ biết nguyên quán của ông là đất Bình Hồ, La Sơn, Nghệ An (nay là đất Đức Thọ, Hà Tĩnh). Năm Kỷ Sửu (1409), khi các tướng Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Dị, Nguyễn Súy, Nguyễn Chương ... cùng tôn Trần Quý Khoáng lên ngôi Hoàng đế để lãnh đạo cuộc kháng chiến chống quân Minh xâm lược, Nguyễn Biểu cũng ứng nghĩa mà theo về, được Trưng Quang Đế Trần Quý Khoáng cho giữ chức Đài quan. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (Chính biên, quyển 12, tờ 37 và 38) chép rằng :

"Trước đây, đế Quý Khoáng thấy mình bị thua luôn, lương thực không được tiếp tế đầy đủ, mới cho bọn Nguyễn Súy, Đặng Dung theo đường biển ra tuần tiễu ở Hải Đông, Vân Đồn và các vùng biển khác để kiếm lương ăn và chặn đánh bọn lính nhà Minh đông rải rác ở những nơi này. (Đánh xong) lại kéo về Nghệ An, quân chỉ còn lại độ ba bốn phần mười.

Đến nay (tháng 4 năm Quý Tị, 1413 - ND), Trương Phụ lại đem quân đến đánh, (Vua) bèn chạy đến Hóa Châu (vùng Bình - Trị - Thiên cũ - ND) rồi sai bầy tôi là Nguyễn Biểu sung làm sứ cầu phong. Khi (Nguyễn Biểu) đem phẩm vật đến Nghệ An, (Nguyễn) Biểu bị (Trương) Phụ giữ lại (Nguyễn) Biểu giận, mắng (Trương) Phụ rằng :

- Trong bụng thì toan tính việc đánh chiếm nước người ta mà bề ngoài thì lại lớn tiếng là quân nhân nghĩa, trước nói lập con cháu họ Trần, bây giờ lại đặt quận huyện, không những cướp bóc của cải, lại còn giết hại nhân dân, may thật là thẳng giặc bạo ngược.

(Trương) Phụ giận, sai giết (Nguyễn Biểu)".

Bởi kính trọng nghĩa khí quật cường ấy, nhân dân Nghệ - Tĩnh đã lập đền thờ ông, tôn ông là *Nghĩa vương*. Trong *Nghĩa sĩ truyện*, Hoàng Trùng (người thế kỉ XVI và là cháu chắt bên ngoại của Nguyễn Biểu) có kể rằng, khi thấy Nguyễn Biểu đến doanh trại, chủ tướng giặc là Trương Phụ đã thử khí phách của Nguyễn

Biểu bằng cách mời ông ăn cỗ đầu người. Nguyễn Biểu vừa ăn vừa làm bài thơ bằng chữ Nôm *Ăn cỗ đầu người* rất được người đời truyền tụng. Nguyên văn bài thơ chữ Nôm này như sau :

Ngọc thiện trân tu đã đủ mùi,
Gia hào thêm có cỗ đầu người.
Nem công chả phượng còn thua béo,
Thịt gấu gân lân hẳn kém tươi.
Ca lối Lộc Minh so cũng một,
Vật bày thỏ thủ bội hơn mười.
Kia kia ngon ngọt tày vai lợn,
Tráng sĩ như Phàn tiếng để đời.

Cũng trong sách trên, Hoàng Trùng còn ghi lại cả một bài văn tế của Trùng Quang Đế, đề là *Tế Nguyễn Biểu*; nguyên văn bằng chữ Nôm như sau :

Than rằng :

Sinh sinh hóa hóa, cơ huyền tạo mờ mờ,
Sắc sắc không không, bụi hồng trần phơi phơi.
Bất cộng thù, thiên địa chứng cho,
Vô cùng hận, quỷ thần thể với.
Nhớ thuở tiên sinh giờ cao mũ trái,
Chăm chăm ở nơi đài giám, dành làm cột đá để ngăn dòng.
Tới khi tiên sinh xa gác vó câu, hăm hăm chí,
Cán cờ mao, bỗng trở gió vàng bèn nên nổi.
Thối tinh chiên Hồ tặc chửi hăm,
Gan thiết thạch Tô công dễ đổi.
Quan Vân Trường gặp Lữ Mông dễ sa cơ ấy,
Mảng thấy chữ *phệ tê hà cập* dạ những ngùi ngùi.
Lưu Huyền Đức giận Lục Tốn, mong trả thù này,
Nghĩ đến câu *thường đảm bắt vong* lòng thêm dọi dọi.
Sâu kia không lấp cạn dòng,
Thảm nọ dễ xây nên núi.
Lấy chi báo chùng hậu đức, rượu kim tương một lọ,
Voi voi mượn chuốc ba tuần.

Lấy chi ủy thừa phương hồn, văn dụ tế mấy câu,
Thăm thăm ngõ thông chín suối.

Bài *Tế Nguyễn Biểu* tuy chưa phải là bài hay, càng chưa phải là đã viết đúng theo những quy cách vốn rất chặt chẽ của văn tế, song, cái tình của Trùng Quang Đế đối với Nguyễn Biểu thì ai cũng có thể nhận thấy được.

31 - ĐÁNG ĐỜI PHAN LIÊU

Tháng tư năm Quý Tị (1413), quân Minh đánh chiếm được Nghệ An, lực lượng của Trùng Quang Đế chỉ còn giữ được vùng Hóa Châu nữa mà thôi. Hóa Châu tuy địa thế hiểm trở nhưng đất hẹp, dân thưa, không thể làm căn cứ vững chắc cho lực lượng của Trùng Quang Đế.

Hai tháng sau khi chiếm được Nghệ An, Trương Phụ và Mộc Thạnh họp các tướng để chuẩn bị đánh trận quyết định với Trùng Quang Đế. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 9, tờ 22-a) cho biết :

"Tháng 6, Trương Phụ và Mộc Thạnh nhà Minh họp các tướng bàn kế đánh chiếm (Hóa Châu). Thạnh nói :

- Hóa Châu núi cao biển rộng, chưa dễ lấy được.

Phụ nói :

- Tôi sống được cũng là nhờ Hóa Châu, có làm ma thì cũng làm ma Hóa Châu. Hóa Châu mà chưa dẹp được, tôi còn mặt mũi nào nhìn Chúa thượng nữa.

Xong, bèn đem thủy quân đi, mất 21 ngày (thì đến và) đánh vào thành của châu Thuận Hóa".

Trận này, Trùng Quang Đế đại bại, phải chạy sang Lão Qua (đất Lào ngày nay), nhưng rồi cũng bị quân Minh đuổi theo, lòng bắt được và giải về Trung Quốc. Dọc đường, Trùng Quang Đế nhảy xuống cửa sông tự tử.

Vì sao Trương Phụ đánh nhanh và kết quả là đã thắng thật nhanh ở Hóa Châu như vậy. Có một điều bí mật mà có lẽ cả đến Mộc Thạnh cũng không hay. Cũng sách trên (tờ 23-b và tờ 24-a) ghi rõ :

"Trước đây, nhà hậu Trần (chỉ chung Trần Ngỗi và Trần Quý Khoáng - ND) dấy binh mưu việc phục hưng, có viên Trấn thủ cũ là Phan Quý Hựu góp công tính mưu giúp sức nên (Quý Hựu) được thăng dần đến Thiếu bảo. Khi Trương Phụ vào đánh cướp Nghệ An, Vua (chỉ Trùng Quang Đế Trần Quý Khoáng - ND) ngự tới Hóa Châu, Quý Hựu liền hàng giặc. Phụ mừng lắm. Nhưng, được mười hôm thì Quý Hựu vì bệnh mà chết. Phụ cho con (của Quý Hựu) là Liêu làm Tri châu Nghệ An và hậu thưởng cho gia thuộc của Quý Hựu. Liêu đem tình trạng hay dở của các tướng văn võ, số lượng quân đội và hình thế núi sông (ở Hóa Châu) nói cho Phụ biết. Bấy giờ, Phụ mới quyết chí đánh Hóa Châu".

Song le, kẻ phản bội làm sao thoát nổi lưới trời, Phan Liêu về sau cũng chết bởi sự trừng trị đích đáng của Lê Lợi. Xin mượn lời bàn của Ngô Sĩ Liên (trong *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 9, tờ 24 a-b) thay cho phần kết của mẩu chuyện về tên phản quốc Phan Liêu :

"Trùng Quang Đế dấy quân một lữ để mưu khôi phục đất nước đang trong cơn loạn lạc chia lìa, kẻ cũng như lấy một cây gỗ nhỏ để chống giữ ngôi nhà lớn đang đổ, có đâu lại không biết rằng sự thế đã đến lúc không sao cứu vãn được nữa ? Dầu vậy, cứ làm hết bốn phận phải làm để mong có thể thay đổi được mệnh trời. Còn như khi bị giặc bắt đem về, (Vua) giữ nghĩa không chịu nhục, cam lòng nhảy xuống sông mà chết, cùng mất với nước như thế, thực đúng là vua của nước, chết vì đất nước. Các bề tôi của Ngài như Cảnh Dị chửi giặc mong cho chúng giết ngay mình, Nguyễn Biểu kể tội của giặc rồi chết... đều là những người tiêu biểu đáng ca ngợi cả.

Chỉ có Hồ Ngạn Thần đi sứ làm nhục mệnh Vua đã bị giết rồi, Phan Liêu đem tình hình mạnh yếu trong nước mà báo cho giặc, tuy được thoát chết trong một thời, nhưng sau lại bị Thái Tổ Cao Hoàng đế ta (chỉ Lê Lợi - ND) giết chết.

Than ôi, kẻ làm tôi trung với nước, chết vì nghĩa, danh thơm mãi còn, bọn bất trung phản quốc, không thể tránh khỏi cái chết, lại còn để tiếng xấu ngàn năm. Quả đúng vậy !"

32 - TIẾT THÁO CỦA TRÙNG QUANG ĐẾ, ĐẶNG DUNG, NGUYỄN CẢNH DỊ VÀ NGUYỄN SÚY

Tháng chạp năm Quý Tị (1413) quân Minh đập tan hoàn toàn lực lượng của Trùng Quang Đế Trần Quý Khoáng. Toàn bộ các lãnh tụ của phong trào yêu nước này đều bị giặc bắt và tất cả đều đã anh dũng hi sinh. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 12, tờ 40) chép rằng :

"Từ khi quân của Hoàng đế Quý Khoáng thất trận, phải ẩn náu trong rừng, tàn quân không sao tập hợp lại được nữa. Cảnh Dị và Đặng Dung muốn chạy sang Tiêm La (tức Thái Lan ngày nay - ND) nhưng (Trương) Phụ đuổi theo, bắt được. Cảnh Dị mắng chửi Phụ rằng :

- Chính ta muốn giết mày, bây giờ lại bị mày bắt !

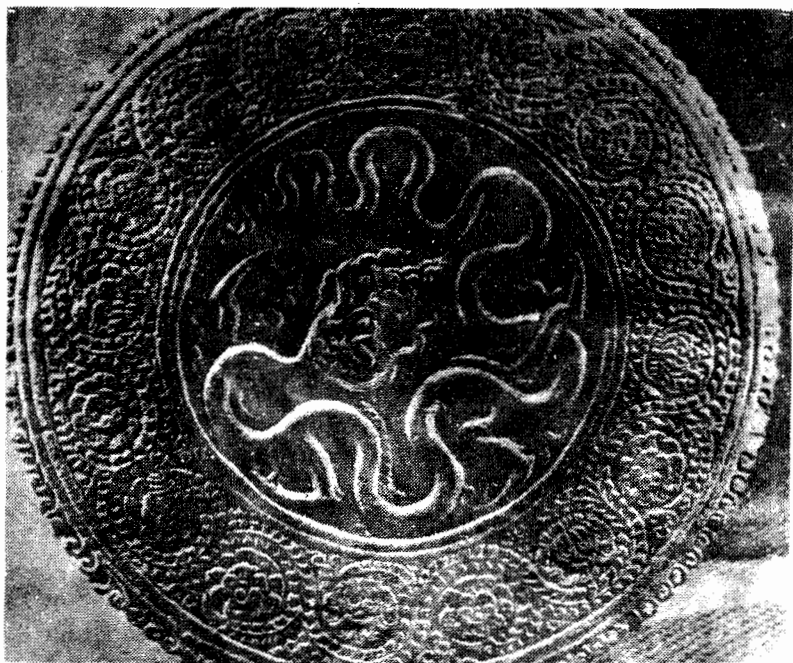
(Cảnh Dị) mắng chửi mãi không nghỉ miệng, (Trương) Phụ bèn đem giết rồi lấy gan ăn. Đế Quý Khoáng chạy sang Lão Qua (đất Lào ngày nay - ND), Nguyễn Súly chạy đến Minh Linh (Quảng Bình - ND) cũng đều bị quân Minh bắt".

Tháng tư năm Giáp Ngọ (1414), Trương Phụ giải Trùng Quang Đế, Đặng Dung và Nguyễn Súly về Trung Quốc. Cũng sách trên (tờ 41) đã chép lại việc áp giải vua tôi Trùng Quang Đế, kèm theo lời phê của các sử gia trong quốc sử quán triều Nguyễn như sau :

"Trương Phụ bắt được Hoàng đế Quý Khoáng cùng (các bề tôi là) (Đặng) Dung, (Nguyễn) Súly, bèn dẫn quân về Đông Quan (tức Hà Nội - ND) rồi sai người đưa vua tôi Quý Khoáng về Yên Kinh

(Trung Quốc – ND). Dọc đường, Hoàng đế Quý Khoáng nhảy xuống sông mà chết, (Đặng) Dung cũng nhảy theo, duy chỉ (Nguyễn) Sứ bị người lính canh bắt lại. Sứ bèn ngày ngày cùng người lính canh đánh cờ, dần dà làm thân, sau lấy bàn cờ đánh chết người lính canh, rồi cũng nhảy xuống sông mà chết.

Lời phê : Lúc đầu, đời Trần may mà gặp Thoát Hoan nhà Nguyên; lúc cuối, đời Trần không may mà gặp Trương Phụ nhà Minh ⁽¹⁾, sự được thua hưng suy vừa do ở trời vừa do ở người. Nhưng, vua tôi biết chết theo xã tắc, làm sáng tỏ đến ngàn đời".



Mặt đá chạm rỗng

(1) Câu này ý nói Thoát Hoan kém cỏi còn Trương Phụ thì có tài. Lời phê này chưa thật thỏa đáng, tuy nhiên tôn trọng nguyên bản chúng tôi xin dịch như vậy (ND).

Lời bàn : Trùng Quang Đế cùng Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Dị, Nguyễn Súy và nhiều bậc tướng tài giàu lòng trung nghĩa khác, đã sống một cuộc đời quả cảm, ngang dọc tung hoành, tỏ cho quân Minh biết thế nào là hào kiệt nước Nam.

Đến khi thế cùng lực kiệt, họ cam chịu nỗi đau của người bại trận và trút bỏ xác phàm để bước vào thế giới vĩnh cửu của sự tôn nghiêm mà hậu thế muôn đời trân trọng dành cho họ.

Ngọn đèn sắp tắt bao giờ cũng lóe sáng lên một lần cuối cùng. Nhà Trần như ngọn đèn cạn dầu tàn tắt từ cuối thế kỉ XIV, đến đây, hoạt động của Giản Định Đế và Trùng Quang Đế kể cũng như là lần lóe sáng cuối cùng vậy.

33 - CHUYỆN LỘ VĂN LUẬT

Lộ Văn Luật người huyện Thạch Thất, tỉnh Hà Tây. Ông sinh và mất năm nào không rõ, chỉ biết khi quân Minh xâm lược nước ta, ông đầu hàng và được quân Minh cho phò tá một tên tướng cao cấp của giặc là Lý Bân.

Tháng 7 năm Kỉ Hợi (1419), khi Lý Bân đi đàn áp ở Nghệ An, Lộ Văn Luật là tướng tiên phong. Song, do chỗ Lý Bân dùng mà không tin nên năm ấy, Lộ Văn Luật lo sợ và bỏ trốn. Lý Bân tức giận, cho bắt giết cả mẹ già lẫn anh em trong gia thuộc của Lộ Văn Luật. Có lẽ cũng vì mối hận này mà đến tháng 4 năm Canh Tí (1420), Lộ Văn Luật quay trở về quê nhà là vùng Thạch Thất, phát động nhân dân ở đây nổi dậy chống quân Minh. Lý Bân lập tức cho quân đến đàn áp. Nhân dân địa phương hoảng sợ, đem nhau chạy vào hang Phật Tích (tức hang Sài Sơn hay hang Núi Thầy) và hang An Sầm. Lý Bân sai lính dỡ nhà dân làm củi để hun lửa vào hang, giết chết dân trong cả hai hang nói trên. Lộ Văn Luật thoát ra được và chạy sang Ai Lao (đất Lào ngày nay), được Quốc vương Ai Lao dung dưỡng.

Bấy giờ, Lê Lợi đã khởi binh, ngoài chỗ dựa lợi hại là căn cứ Lam Sơn hiểm trở ở phía Tây Thanh Hóa, Lê Lợi còn được sự hỗ trợ đắc lực của Ai Lao. Quân Minh vì thế mà không thể đè bẹp được phong trào Lam Sơn.

Đến Ai Lao, lẽ ra Lộ Văn Luật phải nuôi mối thâm thù với quân Minh và tập hợp hào kiệt để chờ ngày rửa hận, song, ông đã làm ngược lại. Do có dịp gần gũi với Quốc vương Ai Lao, Lộ Văn Luật đã tìm cách li gián Quốc vương Ai Lao với Lê Lợi. Kết quả là vào tháng 11 năm Tân Sửu (1421), khi Lê Lợi vừa thắng quân Minh hai trận ở Kinh Lộng và Đèo Ống (Thanh Hóa), thì Quốc vương Ai Lao bất thành linh cho quân đánh úp Lê Lợi từ phía sau. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 10, tờ 8 a-b) mô tả trận này như sau :

"Vua (chỉ Lê Lợi - ND) ngầm phục kích ở Đèo Ống (tả ngạn sông Mã - Thanh Hóa - ND) để đợi giặc. Đến trưa thì quả nhiên (Trần) Trí đem quân theo đường núi mà đến. Quân mai phục hai bên (của Lê Lợi) xông ra đánh tan giặc. Quân (Trần) Trí phải rút lui. Nhưng, đúng lúc ấy, Ai Lao đem 3 vạn (có sách chép là 5 vạn - ND) quân và 100 thớt voi thành linh đến doanh trại của Vua, giả dạng cùng hợp sức với Vua để đánh giặc. Vua tin lời của họ nên không phòng bị gì. Đến nửa đêm thì (Vua) bị họ đánh úp. Vua phải đích thân đốc chiến, đánh suốt từ giờ tí đến giờ mao (tức là từ 23 giờ đêm hôm trước đến 7 giờ sáng hôm sau - ND) mới phá tan được quân Ai Lao, chém hơn một vạn thủ cấp, bắt được 14 thớt voi và (lại còn) thừa thắng, truy kích bốn ngày đêm liền, đuổi (quân Ai Lao) đến tận sào huyệt của chúng rồi mới về".

Cũng sách trên (tờ 9-a) viết tiếp :

"Trước đây, Vua vốn thân thiện với Ai Lao, chưa từng có sự hiềm khích gì. Hồi Vua còn cầm cự với giặc ở Lư Sơn (Thanh Hóa - ND), Ai Lao từng cho quân đến giúp sức. Nay vì tên ngụy quan là Lộ Văn Luật trốn giặc chạy sang Ai Lao, sợ uy danh của Vua, bèn theo dật gây sự xích mích, nên mới ra nông nỗi này".

Lời bàn : Giặc vừa đến đã đầu hàng rồi làm tay sai cho chúng, lỗi ấy thật không nhỏ, nhưng đầu sao thì Lộ Văn Luật cũng đã tự nhận ra tâm địa của quân Minh nên đã bỏ trốn. Nếu tất cả chỉ dừng ở đó, hậu thế vẫn có thể rộng lượng mà bỏ qua cho ông.

Cầm đầu cuộc nổi dậy ở Thạch Thất, việc lớn tuy không thành nhưng đầu sao thì Lộ Văn Luật cũng đã tỏ ra là có chút chí khí.

Tiểu thay, chút nghĩa khí quật cường trong ông quá ít ỏi. Từ khi chạy sang Ai Lao, Lộ Văn Luật là một con người hoàn toàn khác. Tầm nhìn thiên lậu, tâm địa nhỏ nhen, chẳng còn biết đâu là anh hùng, đâu là phản bội... thực chất con người của Lộ Văn Luật là đấy. chẳng !

34 - CHUYỆN LÊ NGÃ VÀ TRẦN THIÊN LẠI

Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 10, tờ 5-b) viết : "Người làng Chàng Kênh, huyện Thủy Đường (nay thuộc huyện Thủy Nguyên, Hải Phòng - ND) là Lê Ngã, đổi cả họ lẫn tên thành Dương Cung, tự xưng là Thiên Thượng Hoàng đế, đặt niên hiệu là Vĩnh Thiên. (Lê) Ngã vốn là gia nô của Trần Thiên Lại, tướng mạo rất đẹp, từng đi khắp tứ xứ, tới đâu cũng được mọi người chu cấp".

Chuyện đi khắp tứ xứ của Lê Ngã, thực ra chỉ là chuyện đi lo tập hợp lực lượng để nổi dậy chống quân Minh, làm việc đại nghĩa mà lúc ấy không phải ai cũng dám làm. Cũng sách trên (tờ 6-a) cho biết :

"Ngã nói với những người quen biết rằng :

- Các người có muốn giàu sang không ? Ai muốn thì hãy theo ta.

Khi đến huyện Đơn Ba, Lạng Sơn (nay là huyện Đình Lập, tỉnh Lạng Sơn - ND), Ngã mạo nhận là cháu bốn đời của Trần Duệ Tông (người làm vua từ năm 1372 đến năm 1377 - ND), từ nước Lão Qua trở về. Phụ đạo Đơn Ba (người đứng đầu huyện Đơn Ba - ND) là Bế Thuấn đem con gái gả cho và lập làm vua, chẳng bao lâu (Lê Ngã) đã có đến vài vạn quân".

Khoảng giữa năm Canh Tí (1420), các cuộc nổi dậy của Công Chứng, Phạm Ngọc, Phạm Thiện v.v... lần lượt bị thất bại, tàn quân của họ đều theo về với Lê Ngã, thành ra lực lượng của Lê Ngã lên tới mấy vạn người.

Quân Minh đang bối rối vì phải lo đối phó với nhiều cuộc khởi nghĩa, trong đó có Lê Ngã, thì bỗng dưng chúng có được một lực lượng đồng minh tình nguyện giúp sức đánh Lê Ngã. Thủ lĩnh của lực lượng đồng minh này là Trần Thiên Lại, một quý tộc cũ của họ Trần trước đó đã hèn nhát đầu hàng quân Minh. Trần Thiên Lại vào tận bản doanh của Lê Ngã và xác nhận Lê Ngã chính là một trong những gia nô cũ của hắn. Thiên Lại tuyên bố :

- Hắn là gia nô cũ của ta, việc gì ta phải sợ mà lay nó !

Thiên Lại về rồi, Lê Ngã xét thấy không nên dung tha tên phản quốc nguy hiểm này, bèn cho quân đuổi theo nhưng không kịp. Sau đó, cũng sách trên (tờ 6-b) cho biết :

"Thiên Lại gửi hịch cho các huyện gần đó, tự xưng là Hưng Vạn Quốc thượng hầu, đem quân đi đánh nhau với Lê Ngã, bị Ngã giết chết. Lý Bân (lúc ấy mới) đem quân thủy bộ đến đánh. (Lê) Ngã và (Bé) Thuấn đang đêm bỏ trốn cả, không biết là đi đâu".

Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 13, tờ 11) còn ghi thêm một chi tiết thật thảm hại cho Trần Thiên Lại như sau :

"Lý Bân nhà Minh nói :

- Thiên Lại và Lê Ngã cũng chỉ như hai con thú mà thôi. (Bởi vậy) chờ cho (Lê Ngã) thắng rồi, Lý Bân mới xuất quân ra đánh".

Thế là rõ ! Trần Thiên Lại tình nguyện đánh Lê Ngã, nhưng, với tướng giặc là Lý Bân thì Trần Thiên Lại chẳng qua cũng chỉ là đồ thí bỏ, sống chết chẳng có gì đáng bàn.

Lời bàn : Đầu hàng quân Minh là một lần phạm tội. Tình nguyện đem quân đi đánh nghĩa binh Lê Ngã là thêm một lần phạm tội nữa. Trần Thiên Lại bị giết bởi lưỡi gươm của Lê Ngã là phải lắm.

Trần Thiên Lại khinh Lê Ngã, cho Lê Ngã chỉ là gia nô của hắn xưa kia nên không lay, lại còn cất quân đi đánh, có biết đâu chính Trần Thiên Lại mới thực là gia nô, mà lại là gia nô của quân cướp nước tàn bạo. Nhục thay !

Thế mới biết ở đời, vẫn có kẻ chẳng biết đâu là vinh, đâu là nhục, mà như thế thì còn đáng gọi là người được nữa chăng ?

35 - NỖI OAN KHUẤT CỦA PHẠM LUẬN

Cuối năm Canh Tí (1420), Lý Bân đập tan được cuộc khởi nghĩa Lê Ngã. Lê Ngã cùng Bé Thuấn trốn thoát được nhưng rồi sau đó họ đi đâu không ai rõ. Trong lúc đó, nhiều cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ khác vẫn tiếp diễn ở nhiều địa phương khiến vua Minh lo lắng hạ chiếu buộc bọn quan lại đô hộ ở nước ta phải bắt cho bằng được vị thủ lĩnh kiệt hiệt là Lê Ngã. Chiếu lệnh quá gắt gao, bọn quan lại đô hộ sợ bị phạt tội nên tính kế tìm kẻ thế mạng cho Lê Ngã. Người chẳng may chịu tai vạ khủng khiếp này là Phạm Luận và gia thuộc của ông. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 10, tờ 7-b) chép rằng :

"Tổng binh Lý Bân và Nội quan Lý Lượng của nhà Minh bắt Phạm Luận là sinh viên người huyện Giáp Sơn (thuộc Hải Dương) và buộc Luận phải nhận mình là Dương Cung (tức Lê Ngã, vì Lê Ngã đã tự đổi họ tên thành Dương Cung - ND) cốt để làm cho qua chuyện thi hành chiếu lệnh lùng bắt (Dương Cung). (Chúng) còn bắt cả gia thuộc (của Phạm Luận) là bọn Phạm Xã rồi giải về Yên Kinh.

(Cố viên) Tri huyện tên là Đặc Khiêm nhận thực rằng đó không phải là tên (Dương) Cung. (Lý) Bân không nghe. Khiêm lấy bao vàng (bao đựng tấu thư gửi về triều - ND) dâng đại cáo, tâu thẳng về Yên Kinh. (Lý) Bân sai người chặn đường bắt về. Hoàng Phúc khuyên Khiêm rằng :

- Mọi người đều cho là đúng, chỉ mình ông bảo không đúng là làm sao ?

Khiêm nói :

- Ai ra ngoài mà chẳng phải qua cửa ngõ (ý muốn nói tất cả mọi người đều cùng phe đảng của Hoàng Phúc - ND).

(Lý) Bân bèn cho giải cả (Đặc) Khiêm lẫn (Phạm) Luận về Yên Kinh, giao cho pháp ti xét hỏi. Khiêm xuyết nữa bị hành tội,

may có người anh đánh trống dăng vắn (đánh vào cái trống ở triều đình kêu oan để được cứu xét – ND) kêu oan nên được miễn tội. Sau, (Đặc Khiêm) được thăng đến chức Hữu bố chính ở nước ta, còn gia thuộc Phạm Luận cuối cùng bị chết trong ngục".

Lời bàn : Sách *Lễ kí* của Trung Quốc có chép chuyện *Hà chính mãnh ư hổ* (chính sự hà khắc còn đáng sợ hơn cả cọp). Cứ ngỡ đó chỉ là chuyện riêng của Trung Quốc thời ông Khổng Tử, dè dặt lại có ở nước ta vào thời thuộc Minh. Nỗi oan khuất của Phạm Luận dẫn đến ngàn đời cũng chưa tan nổi.

Đặc Khiêm được miễn tội, hẳn nhiên là có chút nhờ cậy ở tiếng trống dăng vắn, nhưng lí do miễn tội chính yếu, chẳng qua chỉ vì Đặc Khiêm là người Trung Quốc, chẳng gì cũng là đồng hương của quân xâm lăng. Còn như Phạm Luận, dẫu có cả đến trăm người cùng đánh trống dăng vắn thì rơi đầu vẫn cứ là bị rơi đầu vì lưỡi gươm oan nghiệt. Lí do chính yếu chẳng qua chỉ vì Phạm Luận là người nước ta, là đồng hương của Dương Cung (tức Lê Ngã).

Bọn Lý Bân, Lý Lượng và Hoàng Phúc, trên thì sợ triều đình, nhưng dưới thì lại ra mặt tác oai tác phúc với dân. Thế mới biết là ở đời, đáng sợ nhất xưa nay vẫn là lũ đội trên đạp dưới. Ngẫm mà xem !

36 - CHUYỆN NGƯỜI ĐÀN BÀ Ở TRANG PHAO

Khi chép những sự kiện xảy ra vào năm Bính Ngọ (1426), sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 10, tờ 19 a-b) đã dành một đoạn khá dài để nói về người đàn bà ở trang Phao, huyện Đáy Giang (nay thuộc Hà Tây). Chuyện đại lược như sau :

"Mùa hạ, tháng sáu, có người đàn bà nghèo khổ ở trang Phao, huyện Đáy Giang bị mắc bệnh hủi, lại bị chồng ruồng bỏ (nên phải lang thang đó đây). Bỗng một hôm, mẹ gặp một cụ già ở dọc đường đi. (Cụ già) cho mẹ một hòn đá to bằng quả trứng gà, bảo cứ lấy mà mài rồi đem nước mài ấy bôi vào chỗ loét thì khỏi ngay. Mẹ làm theo như vậy thì quả nhiên khỏi bệnh. Xa gần nghe tin, nhiều người đem tiền, lụa đến xin chữa bệnh. Mẹ ứng tiếp không

xuế, mà cũng chỉ lấy hòn đá mài nước đem cho, gọi là nước bỏ tất. Người ta hỏi nhau, tìm đường đến xin cho được nước đó để về chữa. Việc ấy bị (quân Minh) phát giác, cả người và đá đều bị bắt đưa về giam ở Tam ti. Không bao lâu quan quân (của Lê Lợi) tới, người đàn bà ấy mới được đưa về. Kể có học cho rằng, đó là điềm Lê Thái Tổ lấy được nước".

Lời bàn : Đã nghèo hèn lại mắc bệnh hủi, đó là một lần đại rủi ro. Đã mắc bệnh hủi lại còn bị chống ruộng bỏ, đó là thêm một lần đại rủi ro nữa. Phận đàn bà mà mắc phải hai lần đại rủi ro ấy thì lẽ thường là cả thể xác lẫn tâm hồn đều tan nát, có sống cũng chỉ là sống thừa.

Song, tất cả những người bị bệnh hủi chẳng ai tình cờ có được hòn đá huyền diệu như người đàn bà trang Phao. Nhờ nó mà bà tự chữa được căn bệnh thuộc hàng tử chứng nan y, thế là một lần được hưởng đại phước đức. Lại cũng nhờ hòn đá huyền diệu ấy mà người đàn bà trang Phao chưa từng một ngày học kẻ đơn bocc thuốc, bỗng dưng có tiếng tăm lừng lẫy như một bậc đại danh y, khiến cho thiên hạ phải chen nhau tìm đến, thế cũng có thể nói là bà được thêm một lần hưởng đại phước đức nữa.

Hai lần mắc đại rủi ro, hai lần được hưởng đại phước đức, bù qua đắp lại, kể như huế. Song, đất nước điêu linh, kẻ thù dân hèn mọn mà được dân lành tín phục, quân Minh đô hộ tất phải hoảng sợ mà coi đó là mối lo hàng đầu. Chúng bắt người đàn bà trang Phao là cốt để ngừa cái rủi cho chúng vậy. Bấy giờ, hễ cái gì có lợi cho quân Minh thì tất phải có hại cho nhân dân ta. Đội quân "điều dân khử bạo" của Lam Sơn đến, trong sự quyết chí cứu nguy cho thiên hạ, có cả sự cứu nguy riêng cho người đàn bà ở trang Phao. Kể có học thuở xưa nói rằng đó là điềm Lê Thái Tổ lấy được nước, chẳng qua chỉ cốt cổ vũ cho thuyết "bĩ cực thái lai" đó thôi.

Ở đời, chẳng có ai suốt đời chỉ gặp may, cũng chẳng có ai suốt đời chỉ gặp rủi, khác nhau chỉ là may nhiều hay rủi nhiều và dạng thức cụ thể của sự may rủi mà thôi. Trong tất cả những sự rủi ro, thì cái đáng sợ nhất chính là không bình tâm tìm ra lối thoát một cách sáng suốt.



Bia đá ở Chùa Côn Sơn (Hải Dương)

LỜI CHÚ CUỐI SÁCH

Để bạn đọc đỡ mất công tra cứu, chúng tôi cố gắng viết thêm lời chú ở cuối sách này. Với lời chú cuối sách, chúng tôi giải nghĩa một số khái niệm cũ, nhất là các khái niệm về thể thứ hoàng tộc và hệ thống học vị, quan chức... Xin được lưu ý bạn đọc ba điểm sau đây :

-- Tất cả lời chú đều được sắp theo thứ tự chữ cái của tiếng Việt. Sau mỗi khái niệm là số thứ tự của giai thoại, được đặt trong dấu ngoặc đơn.

-- Lời chú của sách này chỉ có giá trị trong sách này mà thôi. Sở dĩ nói như vậy là vì mỗi thời có những quy định khác nhau, trường hợp giống nhau thường không nhiều.

-- Riêng bài văn Nôm của Trùng Quang Đế viết để tế Nguyễn Biểu (in ở giai thoại số 30), chúng tôi chú thích ở cuối cùng, không sắp theo thứ tự chữ cái tiếng Việt.

AN PHỦ SỬ (14) : Chức quan đứng đầu một phủ. Chức này đầu thời Trần rất lớn, nhưng sang thời Hồ và thời thuộc Minh, tuy cũng thuộc hàng quan lại cao cấp của triều đình, nhưng không lớn như thời Trần nữa.

BÌ CỤC THÁI LAI (36) : Vận bì cùng cực thì vận thái đến, Quan niệm này có nguồn gốc từ *Kinh Dịch*. Trong *Kinh Dịch* có quẻ *bĩ*, tượng trưng cho sự bế tắc và quẻ *thái* tượng trưng cho sự hanh thông. Bế tắc đến cùng cực thì hanh thông lại đến. Suy rộng ra, hết rủi là đến may, hết xấu là đến tốt... sự thể chuyển vận không ngừng.

CA LỐI LỘC MINH (30) : chữ lấy trong *Kinh Thi* (Trung Quốc), tả việc vua đãi yến các sứ giả. Đây ý nói ngon như bữa yến tiệc của vua ban cũng thật khó mà sánh.

CÁC HA (29) : Nguyên nghĩa là kẻ ở dưới gác. Quan chức trong triều đều được gọi là *các hạ*. Vì lẽ này, *các hạ* cũng là tiếng tôn xưng người quan chức.

CỔ LÂU (19) : Tên đất. Nguyên đất này thuộc lãnh thổ của ta. Tháng 2 năm Ất Dậu , nhà Hồ sai Hoàng Hối Khanh làm *Cát địa sứ* (người lo việc cắt đất). Hoàng Hối Khanh đã cắt đất này cho nhà Minh. Trên bản đồ hiện nay, đất Cổ Lâu xưa, giờ là đất hai huyện, vùng Diên Nam của tỉnh Quảng Tây (Trung Quốc).

CÔNG CHÚA NGUYỆT ĐÍCH (*Lời dẫn chuyện*) : Chưa rõ là Công chúa con của vua nhà Lý nào. Các bản đều chép : "Có người lấy Công chúa Nguyệt Đích, sinh ra Công chúa Nguyệt Đoan". Đoạn văn ngắn này rất khó hiểu, vì người lấy Công chúa là Phò mã thì con của họ không thể được phong là Công chúa. Chúng tôi chỉ xin dịch đúng nguyên văn, chờ khảo cứu sau.

CÔNG CHÚA NGUYỆT ĐOAN (*Lời dẫn chuyện*) : Xin xem Công chúa Nguyệt Đích đã chú ở trên.

CÔNG SƠN (7) : Tích lấy trong thiên *Dương hóa* của sách *Luận ngữ*, theo đó thì Công Sơn tức Công Sơn Phát Nhiêu, nguyên là quan tể (chức đứng đầu) của họ Quý, nhưng rồi khi giữ đất Phí, Công Sơn Phát Nhiêu đã làm phản.

CỰ TỘC (*Lời dẫn chuyện*) : Dòng họ có thế lực lớn.

CHÁNH SỨ (28) : Đây không phải là chức tước của người đứng đầu một phái bộ sứ giả, mà là chức nhà Minh ban cho Hồ Hán Thương. Năm 1405, vua Minh đã ban chức này cho Hồ Hán Thương. Bản thân chức vị này cũng đã đủ để tỏ rõ rằng, nhà Minh đang ráo riết chuẩn bị xâm lược nước ta, coi nước ta chỉ là một bộ phận lãnh thổ của Trung Quốc.

CHI HẬU TỬ CỤC CHÁNH CHUÔNG (*Lời dẫn chuyện*) : Tên quan chức. Thời Trần, chức này rất lớn, thường chỉ do các bậc thân vương nắm giữ. Đến cuối thời Trần, chức này có thể giao cho người ngoại tộc và vị trí không còn lớn như trước nữa. Về thứ bậc, chức Chi hậu tử cục chánh chuông đứng sau các quan làm việc trong Khu mật viện, là cơ quan được quyền bàn đến những vấn đề quan trọng của triều đình.

CHỈ HUY HẬU NỘI NHÂN (2) : Chức quan trông coi các vị hoạn quan ở trong triều. Chức này thường kiêm luôn chức Trung sứ (lo việc truyền đạt và kiểm soát việc thực hiện mệnh vua).

CHÍNH HÌNH VIỆN (19) : Chức quan lo việc xét xử và án kiện của triều đình. Những quan nào có hàm Đại phu trở lên đều có thể được trao chức này. Đây chỉ chức của Hoàng Hối Khanh.

CHỨC HÀNH QUÂN (20) : Chức việc đặc biệt trao cho sứ giả. Đây chỉ Lý Kỳ là sứ giả của nhà Minh sang nước ta vào năm 1404. Việc đặc biệt mà Lý Kỳ thực hiện là bắt nhà Hồ phải cắt đất 59 thôn dâng cho nhà Minh. Việc này được tiến hành vào năm 1405.

ĐẠI PHU (19) : Hàm của quan lại. Hàm này chỉ được ban cho quan lớn trong triều. Quan được ban hàm này có thể được tham gia bàn luận những việc quan trọng của nhà nước.

ĐẠI TRI CHÂU (25) : Chức quan đứng đầu một châu lớn. Đây chỉ Đặng Tất là người giữ chức Đại tri châu ở Hóa Châu (vùng Hà Tĩnh, Quảng Bình, Quảng Trị và Thừa Thiên ngày nay).

ĐẦU NGŨ (5) : Là chức võ quan cấp thấp (mỗi ngũ có 10 người, người chỉ huy gọi là Đầu ngũ).

ĐỒNG TRI KHU MẬT VIỆN, THAM MƯU QUÂN SỰ (25) : Chức quan lớn thứ hai trong cơ quan Khu mật viện, kiêm giữ chức Tham mưu quân sự. Đây chỉ chức tước của Nguyễn Cảnh Chân là một trong những vị tướng xuất sắc nhất của Giản Định Đế Trần Ngỗi trong cuộc khởi nghĩa chống quân Minh xâm lược.

GIA HÀO (30) : Thức ăn ngon, đồ nhắm, rượu hảo hạng.

GIAO CHỈ BỐ CHÁNH SỨ (28) : Quan giữ chức Bố chánh (là chức đứng đầu) ở đất Giao Chỉ. Giao Chỉ ở đây là tên lãnh thổ nước ta. Nhà Minh không thừa nhận nước ta là một nước độc lập, có chủ quyền, mà chỉ coi nước ta là một bộ phận lãnh thổ của Trung Quốc. Từ cách nhìn đó, vua Minh đã ban cho vua nhà Hồ là Hồ Hán Thương chức Giao Chỉ Bố chánh sứ.

GƯƠM LONG TUYẾN (26) : Tên một thanh gươm quý. Tương truyền, có người Trung Quốc tên là Lôi Hoán đã tìm được trong nhà ngục ở Phong Thành một cái hòm. Trong hòm có hai thanh gươm, một thanh gươm tên Long Tuyền và một thanh gươm tên là Thái An. Văn học cổ thường gọi gươm quý là gươm Long Tuyền, tuy nhiên, gươm quý không phải chỉ là gươm tốt mà còn là gươm dùng vào việc đại nghĩa.

HẢI TÂY ĐÔ THỐNG CHẾ (*Lời dẫn chuyện*) : Người cầm đầu lực lượng quân sự ở Hải Tây. Hải Tây là tên đất. Từ thời Lê Thái Tổ, Hải Tây là đạo. Đạo này gồm vùng đất từ Thanh Hóa trở vào. Trước thời Lê Thái Tổ, đạo Hải Tây chưa lập. Chúng tôi ngỡ rằng, đây là tên gọi dùng để chỉ chung miền duyên hải Đông Bắc nước ta.

HÁN CAO TỔ THẤY ĐẦU HẠNG VŨ (5) : Hán Cao Tổ tức Lưu Bang, người lập ra nhà Tây Hán (hay Tiền Hán) của Trung Quốc. Hạng Vũ tức Hạng Tịch, một danh tướng của Trung Quốc, xưng là Tây Sở Bình Vương. Thuở nhỏ, Hạng Vũ được chú là Hạng Lương dạy cho biết binh pháp. Sau chín trận đánh thắng quân Tần, uy danh của Hạng Vũ trở nên lừng lẫy.

Bấy giờ, Lưu Bang liên minh với Hàn Tín và Bành Việt đánh Hạng Vũ, giành quyền thống trị toàn thiên hạ. Hạng Vũ thua ở trận Cai Hạ, phải nhờ một người giữ chức Đình trưởng đưa qua sông Ô Giang để trốn về Giang Đông. Nhưng rồi vì quá hổ thẹn bởi sự bại trận, Hạng Vũ tự đâm cổ mà chết, không thêm qua Giang Đông nữa.

Là hai kẻ quyết không đội trời chung, nhưng trong thâm tâm, Hán Cao Tổ vẫn luôn bày tỏ sự kính phục tài cầm quân của Hạng Vũ. Đây nhà Trần coi Chế Bồng Nga cũng như Hạng Vũ, tự ví mình là Hán Cao Tổ.

HÀO KIỆT TRUNG CHÂU (25) : Hào kiệt nghĩa là kẻ tài trí hơn người. Theo sách *Hoài Nam Tử* thì tài trí hơn vạn người gọi là *anh*, tài trí hơn ngàn người thì gọi là *tuấn*, tài trí hơn trăm người thì gọi là *hào*, tài trí hơn mười người thì gọi là *kiệt*. Còn trung châu là từ chỉ chung vùng đất trung tâm Đại Việt, tức vùng đồng bằng Bắc Bộ nước ta ngày nay.

HỮU BỐ CHÍNH (35) : Một trong hai chức đứng đầu cơ quan hành chính ở nước ta. Nhà Minh coi nước ta là một bộ phận lãnh thổ của họ và đặt chức Bố chính để trông coi. Khi còn nhà Hồ, chức này được phong cho vua Hồ Hán Thương, và chỉ có một mình Hồ Hán Thương giữ chức này. Sau, nhà Minh thiết lập hai bộ máy cai trị ở nước ta : Bộ máy quân sự và bộ máy dân sự. Cao nhất trong bộ máy dân sự là hai chức Tả và Hữu bố chính. Thời thuộc Minh, chức này chỉ trao cho người Trung Quốc mà thôi.

KIỆT HIỆT (35) : Hùng mạnh và thông tuệ hơn cả.

KÌ LÃO (29) : Người già cả.

KHÂM ĐỨC HUNG LIỆT ĐẠI VƯƠNG (10) : Tước Đại vương, hiệu là Khâm Đức Hưng Liệt. Theo quan chế xưa, trong cùng một hàm tước, tên hiệu nào càng dài thì vị trí càng thấp hơn. Đây là tước Đại vương hiệu bốn chữ, thuộc loại không dài cũng không ngắn.

KHU MẬT CHỦ SỰ (9) : Chức quan làm công việc đại để như Chánh văn phòng của Khu mật viện. Chức này dưới quyền của quan Khu mật viện chánh sử, Khu mật viện phó sử và các quan khác trong Khu mật viện như Tri viện sự, Đồng tri và Thiên tri viện sự.

KHU MẬT VIỆN ĐẠI SỬ (*Lời dẫn chuyện*) : Cũng tương tự như chức Khu mật viện chánh sử, tức là chức đứng đầu cơ quan Khu mật viện. Cơ quan này được quyền bàn thảo công việc của triều đình.

LẠI BỘ THƯỢNG THƯ (9) : Chức quan đứng đầu bộ Lại là bộ trông coi về tổ chức của các cơ quan nhà nước. Triều đình xưa thường có sáu bộ (bộ Lại, bộ Hộ, bộ Lễ, bộ Binh, bộ Hình và bộ Công), trong đó, bộ Lại thường là một trong những bộ lớn nhất, quan Thượng thư bộ Lại có quyền uy hơn hẳn quan Thượng thư bộ Công.

LẶC THUẬN HẦU (12) : Người có tước Hầu, hiệu hai chữ (là Lặc Thuận).

LONG TIẾP (5) : Tên đơn vị quân đội.

LÝ TỬ TẤN (26) : Người làng Triều Liệt, huyện Thượng Phúc (nay thuộc huyện Thường Tín, ngoại ô Hà Nội), không rõ sinh và mất năm nào. Lý Tử Tấn đậu Thái học sinh (tức Tiến sĩ) năm 1400 (cùng khoa với Nguyễn Trãi) nhưng không ra làm quan cho nhà Hồ. Thời Lê, Lý Tử Tấn ra làm quan, từng được vua Lê Nhân Tông trao chức Hàn lâm Học sĩ. Ông là nhà yêu nước, cũng là một trong những tác gia nổi tiếng của nước ta thời Lê. Tác phẩm của ông để lại, ngoài bộ tập chú cho sách *Ức Trai du địa chí* của Nguyễn Trãi, còn có *Chuyết Am thi tập* và 5 bài phú nổi tiếng : *Chí Linh sơn phú*, *Hạ Hiến Thiên Thánh tiết phú*, *Xương Giang phú*, *Dưỡng Chuyết phú*, *Du tiên đô phú*, tất cả đều được chép trong *Hoàng Việt văn tuyển*.

MẶT NHÌN HƯỚNG TÂY (7) : Nho gia tôn Khổng Tử làm Thánh tổ, nhưng Hồ Quý Ly chỉ cho Khổng Tử là Tiên sư, cho Chu Công mới xứng là Tiên thánh. Vì cách lập luận này, Hồ Quý Ly xin đặt tượng của Chu Công ở giữa, mặt nhìn về hướng Nam là hướng tượng trưng cho ngôi vị của Thiên tử. Vị trí này, hướng nhìn này, nguyên trước ở Văn Miếu chỉ dành cho Khổng Tử mà thôi. Cũng vì coi Khổng Tử chỉ là Tiên sư chứ không phải Tiên thánh nên Hồ Quý Ly xin đặt tượng Khổng Tử bên cạnh mặt nhìn về hướng Tây. Vị trí này, hướng nhìn này là của người thuộc hàng Tôn sư, tức là thấp hơn Tôn thánh.

MỘT LŨ (31) : Tên một đơn vị quân đội. Theo binh chế nước ta thời Đinh thì *lũ* là đơn vị mà trên lí thuyết có đến 10.000 quân. Tuy nhiên, chưa bao giờ các *lũ* gồm đủ đến 10.000 quân cả, thậm chí là còn xa mới đạt đến tổng số này.

Thời Tiền Lê, thời Lý rồi thời Trần và thời Hồ, binh chế luôn luôn thay đổi, cả về tên gọi đơn vị, tổ chức chỉ huy lẫn con số cụ thể. Ở đây, *lũ* là đơn vị ước lệ, ý nói quân đội không bao nhiêu.

NỘI TẮM HỌC SINH (11) : Kẻ hầu phòng ngủ cho vua chưa có chức ngạch gì. Chức này thường dùng cho hoạn quan mới tuyển.

NINH VỆ (6) : Là tên đơn vị quân đội.

NƯỚC TRẦN (7) : Tên một nước chư hầu thời Xuân Thu ở Trung Quốc.

NHIỆP THÁI PHÓ (*Lời dẫn chuyện*) : *Thái phó* là một trong *Tam Thái*, gồm : Thái sư, Thái phó và Thái bảo. Trong hàng quan lại, *Tam Thái* là lớn hơn cả.

Nhiếp thái phó là chức của Hồ Quý Ly năm 1399. Chức ấy có nghĩa là Hồ Quý Ly nắm quyền nhiếp chính, hàm Thái phó.

NGỌC THIÊN TRẦN TU (30) : Món ăn vừa quý vừa ngon. Lời chỉ các món ăn vương giả.

NGUYÊN NHUNG (*Lời dẫn chuyện*) : Chức đứng đầu một đơn vị quân đội lớn dưới thời Trần. Đây chỉ chức của Hồ Quý Ly năm 1380, khi ông làm Hải Tây Đô thống chế.

PHẬT HẮT (7) : Quan tể của ấp Trung Mâu, xuất thân là gia thần của quan Đại phu Triệu Giám Tử (người nước Tấn, Trung Quốc thời Xuân Thu).

PHỤ CHÍNH THÁI SƯ NHIỆP CHÍNH, KHÂM ĐỨC HUNG LIỆT ĐẠI VƯƠNG, QUỐC TỔ CHƯƠNG HOÀNG (*Lời dẫn chuyện*) : Quan thay vua nắm quyền nhiếp chính, tước Đại vương, hiệu là Khâm Đức Hưng Liệt, lại cũng là ông của vua. Đây chỉ Hồ Quý Ly, vì Hồ Quý Ly là ông ngoại của Trần Thiếu Đế nên xưng là Quốc tổ chương hoàng.

PHƯƠNG THUẬT (15) : Phép thuật thần tiên. Đây chỉ phép của đạo sĩ và thầy pháp.

QUAN PHỤC HẦU (12) : Tước hầu, hiệu là Quan Phục.

QUAN SÁT SÚ (12) : Chức quan nhỏ thời Trần, chưa rõ làm việc cụ thể gì.

QUAN TUYỂN ÚY (*Lời dẫn chuyện*) : Chức quan tương đương với chức Tri huyện sau này.

QUÂN THÁNH DỤC (4) : Tên một trong những đơn vị quân đội chủ lực của triều đình, do triều đình trực tiếp quản lí và tổ chức chỉ huy.

Thời Trần trở về trước, quân đội thường gồm 4 bộ phận. Bộ phận thứ nhất do triều đình trực tiếp quản lí, kể cũng như quân chủ lực ngày nay. Lính của bộ phận này thường được gọi là Thiên tử quân hay Cẩm vệ quân. Bộ phận thứ hai do các địa phương quản lí, thường gọi là Quân các lộ (lộ là đơn vị hành chánh địa phương), kể cũng tương tự như quân địa phương của ta ngày nay. Bộ phận thứ ba là lực lượng bán vũ trang do nhân dân các làng xã tự tổ chức, kể cũng như dân quân du kích của ta ngày nay. Ngoài ra, còn có một bộ phận nữa, đó là quân đội tư nhân của các bậc vương hầu. Tuy là quân đội tư nhân, do tư nhân trực tiếp quản lí và chỉ huy, nhưng khi cần, nhà nước vẫn có thể huy động.

Như vậy, quân Thánh Dục là quân thuộc bộ phận thứ nhất. Nhà Hồ tiến hành nhiều cải cách quân đội, nhưng về mặt này, chính sách của nhà Hồ không có gì khác trước lắm.

QUỐC CÔNG (25) : Tên tước vị. Xưa, tước vị gồm : Vương, Công, Hầu, Bá, Tử và Nam. Tước Vương thường chỉ ban cho người trong hoàng tộc, rất ít khi ban cho người ngoài hoàng tộc, cho nên, nói là sáu bậc, song trong thực tế chỉ có năm bậc mà thôi.

Trong mỗi tước vị, lại còn phải chia làm nhiều bậc, như tước Công thì có Quốc công, Quận công, hay tước Hầu thì có Quận hầu, Huyện hầu v.v... Trong mỗi bậc, khoảng cách hơn kém còn phụ thuộc ở số chữ trong tên hiệu. Số chữ càng nhiều, tước càng thấp.

Đây chỉ tước của Đặng Tất. Theo chữ mà suy thì Đặng Tất được phong tới bậc cao nhất của tước công.

QUỐC TỬ TRỢ GIÁO (7) : Chức quan ở Quốc Tử Giám, thuộc quyền cai quản của các quan như Tri giám, Tế tửu, Tư nghiệp... chuyên lo giúp việc giảng tập tại cơ quan giáo dục này của triều đình.

SINH VIÊN (35) : Học trò lớn tuổi đã học khá cao. Xưa, học trò mới nhập trường cho đến khoảng 14 hay 15 tuổi thì gọi là *tiểu tử*, từ 14 hay 15 tuổi trở lên, được học Tứ Thư, Ngũ Kinh và Bắc Sứ... thì gọi là *đại nhân*. Một số người trong hàng đại nhân được gọi là sinh viên.

SỐ PHỤNG ĐẠO (10) : Sổ ghi tên những người tình nguyện theo đạo. Ở đây, đạo là đạo giáo.

TÁC OAI TÁC PHÚC (35) : Làm oai làm phúc, chỉ việc hay dùng quyền uy để dọa nạt thiên hạ.

TIÊM LA (32) : Tên nước, cũng đọc là Xiêm La (tức Thái Lan ngày nay).

TIÊN SƯ (7) : Người khởi xướng ra một học thuyết hay người có công tạo ra một nghề mới đều gọi là Tiên sư. Xưa, học trò gọi người thầy của mình đã mất cũng là Tiên sư. Đây chỉ Khổng Tử. Nho gia tôn Khổng Tử là Tiên thánh hay Thánh tổ, nhưng Hồ Quý Ly chỉ cho Khổng Tử là Tiên sư mà thôi.

TIÊN THÁNH (7) : Vị thánh đầu tiên và cao nhất. Đây theo Hồ Quý Ly thì Tiên thánh là Chu Công Đán chứ không phải là Khổng Tử.

TIẾN PHONG ĐỒNG BÌNH CHƯƠNG SỰ (*Lời dẫn chuyện*) : Được tiến phong làm Đồng bình chương sự. Đồng bình chương sự là chức rất lớn, chỉ ở sau quan Phụ chính mà thôi. Người giữ chức này thường được tự ý quyết đoán các việc, sau mới tâu vua.

TIỂU TƯ KHÔNG (*Lời dẫn chuyện*) : Từ thời Trần, quan chế có thêm *Tam tư* là Tư đồ, Tư mã, Tư không, trong mỗi Tư lại có Đại và Tiểu tư. Như vậy, Tiểu tư không là người ở hàng thứ hai của Tư không. Chức này về sau tương đương với Thượng thư bộ Công (bộ nhỏ nhất trong số 6 bộ của triều đình).

TÔN THẤT (12) : Họ của nhà vua.

TUYÊN TRUNG VỆ QUỐC ĐẠI VƯƠNG (*Lời dẫn chuyện*) : Cũng có thể viết là Trung Tuyên vệ quốc Đại vương, tuy nhiên, nghĩa không đổi : tước Đại vương, hiệu là Trung Tuyên vệ quốc.

THẠCH THẤT (33) : Tên đất thuộc tỉnh Hà Tây.

TOÁT THÔNG VƯƠNG (12) : Là người được phong tước Vương, hiệu Toát Thông (tước Vương hai chữ) nhưng đây là tước Vương phong cho các vị tù trưởng thiểu số, chỉ là hư hàm mà thôi.

THÁI SỬ LỆNH (9) : Chức việc quan trọng, chỉ giao cho quan lại cỡ lớn làm trong nhất thời. Đây chỉ việc quan Thượng thư bộ Lại là Đỗ Tĩnh được vua Trần giao việc đi đo đạc ruộng đất.

THÁI TỬ THÁI PHÓ (22) : Trong quan lại, cao nhất là hàng Tam thái : Thái sư, Thái phó và Thái bảo. Hai chữ *Thái tử* ở đây là gia hàm, ban thêm cho người được phong hàm Thái phó. Xin lưu ý thêm rằng, hệ thống quan chức của Trung Quốc thời Minh có khác với hệ thống quan chức của nước ta thời Hồ. Thái tử Thái phó nói ở đây là Thái tử Thái phó Chu Năng (tướng chỉ huy của quân Minh).

THÁI THƯỢNG NGUYÊN QUÂN HOÀNG ĐẾ (10) : Danh xưng của vua Trần Thuận Tông sau khi bị Hồ Quý Ly ép phải nhường ngôi cho con là Trần Thiếu Đế. Nhường ngôi xong, Trần Thuận Tông buộc phải đi tu theo Đạo giáo nên mới có danh xưng này.

THÁI ÚY (3) : Hàm võ quan, nhưng thời Trần và thời Hồ chỉ dùng để gia hàm cho các vị tôn thất khi họ được kiêm làm Tể tướng (hoặc Tướng quốc).

THAM MUU QUÂN SỰ (*Lời dân chuyện*) : Chức lo việc giúp vua bàn tính chuyện quân sự. Đây chỉ chức của Hồ Quý Ly năm 1375.

THAM NGHỊ (24) : Chức được tham gia bàn việc. Đây chỉ chức của Bùi Bá Kỳ khi Bùi Bá Kỳ theo quân Minh về nước ta. Trong quan chế thời này, Tham nghị chỉ là hư hàm, nằm ở ngoại ngạch, chỉ ban cho Bùi Bá Kỳ như một sự an ủi mà thôi.

THÀNH QUỐC CÔNG (22) : Tước Quốc công, hiệu là Thành. Đây chỉ tước của tướng nhà Minh là Chu Năng.

THIỆT LIÊM, THIẾT SANG (2) : Tên đơn vị quân đội.

TRANG (6) : Tên đơn vị hành chánh địa phương, ở dưới cấp lộ, tương đương với huyện hoặc châu. Đây chỉ trang Nam Định là một trang trong phủ Nam Định lúc bấy giờ.

TRÁNG SĨ NHƯ PHÀN (30) : Tráng sĩ như Phan Khoái. Phan Khoái là võ tướng của Hán Cao Tổ. Trong bữa tiệc ở Hồng Môn, Hạng Vũ muốn tìm cách giết Hán Cao Tổ. Phan Khoái biết, liền xông vào mà nói rằng : Nay có tiệc rượu thì xin được uống rượu. Nói rồi lừ mắt nhìn Hạng Vũ, khiến Hạng Vũ phải đổi ý mà lấy rượu thịt mời Phan Khoái ăn. Phan Khoái vừa uống vừa ăn gọn cả một vai heo ! Hạng Vũ khen Phan Khoái là tráng sĩ. Đây Nguyễn Biểu ví mình cũng như Phan Khoái, ung dung ăn để giữ tư thế sứ giả của vua khởi nghĩa là Trùng Quang Đế.

TRUNG THU HOÀNG MÔN THỊ LANG KIÊM TRI ÁI CHÂU THÔNG PHÁN (7) : Quan có hàm ngang với Thượng thư, làm việc ở dinh thự có tên là Hoàng Môn, kiêm đứng đầu các việc ở châu Ái. Châu Ái nay thuộc Thanh Hóa và Bắc Nghệ An.

TRI PHỦ (26) : Chức quan đứng đầu một phủ, cũng có khi gọi là An phủ sứ.

TRI THẨM HÌNH VIỆN (3) : Chức quan cao cấp trong cơ quan Thẩm hình viện của nhà nước. Cơ quan này chuyên lo việc xét xử, án kiện, ngục tụng v.v...

TRUNG THỊ LANG ĐỒNG TRI THẨM HÌNH VIỆN SỰ (7) : Người có chức dưới Thượng thư, kiêm coi các việc với các quan trong cơ quan Thẩm hình viện.

TRUNG THƯ, THƯỢNG THU SÁNH, PHỤNG NHIỆP CHÍNH, CAI GIÁO HOÀNG ĐẾ THÁNH CHỈ (10) : Tờ thánh chỉ của người coi việc dạy dỗ Hoàng đế nhỏ tuổi, cũng là người đang giữ quyền nhiếp chính, ban ra từ nơi làm việc của các quan Thượng thư trong triều. Đây chỉ các tờ văn kiện do Hồ Quý Ly ban ra.

TRUNG TUYẾN QUỐC THƯỢNG HẦU (*Lời dẫn chuyện*) : Người có tước Quốc thượng hầu, hiệu là Trung Tuyên. Đây là tước của Hồ Quý Ly năm 1371.

TRỤ QUỐC (12) : Tên hiệu của Nhật Đôn.

VẬT BÀY THỎ THỦ (30) : Thức ăn có món đầu thỏ. Chữ lấy trong thơ *Biểu diệp* của *Kinh Thi* : "Hữu thố tư thủ" (có món đầu thỏ ấy). Ý chỉ yến tiệc ngon.

VỆ CẨM Y (29) : Tên một đơn vị quân đội thường trực của triều đình. Đơn vị này thường được giao việc bắt giam những người phạm tội và cai quản phạm nhân.

VỆ LINH CÔNG (7) : Tên một nhân vật người Trung Quốc thời Xuân Thu. Vệ Linh Công là chồng của nàng Nam Tử, nổi tiếng xinh đẹp nhưng cũng nổi tiếng dâm dật.

XẠ KỊ VỆ THƯỢNG TƯỚNG QUÂN (11) : Võ quan hàm Thượng tướng, cai quản vệ quân có tên gọi là Xạ Kị (Các vệ quân có cuối thời Trần và thời Hồ là : Kim Ngô, Long Tiệp, Phụng Thần, Xạ Kị, Thần Sách và Kiêu Kị).

Theo binh chế xưa, Thượng tướng là hàm võ quan cao cấp.

*

* *

CHÚ THÍCH BÀI VĂN TẾ NGUYỄN BIỂU, VIẾT BẰNG CHỮ NÔM CỦA TRÙNG QUANG ĐẾ

- Câu 1 :** Sinh rồi lại mất, luân chuyển không cùng, máy tạo hóa thật là mầu nhiệm mà khó thấy.
- Câu 2 :** Có đó rồi không cũng đó, bụi cõi đời rõ thay.
- Câu 3 :** Thù không đội trời chung, trời đất chứng giám.
- Câu 4 :** Hạn đến vô cùng, thế đế quý thần rồ.
- Câu 5 :** Nhớ thời tiên sinh giơ cao chiếc mũ có hình con giải trâu, (giải trâu là con vật mà tương truyền, tự nó có thể biết được ai chính ai tà. Vì lẽ đó, các quan Ngự sử thường đội mũ giải trâu. Mũ giải trâu tượng trưng cho khí tiết ngay thẳng, không thiên vị bất cứ ai).
- Câu 6 :** Vững lòng nơi làm việc can gián, cam làm cột đá để ngăn dòng nước chảy sai chiều (ý chỉ ngăn việc sai trái).
- Câu 7 :** Cho đến lúc tiên sinh lên ngựa đi xa, hăm hở mà chỉ,
- Câu 8 :** Cán cờ của sứ giả bỗng gặp gió thu cản trở mà nên nổi.
- Câu 9 :** Giặc Hồ hôi tanh chỉ hòng làm hại.
- Câu 10 :** Gan như sắt đá ; Tô Vũ (thời Hán bên Trung Quốc) cũng chẳng dễ sánh.
- Câu 11 :** Quan Vân Trường vì gặp Lữ Mong (tướng của nhà Đông Ngô) nên mới sa cơ.
- Câu 12 :** Thoáng thấy chữ *phệ tề hà cập* (ăn năn sao kịp) mà lòng dạ bùi ngùi.
- Câu 13 :** Lưu Huyền Đức giận Lục Tốn, mong trả thù này,

- Câu 14 :** Nghi đến câu *thường đảm bất vong* (nắm mật đắng cho khỏi quên) lòng thêm dọi dọi.
- Câu 15 :** Sầu kia không lấp cạn dòng (ý nói nỗi sầu rất lớn, khó có thể quên, nhưng vẫn không ngăn được chí lớn),
- Câu 16 :** Thảm nọ dễ xây nên núi (ý nói nỗi thảm quá lớn, nhưng vẫn không che được hướng đã chọn).
- Câu 17 :** Lấy chi để báo đáp đức dày, rượu kim tương (rượu quý) này một lọ.
- Câu 18 :** Vơi vơi xin chúc ba tuần (ba lần rót rượu quý để tể).
- Câu 19 :** Lấy chi để vỗ về hồn thơ, văn dụ tể mấy câu,
- Câu 20 :** Thăm thẳm thông xuống tận nơi chín suối.
(Bài văn tể viết bằng chữ Nôm nói trên, vừa có nhiều điển tích, lại vừa có một số khái niệm rất khó giải thích cho tường tận, nhất là chỉ trong vài ba hàng. Chúng tôi chỉ lược chữ như trên để bạn đọc dễ theo dõi mà thôi).

MỤC LỤC

	Trang
Mấy lời dẫn chuyện	5
01- Hồ Quý Ly với đợt công phá đầu tiên vào triều Trần	9
02- Hồ Quý Ly mượn tay Thượng hoàng Nghệ Tông để giết vua Phế Đế	11
03- Cuộc sát hại có quy mô lớn của Hồ Quý Ly	12
04- Cái chết của Nguyễn Đa Phương	14
05- Số phận của Trần Nguyên Diệu	17
06- Hồ Quý Ly với những đối thủ chính trị cuối cùng	18
07- Cuộc song hành giữa quyền lực và học thuật của Hồ Quý Ly	20
08- Lời thề của Hồ Quý Ly	22
09- Hồ Quý Ly với việc dời đô	25
10- Hồ Quý Ly đã thực hiện lời thề với Thượng hoàng Trần Nghệ Tông như thế nào ?	27
11- Thơ Hồ Quý Ly tặng vua Trần Thuận Tông	28
12- Vụ tru di lớn nhất thế kỉ XIV	30
13- Hồ Hán Thương lên ngôi Thái tử	32
14- Hồ Quý Ly với lời phê vào thư của Nguyễn Cảnh Chân	34
15- Chuyện Nguyễn Bẩm và Trần Đức Huy bị hành quyết	35
16- Vụ thám sát thân thuộc của những hoạn quan	36
17- Vinh và nhục của Hồ Tùng	38
18- Chết chùm vì ngôi lễ đôi mách	39
19- Chuyện Hoàng Hối Khanh	41
20- Lời Hồ Nguyên Trừng	42
21- Số phận của Trần Thiêm Bình	45
22- Cuộc thảm bại của nhà Hồ	46
23- Cái chết của Ngụy Thức, Kiều Biểu và vợ chồng Ngô Miễn	48
24- Thương hại thay ! Bùi Bá Kỳ	50
25- Chuyện Trần Ngỗi với Đặng Dung và Nguyễn Cảnh Chân	53
26- Đặng Dung với bài <i>Thuật hoài</i>	56
27- Đức độ của Giản Định Đế	58
28- Quan Chánh sứ Hồ Ngạn Thần	60
29- Lê Cảnh Tuân với bức <i>Vạn ngôn thư</i>	62
30- Khí phách Nguyễn Biểu	64
31- Đáng đời Phan Liêu	66
32- Tiết tháo của Trùng Quang Đế, Đặng Dung, Nguyễn Cảnh Di và Nguyễn Sứ.	68
33- Chuyện Lộ Văn Luật	70
34- Chuyện Lê Ngã và Trần Thiên Lại	72
35- Nỗi oan khuất của Phạm Luận	74
36- Chuyện người đàn bà ở trang Phao	75
Lời chú cuối sách	78

Chịu trách nhiệm xuất bản :

Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc NGÔ TRẦN ÁI

Phó Tổng Giám đốc kiêm Tổng biên tập VŨ DƯƠNG THUY

Biên tập nội dung và tái bản :

TRẦN KIM NHUNG

Biên tập kĩ thuật :

TRẦN THÀNH TOÀN

Trình bày bìa :

NGUYỄN THU YÊN

Sửa bản in :

THU THẢO

Sắp chữ tại :

PHÒNG SCĐT - CN.NXBGD - TP. HỒ CHÍ MINH

VIỆT SỬ GIAI THOẠI TẬP 4

Mã số: 8H017t5 - CNH

In 3.000 bản, khổ 14.3 x 20.3cm tại Công ty Cổ phần In Gia Định, 9D Nơ Trang Long, Q.Bình Thạnh TP.HCM. Số in: 32/05 HDGC. Số xuất bản: 21/475-05. In xong và nộp lưu chiểu tháng 2 năm 2005.



Cùng tác giả
(tại Nhà xuất bản Giáo dục) :

- VIỆT SỬ GIAI THOẠI (8 tập)
- THỂ THỨC CÁC TRIỀU VUA VIỆT NAM
- DANH TƯỚNG VIỆT NAM
(Trọn bộ 5 tập - Đã in và tái bản 3 tập)
- ĐẠI CƯƠNG LỊCH SỬ VĂN HÓA VIỆT NAM
(Trọn bộ 5 tập - Đã in 2 tập)
- TRÔNG LẠI NGÀN XƯA
(Trọn bộ 3 tập - Đã in 2 tập)
- KỂ CHUYỆN DANH NHÂN NƯỚC NHÀ
(Bộ truyện tranh lịch sử nhiều tập)

Đã xuất bản 2 tập :

Trần Hưng Đạo : Phần 1 : Thời ấy giang sơn

Trần Hưng Đạo : Phần 2 : Đất nước đại phong ba

越史佳話



8 934980 524763



viết sử giai thoại tập 4

1 001062 100966
5.000 VNĐ



Giá: 5.000đ